TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4041547	ĐÀO NGỌC PHƯƠNG	ANH	07/11/2004	QN15C;					
2	224D4041552	LÊ THỊ KIM	ANH	14/01/2004	QN15C;					
3	224D4041553	NGÔ LAN	ANH	13/11/2004	QN15C;					
4	224D4041555	NGUYỄN HOÀNG	ANH	08/09/2004	QN15C;					
5	224D4041569	PHAN THỊ NGỌC	ÁNH	25/10/2004	QN15C;					
6	224D4041571	VƯƠNG NGỌC	ÁNH	13/09/2004	QN15C;					
7	224D4041574	PHẠM NGỌC	BÍCH	31/07/2004	QN15C;					
8	224D4041577	NGHIÊM HUYỀN	CHI	02/02/2004	QN15C;					
9	224D4041578	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	12/05/2004	QN15C;					
10	224D4041594	NGUYỄN VĂN	ĐẠI	01/12/2004	QN15C;					
11	224D4041596	ĐỖ MINH	ĐỨC	25/06/2004	QN15C;					
12	224D4041591	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	09/10/2004	QN15C;					
13	224D4041600	BÙI HƯƠNG	GIANG	21/04/2004	QN15C;					
14	224D4041604	HOÀNG THỊ THU	GIANG	25/12/2004	QN15C;					
15	224D4041613	TRẦN VIỆT	HÀ	12/01/2004	QN15C;					
16	224D4041624	NGUYỄN THANH	HẰNG	17/07/2004	QN15C;					
17	224D4041628	VŨ THU	HIỀN	29/05/2004	QN15C;					
18	224D4041630	NGÔ PHƯƠNG	HOA	14/04/2004	QN15C;					
19	224D4041637	NGUYỄN THỊ THU	HOÀI	07/02/2004	QN15C;					
20	224D4041641	BÙI THỊ	HUẾ	07/05/2004	QN15C;					
21	224D4041643	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	14/09/2004	QN15C;					
22	224D4041657	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	08/01/2004	QN15C;					
23	224D4041646	BÙI QUANG	HUY	20/09/2004	QN15C;					
24	224D4041665	TẠ QUÍ	KIỆT	19/11/2004	QN15C;					
25	224D4041669	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	LÂM	19/05/2004	QN15C;					
26	224D4041671	DƯƠNG NGỌC	LINH	28/09/2004	QN15C;					
27	224D4041680	NGUYỄN THỊ	LINH	23/12/2004	QN15C;					
28	224D4041681	NGUYỄN THỊ	LINH	07/09/2004	QN15C;					
29	224D4041683	NGUYỄN THÙY	LINH	15/05/2004	QN15C;					
30	224D4041684	PHẠM THÙY	LINH	17/11/2004	QN15C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4041685	TRẦN KHÁNH	LINH	11/09/2004	QN15C;					
32	224D4041688	TRỊNH THỊ THÙY	LINH	21/11/2004	QN15C;					
33	224D4041691	TẠ VĂN	LỰC	18/02/2004	QN15C;					
34	224D4041693	HOÀNG THỊ THẢO	LY	25/09/2004	QN15C;					
35	224D4041696	NGUYỄN THỊ	LÝ	07/04/2004	QN15C;					
36	224D4041698	HOÀNG QUỲNH	MAI	24/03/2004	QN15C;					
37	224D4041706	ĐỖ TRÀ	MY	17/10/2004	QN15C;					
38	224D4041716	NGUYỄN VŨ THU	NGÂN	17/09/2004	QN15C;					
39	224D4041714	VŨ THỊ HỒNG	NGÁT	26/03/2004	QN15C;					
40	224D4041719	HOÀNG THỊ HỒNG	NGỌC	16/07/2004	QN15C;					
41	224D4041726	TẠ HỒNG	NGỌC	10/11/2004	QN15C;					
42	224D4041727	HOÀNG THỦY	NGUYÊN	13/11/2004	QN15C;					
43	224D4041731	ĐÀO THỊ MINH	NGUYỆT	23/03/2004	QN15C;					
44	224D4041761	TRẦN MAI	PHƯƠNG	18/07/2004	QN15C;					
45	224D4041758	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	15/01/2003	QN15C;					
46	224D4041760	NHỮ MAI	PHƯƠNG	08/06/2004	QN15C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D1030378	BÙI MINH	QUANG	24/04/2004	XH25C;					
2	224D1030380	NGUYỄN MINH	QUANG	12/10/2004	XH25C;					
3	224D1030381	NGUYỄN MINH	QUANG	10/11/2004	XH25C;					
4	224D1030385	NGUYỄN HOÀNG THẢO	QUYÊN	06/01/2004	XH25C;					
5	224D1030391	GIÁP TRẦN THANH	SƠN	02/07/2004	XH25C;					
6	224D1030399	CAO THIÊN	THẠCH	26/06/2004	XH25C;					
7	224D1030415	TRẦN VIỆT	THẮNG	05/11/2004	XH25C;					
8	224D1030403	TRỊNH KIỀU	THANH	16/12/2004	XH25C;					
9	224D1030413	NGUYỄN THU	THẢO	11/05/2004	XH25C;					
10	224D1030416	LƯƠNG ĐỨC	THIỆN	14/05/2004	XH25C;					
11	224D1030418	NGUYỄN VĂN	THỌ	15/02/2004	XH25C;					
12	224D1030423	PHÙNG VŨ ANH	THƯ	30/09/2004	XH25C;					
13	224D1030424	TRẦN ANH	THƯ	24/11/2004	XH25C;					
14	224D1030428	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	27/07/2004	XH25C;					
15	224D1030436	NGUYỄN THANH	TRANG	27/08/2003	XH25C;					
16	224D1030438	PHẠM QUỲNH	TRANG	28/07/2004	XH25C;					
17	224D1030439	PHÓ THỊ HUYỀN	TRANG	27/09/2004	XH25C;					
18	224D1030440	TRẦN HÀ	TRANG	05/03/2004	XH25C;					
19	224D1030458	TRƯƠNG ĐỨC	TÙNG	01/05/2004	XH25C;					
20	224D1030460	NGUYỄN THU	UYÊN	26/03/2004	XH25C;					
21	224D1030461	PHẠM PHƯƠNG	UYÊN	06/11/2004	XH25C;					
22	224D1030469	LƯU NGUYỄN TRÚC	VY	20/03/2004	XH25C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4020951	CHU THỊ KIM	ANH	17/02/2004	TN17A;					
2	224D4020954	ĐÀO LÊ PHƯƠNG	ANH	21/02/2004	TN17A;					
3	224D4020955	ĐÀO THỊ VÂN	ANH	28/04/2004	TN17A;					
4	224D4020968	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	20/12/2004	TN17A;					
5	224D4020971	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	21/04/2004	TN17A;					
6	224D4020975	TRẦN THỊ VÂN	ANH	04/07/2004	TN17A;					
7	224D4020978	VŨ MAI QUỲNH	ANH	14/07/2004	TN17A;					
8	224D4020980	VŨ PHƯƠNG	ANH	16/12/2003	TN17A;					
9	224D4020981	NGUYỄN THỊ	ÁNH	13/04/2004	TN17A;					
10	224D4020983	TRẦN THỊ HỒNG	ÁNH	11/08/2004	TN17A;					
11	224D4020984	NGUYỄN TRỌNG	BẢO	22/04/2004	TN17A;					
12	224D4020986	ĐỖ THANH	BÌNH	23/06/2004	TN17A;					
13	224D4020987	NGUYỄN LÊ BẢO	CHÂU	21/06/2004	TN17A;					
14	224D4020988	ĐINH THỊ LINH	CHI	15/06/2004	TN17A;					
15	224D4020991	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	09/12/2004	TN17A;					
16	224D4021003	NGUYỄN TRẦN TẤT	ĐẠT	15/07/2004	TN17A;					
17	224D4020993	TRƯƠNG QUANG	DŨNG	12/03/2004	TN17A;					
18	224D4021008	CAO THỊ HƯƠNG	GIANG	11/05/2004	TN17A;					
19	224D4021009	LÊ THÙY	GIANG	20/07/2004	TN17A;					
20	224D4021010	MAI HƯƠNG	GIANG	17/11/2004	TN17A;					
21	224D4021013	NGUYỄN THỊ	GIANG	26/07/2004	TN17A;					
22	224D4021014	PHÙNG THỊ	GIANG	18/06/2004	TN17A;					
23	224D4021015	TRẦN THỊ HƯƠNG	GIANG	05/04/2004	TN17A;					
24	224D4021019	NGHIÊM VIỆT	HÀ	27/07/2004	TN17A;					
25	22DH4023000	LÊ THỊ MINH	HẰNG	04/08/2004	TN17A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4041546	ĐỖ PHƯƠNG	ANH	26/06/2004	QN15A;					
2	224D4041549	HÀ PHƯƠNG	ANH	15/12/2004	QN15A;					
3	224D4041550	HOÀNG THỊ HẢI	ANH	11/02/2004	QN15A;					
4	224D4041557	NGUYỄN NGỌC	ANH	26/08/2004	QN15A;					
5	224D4041558	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	20/08/2004	QN15A;					
6	224D4041559	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	08/04/2004	QN15A;					
7	224D4041563	PHẠM THỊ MAI	ANH	09/05/2004	QN15A;					
8	224D4041566	ĐỖ THỊ NGỌC	ÁNH	27/02/2004	QN15A;					
9	224D4041565	DƯƠNG THỊ HỒNG	ÁNH	18/01/2004	QN15A;					
10	224D4041572	HOÀNG THỊ	BẮC	01/01/2004	QN15A;					
11	224D4041582	BÙI THỊ NHẬT	CHÚC	13/10/2004	QN15A;					
12	224D4041595	NGUYỄN KHÁNH	ĐĂNG	22/04/2004	QN15A;					
13	224D4041584	BÙI THỊ	DỊU	13/05/2004	QN15A;					
14	224D4041585	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	16/12/2004	QN15A;					
15	224D4041589	LÊ THỊ ÁNH	DƯƠNG	12/10/2004	QN15A;					
16	224D4041590	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	14/10/2004	QN15A;					
17	224D4041592	TRẦN THÙY	DƯƠNG	11/01/2004	QN15A;					
18	224D4041586	ĐỖ THỊ MỸ	DUYÊN	08/06/2004	QN15A;					
19	224D4041606	TRẦN THỊ	GIANG	02/06/2004	QN15A;					
20	224D4041611	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	29/09/2004	QN15A;					
21	224D4041612	TRẦN THU	HÀ	04/03/2004	QN15A;					
22	224D4041614	TRẦN VIỆT	HÀ	11/01/2004	QN15A;					
23	224D4041616	BÙI ANH	HẢI	16/03/2004	QN15A;					
24	224D4041622	NGUYỄN THỊ	HẰNG	07/04/2004	QN15A;					
25	224D4041617	NGUYỄN THỊ	HẠNH	01/02/2004	QN15A;					
26	224D4041618	NGUYỄN THỊ	HẠNH	12/12/2004	QN15A;					
27	224D4041629	CHU THỊ THANH	HOA	08/07/2004	QN15A;					
28	224D4041635	NGUYỄN PHƯƠNG	HOÀI	29/08/2004	QN15A;					
29	224D4041636	NGUYỄN THỊ	HOÀI	09/02/2004	QN15A;					
30	224D4041639	KHUẤT THỊ	HỒNG	22/07/2004	QN15A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4041660	NGUYỄN THỊ THÚY	HƯỜNG	24/10/2004	QN15A;					
32	224D4041648	HOÀNG THU	HUYỀN	30/01/2004	QN15A;					
33	224D4041649	HOÀNG THÚY	HUYỀN	16/06/2004	QN15A;					
34	224D4041654	TRẦN THỊ	HUYỀN	19/09/2004	QN15A;					
35	224D4041662	NGUYỄN XUÂN	KHÁNH	30/05/2004	QN15A;					
36	224D4041663	ĐÀO TRUNG	KIÊN	30/05/2004	QN15A;					
37	224D4041668	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	25/04/2004	QN15A;					
38	224D4041670	NGUYỄN THỊ THU	LIÊN	19/12/2003	QN15A;					
39	224D4041672	DƯƠNG THỊ NGỌC	LINH	29/09/2004	QN15A;					
40	224D4041677	NGUYỄN KHÁNH	LINH	20/12/2004	QN15A;					
41	224D4041682	NGUYỄN THẢO	LINH	15/07/2004	QN15A;					
42	224D4041679	NGUYỄN THỊ	LINH	15/11/2004	QN15A;					
43	224D4041690	LƯU TRÍ	LONG	10/07/2004	QN15A;					
44	224D4041692	BÙI THỊ HIỀN	LƯƠNG	15/01/2004	QN15A;					
45	224D4041701	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	17/08/2004	QN15A;					
46	224D4041709	QUÁCH NGUYỄN TRÀ	MY	14/07/2004	QN15A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D1030359	NGUYỄN LÂM	NHI	17/10/2004	XH25B;					
2	224D1030368	NGÔ VĨ	NINH	25/10/2004	XH25B;					
3	224D1030372	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	02/06/2004	XH25B;					
4	224D1030376	TRẦN HÀ	PHƯƠNG	24/09/2004	XH25B;					
5	224D1030386	NGUYỄN MỸ	QUYÊN	26/03/2004	XH25B;					
6	224D1030389	TRẦN XUÂN TRÚC	QUỲNH	13/01/2004	XH25B;					
7	224D1030396	PHẠM MINH	TÂM	14/08/2004	XH25B;					
8	224D1030395	PHAN ĐAN	TÂM	05/04/2004	XH25B;					
9	224D1030400	PHẠM NHƯ	THÁI	18/05/2004	XH25B;					
10	224D1030412	NGUYỄN THU	THẢO	19/03/2004	XH25B;					
11	224D1030419	ĐẶNG THỊ	THU	03/10/2004	XH25B;					
12	224D1030425	CHU AN	THƯƠNG	16/12/2004	XH25B;					
13	224D1030427	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	10/01/2003	XH25B;					
14	224D1030420	PHẠM DIỆU	THÚY	03/05/2004	XH25B;					
15	224D1030430	PHẠM MINH	TIẾN	19/10/2004	XH25B;					
16	224D1030431	LÊ ĐỨC	TOÀN	16/04/2004	XH25B;					
17	224D1030442	HOÀNG THỤC	TRINH	17/04/2004	XH25B;					
18	224D1030451	HOÀNG ANH	TUẤN	29/03/2004	XH25B;					
19	224D1030453	NGUYỄN ANH	TUẤN	28/08/2004	XH25B;					
20	224D1030455	BÙI HOÀNG	TÙNG	29/05/2004	XH25B;					
21	224D1030462	DƯƠNG THANH	VÂN	19/08/2004	XH25B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D8012064	BÙI VÂN	ANH	10/10/2004	LW14A;					
2	224D8012065	ĐẶNG NGỌC	ANH	22/10/2004	LW14A;					
3	224D8012136	NGUYỄN THỊ HOÀNG	ANH	20/12/2004	LW14A;					
4	224D8012074	TRẦN THỊ LAN	ANH	05/10/2004	LW14A;					
5	224D8012076	VŨ QUỲNH	ANH	04/09/2004	LW14A;					
6	224D8012085	LỤC MINH	CHÂU	07/10/2004	LW14A;					
7	224D8012087	BÙI CHIẾN	CÔNG	27/07/2004	LW14A;					
8	224D8012104	CHỬ DANH	ĐẠT	06/10/2004	LW14A;					
9	224D8012105	PHẠM TIẾN	ĐẠT	12/11/2004	LW14A;					
10	224D8012089	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	16/07/2004	LW14A;					
11	224D8012107	BÙI HOÀNG	ĐỈNH	24/09/2004	LW14A;					
12	224D8012108	TRỊNH ĐÌNH	ĐÔNG	15/07/2004	LW14A;					
13	224D8012110	PHẠM HỮU	ĐỨC	27/08/2004	LW14A;					
14	224D8012092	NGÔ THÙY	DUNG	03/08/2004	LW14A;					
15	224D8012100	NGUYỄN TIẾN	DƯƠNG	13/03/2004	LW14A;					
16	224D8012094	NGUYỄN CÔNG	DUY	11/02/2004	LW14A;					
17	224D8012095	PHẠM HOÀNG ĐỨC	DUY	08/08/2004	LW14A;					
18	224D8012112	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	04/03/2004	LW14A;					
19	224D8012113	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	26/01/2004	LW14A;					
20	224D8012116	TẠ THỊ THU	HÀ	03/03/2004	LW14A;					
21	224D8012121	NGHIÊM THU	HẰNG	03/11/2004	LW14A;					
22	224D8012122	NGÔ THỊ THU	HẰNG	14/12/2004	LW14A;					
23	224D8012120	NGUYỄN HỒNG	HẠNH	29/01/2004	LW14A;					
24	224D8012123	DƯƠNG THU	HIỀN	05/08/2004	LW14A;					
25	224D8012129	BÙI THỊ MINH	HÒA	09/07/2004	LW14A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **Thực hành KT**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D1030231	TỐNG THỊ	HÒA	11/11/2004	XH25B;					
2	224D1030232	NGUYỄN HUY	HOÀNG	08/06/2004	XH25B;					
3	224D1030233	PHẠM VIỆT	HOÀNG	20/07/2004	XH25B;					
4	224D1030234	TRỊNH MINH	HOÀNG	01/10/2004	XH25B;					
5	224D1030236	LÊ THỊ NHẬT	HỒNG	09/07/2004	XH25B;					
6	224D1030239	PHAN THẾ	HÙNG	06/07/2004	XH25B;					
7	224D1030252	BÙI THỊ THU	HƯƠNG	07/03/2004	XH25B;					
8	224D1030242	LÊ QUANG	HUY	23/11/2004	XH25B;					
9	224D1030259	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	09/08/2004	XH25B;					
10	224D1030262	ĐỖ VIỆT	KHÔI	01/01/2004	XH25B;					
11	224D1030263	BÙI TRUNG	KIÊN	23/12/2004	XH25B;					
12	224D1030265	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	04/10/2004	XH25B;					
13	224D1030269	NGUYỄN PHƯƠNG	LAN	15/03/2004	XH25B;					
14	224D1030270	BÙI KHÁNH	LINH	23/02/2004	XH25B;					
15	224D1030273	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	LINH	10/09/2002	XH25B;					
16	224D1030283	NGUYỄN THỊ HOÀI	LINH	28/02/2004	XH25B;					
17	224D1030285	PHẠM KHÁNH	LINH	19/09/2004	XH25B;					
18	224D1030289	TRẦN KHÁNH	LINH	15/11/2004	XH25B;					
19	224D1030291	TRẦN THỊ NGỌC	LINH	16/11/2004	XH25B;					
20	224D1030297	TRỊNH HOÀNG	LONG	14/08/2004	XH25B;					
21	224D1030301	ĐỖ HƯƠNG	LY	08/07/2003	XH25B;					
22	224D1030303	PHẠM THỊ KIM	LY	02/12/2004	XH25B;					
23	224D1030305	CAO THỊ	MAI	27/06/2004	XH25B;					
24	224D1030312	DƯƠNG THẾ	MẠNH	03/04/2004	XH25B;					
25	224D1030320	PHẠM THANH	MINH	29/07/2004	XH25B;					
26	224D1030327	TRẦN HUYỀN	MY	23/11/2004	XH25B;					
27	224D1030328	VŨ MINH TRÀ	MY	27/05/2004	XH25B;					
28	224D1030333	ĐẶNG THU	NGÂN	25/10/2004	XH25B;					
29	224D1030334	LÊ THÙY	NGÂN	09/02/2004	XH25B;					
30	224D1030340	NGUYỄN CHÍ	NGHĨA	18/11/2003	XH25B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **Thực hành KT**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D1030342	ĐỖ BÍCH	NGỌC	07/04/2004	XH25B;					
32	224D1030354	NGUYỄN VŨ	NGUYÊN	04/04/2004	XH25B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **Thực hành KT**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4082002	HOÀNG LAN	NHI	27/01/2004	QH9B;					
2	224D4082008	TRẦN YẾN	NHI	11/06/2004	QH9B;					
3	224D4082014	TRƯƠNG MAI	PHƯƠNG	23/06/2004	QH9B;					
4	224D4082016	NGUYỄN VIỆT	QUANG	08/01/2004	QH9B;					
5	224D4082017	TRẦN ĐỨC	QUANG	26/01/2004	QH9B;					
6	224D4082018	PHẠM ĐỨC	QUYẾT	12/05/2003	QH9B;					
7	224D4082021	PHẠM THỊ NHƯ	QUỲNH	26/10/2004	QH9B;					
8	224D4082022	NGUYỄN HỒNG	SƠN	16/07/2004	QH9B;					
9	224D4082030	PHẠM THÀNH	THƠ	10/05/2004	QH9B;					
10	224D4082038	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	11/07/2004	QH9B;					
11	224D4082036	VŨ MINH	THÚY	04/11/2004	QH9B;					
12	224D4082034	TRẦN THỊ	THÙY	10/12/2004	QH9B;					
13	224D4082040	CAO THỊ THÙY	TRANG	31/12/2004	QH9B;					
14	224D4082041	ĐÀM HUYỀN	TRANG	13/07/2004	QH9B;					
15	224D4082045	NGUYỄN THỊ	TRANG	12/06/2004	QH9B;					
16	224D4082046	TRẦN HÀ	TRANG	11/11/2004	QH9B;					
17	224D4082047	NGUYỄN THẾ	TRIỂN	11/06/2004	QH9B;					
18	224D4082048	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	06/11/2004	QH9B;					
19	224D4082052	TRỊNH THU	UYÊN	20/05/2004	QH9B;					
20	224D4082054	VŨ THÙY	VÂN	16/06/2004	QH9B;					
21	224D4082055	LÊ HÀ	VI	02/06/2004	QH9B;					
22	224D4082060	NGUYỄN TƯỜNG	VY	17/11/2004	QH9B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **Thực hành KT**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4010562	NGUYỄN HUY	DUY	01/06/2004	QT30D;					
2	224D4010601	NGUYỄN THỊ	HẰNG	21/06/2004	QT30D;					
3	224D4010620	BÙI MINH	HOÀI	08/12/2004	QT30D;					
4	224D4010629	PHẠM THỊ	HUỆ	06/02/2004	QT30D;					
5	224D4010652	MAI THỊ	HƯƠNG	08/03/2004	QT30D;					
6	224D4010658	TẠ THỊ	HƯƠNG	09/05/2004	QT30D;					
7	224D4010634	NGUYỄN DƯƠNG	HUY	18/11/2004	QT30D;					
8	224D4010636	NGUYỄN GIA	HUY	12/11/2004	QT30D;					
9	224D4010637	NGUYỄN LÊ	HUY	05/11/2004	QT30D;					
10	224D4010666	PHẠM NGỌC	KHÁNH	12/06/2003	QT30D;					
11	224D4010672	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	09/12/2004	QT30D;					
12	224D4010676	NGUYỄN THỊ MAI	LAN	12/10/2004	QT30D;					
13	224D4010705	TẠ HỒNG	LINH	07/02/2002	QT30D;					
14	224D4010708	TRẦN HÀ DIỆU	LINH	02/09/2004	QT30D;					
15	224D4010716	QUÁCH BẢO	LỘC	01/01/2004	QT30D;					
16	224D4010719	BÙI THỊ NGỌC	MAI	11/06/2004	QT30D;					
17	224D4010738	TRẦN THỊ HÀ	MINH	08/06/2004	QT30D;					
18	224D4010742	ĐINH THỊ TRÀ	MY	02/01/2004	QT30D;					
19	224D4010744	NGUYỄN HUYỀN	MY	17/04/2004	QT30D;					
20	224D4010751	ĐÀO VŨ NGUYỆT	NGA	26/07/2004	QT30D;					
21	224D4010762	PHẠM THỊ THÙY	NGÂN	26/05/2003	QT30D;					
22	224D4010766	ĐỖ NHƯ	NGỌC	16/07/2004	QT30D;					
23	224D4010771	NGUYỄN THỊ	NGỌC	01/05/2004	QT30D;					
24	224D4010775	ĐẶNG THẢO	NGUYÊN	09/11/2004	QT30D;					
25	224D4010793	ĐÀO MAI	NINH	19/09/2004	QT30D;					
26	224D4010794	ĐÀO THỊ KHÁNH	NINH	28/12/2004	QT30D;					
27	224D4010797	BÙI THỊ KIM	OANH	21/02/2004	QT30D;					
28	224D4010804	DƯƠNG MINH	PHÚ	31/10/2004	QT30D;					
29	224D4010806	DƯƠNG THỊ THU	PHƯƠNG	13/09/2004	QT30D;					
30	224D4010815	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	31/07/2004	QT30D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **Thực hành KT**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4010814	NGUYỄN THỊ MINH	PHƯƠNG	13/02/2004	QT30D;					
32	224D4010828	ĐẶNG THANH	QUÝ	28/12/2003	QT30D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **Thực hành KT**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D6012631	NGUYỄN THU	THẢO	22/08/2004	CT19A;					
2	224D6012637	LÊ VĂN	THỌ	21/11/2004	CT19A;					
3	224D6012641	HOÀNG THỊ HOÀI	THU	21/04/2004	CT19A;					
4	224D6012648	NGUYỄN THỊ	THƯ	03/11/2004	CT19A;					
5	224D6012644	NGUYỄN THANH	THỦY	17/10/2004	CT19A;					
6	224D6012653	DƯƠNG THÙY	TRANG	15/06/2004	CT19A;					
7	224D6012658	LÊ QUỲNH	TRANG	08/12/2004	CT19A;					
8	224D6012661	NGUYỄN KIỀU	TRANG	04/02/2004	CT19A;					
9	224D6012679	NGUYỄN NGỌC	TÚ	13/05/2004	CT19A;					
10	224D6012680	PHẠM ANH	TÚ	23/12/2004	CT19A;					
11	224D6012698	NGUYỄN ĐỨC	VIỆT	14/06/2004	CT19A;					
12	224D6012700	MẠC KHÁNH	VINH	17/07/2004	CT19A;					
13	224D6012704	NGUYỄN THẢO	VY	25/07/2004	CT19A;					
14	224D6012247	ĐOÀN CHÚC	AN	10/12/2004	CT19B;					
15	224D6012249	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	10/10/2004	CT19B;					
16	224D6012252	ĐÀO PHƯƠNG	ANH	02/10/2004	CT19B;					
17	224D6012253	HOÀNG ĐỨC	ANH	27/09/2004	CT19B;					
18	224D6012256	LÊ NGỌC	ANH	21/08/2004	CT19B;					
19	224D6012263	NGUYỄN LÊ VÂN	ANH	25/11/2004	CT19B;					
20	224D6012276	NGUYỄN TUẤN	ANH	13/01/2004	CT19B;					
21	224D6012290	VƯƠNG HOÀNG MAI	ANH	19/08/2004	CT19B;					
22	224D6012293	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	11/10/2004	CT19B;					
23	224D6012295	NGUYỄN THỊ MINH	ÁNH	28/03/2004	CT19B;					
24	224D6012300	VŨ VĂN	BIÊN	20/07/2004	CT19B;					
25	224D6012301	NGUYỄN THỊ	BÌNH	07/01/2004	CT19B;					
26	224D6012303	DƯƠNG THỊ HUYỀN	CHÂU	17/02/2004	CT19B;					
27	224D6012306	ĐINH MINH	CHI	23/07/2004	CT19B;					
28	224D6012345	LÊ THỊ LINH	ĐAN	13/07/2004	CT19B;					
29	224D6012346	NGUYỄN VŨ LINH	ĐAN	14/01/2004	CT19B;					
30	224D6012349	VÕ TRỌNG	ĐÀN	01/08/2004	CT19B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **Thực hành KT**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D6012354	ĐỖ MINH	ĐĂNG	14/04/2004	CT19B;					
32	224D6012350	NGUYỄN THỊ	ĐÀO	27/10/2004	CT19B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **Thực hành KT**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D5022713	NGUYỄN HÀ	ANH	18/09/2004	BH30A;					
2	224D5022716	NGUYỄN LAN	ANH	22/01/2004	BH30A;					
3	224D5022723	VŨ PHẠM VÂN	ANH	29/11/2004	BH30A;					
4	224D5022734	NGUYỄN PHÚ	CHÍNH	06/01/2004	BH30A;					
5	224D5022735	PHÙNG THÁI	CƯƠNG	30/07/2004	BH30A;					
6	224D5022758	HÀ HẢI	ĐĂNG	03/10/2004	BH30A;					
7	224D5022756	PHẠM TIẾN	ĐẠT	02/09/2004	BH30A;					
8	224D5022757	VŨ QUANG	ĐẠT	03/04/2004	BH30A;					
9	224D5022762	ĐẶNG HỮU	ĐỨC	04/09/2004	BH30A;					
10	224D5022741	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	21/10/2003	BH30A;					
11	224D5022748	HÀ THÙY	DƯƠNG	02/07/2004	BH30A;					
12	224D5022751	PHẠM THÙY	DƯƠNG	22/08/2004	BH30A;					
13	224D5022742	ĐỖ TRẦN ANH	DUY	11/01/2004	BH30A;					
14	224D5022769	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	HÀ	27/09/2004	BH30A;					
15	224D5022772	TRẦN NHẬT	HẠ	21/07/2004	BH30A;					
16	224D5022773	NGUYỄN HOÀNG	HẢI	06/09/2004	BH30A;					
17	224D5022779	TRẦN NGỌC	HIỀN	05/03/2004	BH30A;					
18	224D5022787	NGUYỄN THỊ	HỢP	24/02/2004	BH30A;					
19	224D5022789	NGUYỄN TRẦN	HÙNG	11/09/2004	BH30A;					
20	224D5022799	NGUYỄN QUANG	HƯNG	27/01/2004	BH30A;					
21	224D5022800	NGUYỄN LINH	HƯƠNG	16/12/2004	BH30A;					
22	224D5022805	NGUYỄN PHÚ	KHÁNH	05/03/2004	BH30A;					
23	224D5022806	NGUYỄN QUANG	KHÁNH	18/01/2004	BH30A;					
24	224D5022807	TRẦN BẢO	KHÁNH	14/08/2004	BH30A;					
25	224D5022808	VI ĐÌNH	KHÁNH	02/12/2004	BH30A;					
26	224D5022816	TRẦN NGỌC MAI	LAN	28/06/2004	BH30A;					
27	224D5022817	TRẦN THỊ MAI	LAN	02/12/2004	BH30A;					
28	224D5022820	DƯƠNG ĐÌNH	LÂN	11/06/2004	BH30A;					
29	224D5022822	ĐÀO KHÁNH	LINH	30/03/2004	BH30A;					
30	224D5022821	ĐỖ THỊ MAI	LINH	12/08/2004	BH30A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **Thực hành KT**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D5022832	TRẦN ĐÌNH	LONG	24/01/2004	BH30A;					
32	224D5022835	ĐÀM DIỆU	LY	03/11/2004	BH30A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **Thực hành KT**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4031337	NGUYỄN QUANG	HUY	03/04/2004	KT17B;					
2	224D4031339	BÙI THỊ KHÁNH	HUYỀN	05/04/2004	KT17B;					
3	224D4031344	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	15/02/2004	KT17B;					
4	224D4031347	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	25/10/2004	KT17B;					
5	224D4031348	NGUYỄN THU	HUYỀN	22/10/2004	KT17B;					
6	224D4031349	NGUYỄN THU	HUYỀN	21/04/2004	KT17B;					
7	224D4031360	NGUYỄN THÁI	KHANG	11/12/2004	KT17B;					
8	224D4031361	NGUYỄN MINH	KHANH	24/02/2004	KT17B;					
9	224D4031369	BÙI KHÁNH	LINH	11/03/2004	KT17B;					
10	224D4031378	LÊ TRƯƠNG THẢO	LINH	26/10/2004	KT17B;					
11	224D4031379	NGUYỄN KHÁNH	LINH	04/10/2004	KT17B;					
12	224D4031385	TRẦN THỊ KHÁNH	LINH	29/12/2004	KT17B;					
13	224D4031391	KHÚC KHÁNH	LY	11/11/2004	KT17B;					
14	224D4031393	NGUYỄN THỊ CẨM	LY	29/12/2004	KT17B;					
15	224D4031396	ĐỖ THỊ XUÂN	MAI	26/02/2004	KT17B;					
16	224D4031405	CAO TRÀ	MY	07/04/2004	KT17B;					
17	224D4031415	NGUYỄN THÚY	NGÂN	05/08/2004	KT17B;					
18	224D4031419	ĐỖ THỊ HỒNG	NGỌC	11/03/2004	KT17B;					
19	224D4031420	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	21/11/2004	KT17B;					
20	224D4031421	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	13/12/2004	KT17B;					
21	224D4031423	NGUYỄN THỊ	NGỌC	19/01/2004	KT17B;					
22	224D4031425	TRỊNH THỊ ÁNH	NGỌC	12/05/2004	KT17B;					
23	224D4031432	TRẦN PHƯƠNG	NHI	22/11/2004	KT17B;					
24	224D4031433	ĐINH THỊ THU	NHUNG	27/06/2004	KT17B;					
25	224D4031436	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	24/02/2004	KT17B;					
26	224D4031452	ĐẶNG TÚ	PHƯƠNG	25/01/2004	KT17B;					
27	224D4031456	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	05/11/2004	KT17B;					
28	224D4031457	NGUYỄN THỊ HÀ	PHƯƠNG	17/03/2004	KT17B;					
29	224D4031462	TRẦN LINH	PHƯƠNG	09/02/2004	KT17B;					
30	224D4031469	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	28/06/2004	KT17B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **Thực hành KT**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4031468	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	18/10/2004	KT17B;					
32	224D4031470	LÊ VIỆT	QUANG	17/11/2004	KT17B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-402**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4010891	LẠI THANH	TRÀ	14/06/2004	QT30C;					
2	224D4010903	NGUYỄN THỊ	TRANG	16/01/2004	QT30C;					
3	224D4010905	NGUYỄN THUỲ	TRANG	16/12/2004	QT30C;					
4	224D4010906	TRẦN THỊ KIỀU	TRANG	11/12/2004	QT30C;					
5	224D4010908	VŨ THÙY	TRANG	31/07/2004	QT30C;					
6	224D4010911	LÊ THỊ THANH	TRÚC	26/02/2004	QT30C;					
7	224D4010926	NGUYỄN HỒNG	TƯƠI	16/09/2004	QT30C;					
8	224D4010925	KHỔNG THỊ ÁNH	TUYẾT	15/09/2004	QT30C;					
9	224D4010928	CHỬ THỊ HỒNG	VÂN	07/11/2004	QT30C;					
10	224D4010930	NGUYỄN THỊ THẢO	VÂN	06/08/2003	QT30C;					
11	224D4010943	HOÀNG PHI	YẾN	29/12/2004	QT30C;					
12	224D4010944	LƯU HẢI	YẾN	15/02/2004	QT30C;					
13	224D4010473	NGUYỄN THANH	AN	15/01/2004	QT30D;					
14	224D4010477	TRỊNH NAM	AN	05/12/2004	QT30D;					
15	224D4010484	ĐÀO THỊ QUỲNH	ANH	14/11/2004	QT30D;					
16	224D4010482	ĐỖ NHẬT	ANH	27/07/2004	QT30D;					
17	224D4010489	LÊ THỊ NGỌC	ANH	02/04/2004	QT30D;					
18	224D4010499	NGUYỄN QUẾ	ANH	13/11/2004	QT30D;					
19	224D4010502	NGUYỄN THÁI	ANH	29/10/2004	QT30D;					
20	224D4010503	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	ANH	07/09/2004	QT30D;					
21	224D4010515	VÕ NGỌC	ANH	20/09/2004	QT30D;					
22	224D4010526	QUÁCH THỊ NGỌC	ÁNH	26/09/2004	QT30D;					
23	224D4010532	NGUYỄN THANH	BÌNH	18/02/2004	QT30D;					
24	224D4010531	NGUYỄN THỊ	BÌNH	23/01/2004	QT30D;					
25	224D4010538	HOÀNG LINH	CHI	06/02/2004	QT30D;					
26	224D4010542	TRẦN QUANG	CHÍNH	19/07/2004	QT30D;					
27	224D4010544	TRẦN ĐỨC	CƯỜNG	16/12/2004	QT30D;					
28	224D4010578	PHẠM MINH	ĐỨC	14/08/2004	QT30D;					
29	224D4010579	TRỊNH MINH	ĐỨC	01/05/2004	QT30D;					
30	224D4010550	LÊ THỊ	DUNG	17/07/2004	QT30D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-402**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4010556	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	12/04/2004	QT30D;					
32	224D4010569	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	12/01/2004	QT30D;					
33	224D4010561	ĐÀO KHÁNH	DUY	23/11/2004	QT30D;					
34	224D4010560	ĐỖ NGỌC KHÁNH	DUY	24/12/2004	QT30D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-402**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D6012495	VŨ VĂN	LINH	13/10/2004	CT19A;					
2	224D6012509	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	02/10/2004	CT19A;					
3	224D6012510	PHÙNG PHƯƠNG	MAI	12/02/2004	CT19A;					
4	224D6012513	DƯƠNG QUANG	MINH	19/11/2004	CT19A;					
5	224D6012515	LÂM NGỌC	MINH	19/12/2004	CT19A;					
6	224D6012519	ĐẶNG HÀ	MY	16/02/2004	CT19A;					
7	224D6012523	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	07/03/2004	CT19A;					
8	224D6012525	NGUYỄN TRÀ	MY	01/08/2004	CT19A;					
9	224D6012529	PHẠM QUANG	NAM	24/08/2004	CT19A;					
10	224D6012532	VŨ TIẾN	NAM	07/03/2003	CT19A;					
11	224D6012534	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	10/06/2004	CT19A;					
12	224D6012538	ĐOÀN KIM	NGÂN	30/05/2004	CT19A;					
13	224D6012543	VŨ THU	NGÂN	28/10/2004	CT19A;					
14	224D6012546	ĐOÀN THỊ	NGỌC	26/12/2004	CT19A;					
15	224D6012551	TRƯƠNG BẢO	NGỌC	15/12/2004	CT19A;					
16	224D6012557	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỆT	30/05/2004	CT19A;					
17	224D6012562	NGHIÊM THỊ YẾN	NHI	12/08/2004	CT19A;					
18	224D6012566	VŨ THỊ UYÊN	NHI	28/09/2004	CT19A;					
19	224D6012568	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	29/11/2004	CT19A;					
20	224D6012570	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	15/08/2004	CT19A;					
21	224D6012572	NGUYỄN HÀ	OANH	05/11/2004	CT19A;					
22	224D6012574	LÊ VĂN	PHÚC	12/08/2004	CT19A;					
23	224D6012587	HOÀNG MẠNH	QUÂN	31/07/2004	CT19A;					
24	224D6012590	PHAN ANH	QUÂN	31/03/2004	CT19A;					
25	224D6012599	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	10/10/2004	CT19A;					
26	224D6012604	THÂN ĐỨC	SƠN	25/09/2004	CT19A;					
27	224D6012608	VŨ THỊ THANH	TÂM	21/11/2004	CT19A;					
28	224D6012610	PHẠM DUY	THÁI	20/01/2004	CT19A;					
29	224D6012615	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THANH	19/01/2004	CT19A;					
30	224D6012623	NGÔ PHƯƠNG	THẢO	15/09/2004	CT19A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-402**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D6012624	NGUYỄN DƯƠNG PHƯƠNG	THẢO	13/07/2004	CT19A;					
32	224D6012625	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	24/04/2004	CT19A;					
33	224D6012626	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	05/03/2004	CT19A;					
34	224D6012627	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	18/09/2004	CT19A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-402**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D6012512	HỒ THẾ	MẠNH	06/07/2004	CT19D;					
2	224D6012521	NGUYỄN HÀ	MY	30/12/2004	CT19D;					
3	224D6012522	NGUYỄN THỊ HÀ	MY	01/02/2004	CT19D;					
4	224D6012524	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	12/08/2004	CT19D;					
5	224D6012527	VŨ HÀ	MY	30/05/2004	CT19D;					
6	224D6012540	LƯU PHƯƠNG	NGÂN	11/01/2004	CT19D;					
7	224D6012545	VŨ DUY	NGHĨA	03/03/2004	CT19D;					
8	224D6012547	HOÀNG THỊ BẢO	NGỌC	19/01/2004	CT19D;					
9	224D6012548	NGUYỄN ÁNH	NGỌC	03/04/2004	CT19D;					
10	224D6012567	NGUYỄN HÀ TRANG	NHUNG	12/09/2004	CT19D;					
11	224D6012579	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	08/09/2004	CT19D;					
12	224D6012585	NGUYỄN MẠNH	QUANG	12/10/2004	CT19D;					
13	224D6012594	TÔ HOÀNG	QUYÊN	03/02/2004	CT19D;					
14	224D6012596	CHU NHƯ	QUỲNH	01/03/2004	CT19D;					
15	224D6012601	PHẠM QUANG	SÁNG	12/07/2004	CT19D;					
16	224D6012612	CHU THỊ	THANH	04/08/2004	CT19D;					
17	224D6012614	ĐINH THỊ PHƯƠNG	THANH	20/06/2003	CT19D;					
18	224D6012619	TRẦN MẠNH	THÀNH	26/04/2004	CT19D;					
19	224D6012622	NGÔ PHƯƠNG	THẢO	16/11/2004	CT19D;					
20	224D6012630	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	24/08/2004	CT19D;					
21	224D6012633	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	01/05/2004	CT19D;					
22	224D6012636	NGUYỄN QUANG	THỊNH	21/02/2004	CT19D;					
23	224D6012640	BÙI THỊ MINH	THU	19/02/2004	CT19D;					
24	224D6012643	KIỀU THỊ NHƯ	THÙY	02/01/2002	CT19D;					
25	224D6012645	NGUYỄN THU	THỦY	24/06/2004	CT19D;					
26	224D6012650	NGUYỄN MINH	TIẾN	03/02/2002	CT19D;					
27	224D6012656	HOÀNG NGỌC	TRANG	30/11/2004	CT19D;					
28	224D6012659	LÊ THỊ THU	TRANG	14/05/2004	CT19D;					
29	224D6012675	TRẦN QUỐC	TRUNG	08/09/2004	CT19D;					
30	224D6012678	NGUYỄN NGỌC ANH	TÚ	15/10/2004	CT19D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-402**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D6012681	PHẠM ANH	TUẤN	26/01/2003	CT19D;					
32	224D6012687	VŨ NGỌC	TÙNG	07/10/2001	CT19D;					
33	224D6012694	TRẦN THU	VÂN	23/11/2003	CT19D;					
34	224D6012695	ĐOÀN HỒNG YẾN	VI	18/02/2004	CT19D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-402**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4031538	NGUYỄN HÀ	VI	22/11/2004	KT17A;					
2	224D4031539	HỒ ĐỨC	VIỆT	22/08/2004	KT17A;					
3	224D4031540	ĐỖ THỊ	XUÂN	20/06/2004	KT17A;					
4	224D4031541	LÊ THỊ HẢI	YẾN	08/01/2004	KT17A;					
5	224D4031543	VŨ HẢI	YẾN	10/08/2004	KT17A;					
6	224D4031217	ĐỖ THU	AN	24/09/2004	KT17B;					
7	224D4031219	NGUYỄN VŨ HÀ	AN	14/09/2004	KT17B;					
8	224D4031221	VŨ NỮ THANH	AN	21/01/2003	KT17B;					
9	224D4031237	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	30/04/2004	KT17B;					
10	224D4031238	NGUYỄN QUỲNH	ANH	01/07/2004	KT17B;					
11	224D4031243	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	10/04/2004	KT17B;					
12	224D4031245	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	02/09/2004	KT17B;					
13	224D4031250	TĂNG KIM	ANH	29/03/2004	KT17B;					
14	224D4031265	PHẠM NGỌC	ÁNH	15/09/2004	KT17B;					
15	224D4031274	NGUYỄN KHÁNH	CHI	06/12/2004	KT17B;					
16	224D4031276	TRỊNH BẢO	CHI	09/07/2004	KT17B;					
17	224D4031279	TRẦN THANH THANH	CHÚC	12/05/2004	KT17B;					
18	224D4031294	LÊ THỊ BÍCH	ĐÀO	30/01/2004	KT17B;					
19	224D4031281	HOÀNG THỊ NGỌC	DIỆP	08/01/2004	KT17B;					
20	224D4031297	PHẠM TRUNG	ĐÔNG	10/09/2004	KT17B;					
21	224D4031283	DOÃN THỊ	DUNG	17/03/2003	KT17B;					
22	224D4031289	ĐẶNG THÙY	DƯƠNG	14/11/2004	KT17B;					
23	224D4031299	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	10/01/2004	KT17B;					
24	224D4031301	HOÀNG NGÂN	HÀ	28/08/2004	KT17B;					
25	224D4031302	NGUYỄN THỊ MINH	HÀ	28/11/2004	KT17B;					
26	224D4031303	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	08/01/2004	KT17B;					
27	224D4031310	PHẠM MINH	HẰNG	28/08/2004	KT17B;					
28	224D4031312	VŨ THỊ	HẰNG	22/05/2004	KT17B;					
29	224D4031313	LÊ THU	HẬU	24/05/2004	KT17B;					
30	224D4031323	TRỊNH TRUNG	HIẾU	01/10/2004	KT17B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-402**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4031330	ĐÀO THỊ KIM	HỒNG	16/12/2003	KT17B;					
32	224D4031331	LÊ THỊ HẢI	HỒNG	14/08/2003	KT17B;					
33	224D4031333	TRƯƠNG LẠC	HỒNG	22/09/2004	KT17B;					
34	224D4031354	HỒ THỊ	HƯƠNG	02/01/2004	KT17B;					
35	224D4031359	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	30/03/2004	KT17B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **Thực hành KT**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D1030267	TRẦN PHÙNG TUẤN	LAI	08/03/2004	XH25C;					
2	224D1030271	BÙI THẢO	LINH	13/10/2004	XH25C;					
3	224D1030272	ĐẶNG THỊ TUYẾT	LINH	08/09/2004	XH25C;					
4	224D1030275	LÊ NGỌC	LINH	31/01/2004	XH25C;					
5	224D1030279	NGUYỄN KHÁNH	LINH	29/12/2004	XH25C;					
6	224D1030280	NGUYỄN NGỌC HÀ	LINH	13/05/2004	XH25C;					
7	224D1030284	NGUYỄN THẢO	LINH	09/02/2004	XH25C;					
8	224D1030293	VŨ PHƯƠNG	LINH	11/09/2004	XH25C;					
9	224D1030296	ĐẶNG ĐỨC	LONG	21/11/2004	XH25C;					
10	224D1030302	PHẠM THỊ CẨM	LY	27/12/2004	XH25C;					
11	224D1030304	TRẦN THỊ PHƯƠNG	LY	25/10/2004	XH25C;					
12	224D1030310	NGUYỄN THỊ QUỲNH	MAI	21/06/2004	XH25C;					
13	224D1030311	PHẠM THỊ NGỌC	MAI	03/08/2004	XH25C;					
14	224D1030313	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	25/01/2004	XH25C;					
15	224D1030318	LÊ ĐÌNH	MINH	11/03/2004	XH25C;					
16	224D1030330	HUỲNH XUÂN	NAM	06/03/2004	XH25C;					
17	224D1030331	NGUYỄN HẰNG	NGA	07/10/2004	XH25C;					
18	224D1030335	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	12/02/2003	XH25C;					
19	224D1030337	TRẦN THỊ	NGÂN	30/08/2004	XH25C;					
20	224D1030339	TRẦN THỊ THU	NGÂN	22/01/2004	XH25C;					
21	224D1030343	ĐỖ MINH	NGỌC	20/09/2004	XH25C;					
22	224D1030344	LÊ BÍCH	NGỌC	31/03/2004	XH25C;					
23	224D1030350	LÊ THẢO	NGUYÊN	13/11/2004	XH25C;					
24	224D1030355	ĐÀO YẾN	NHI	30/11/2004	XH25C;					
25	224D1030367	LƯU NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	18/07/2003	XH25C;					
26	224D1030362	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	20/11/2004	XH25C;					
27	224D1030363	NGUYỄN THỊ	NHUNG	07/02/2004	XH25C;					
28	224D1030369	NGUYỄN TẤN	PHÁT	16/11/2004	XH25C;					
29	224D1030373	NGUYỄN LINH	PHƯƠNG	17/10/2004	XH25C;					
30	224D1030375	PHẠM THANH	PHƯƠNG	14/11/2004	XH25C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **Thực hành KT**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D1030377	TRẦN HÀ	PHƯƠNG	28/12/2004	XH25C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **Thực hành KT**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4021132	VŨ THỊ YẾN	NHI	10/03/2003	TN17C;					
2	224D4021135	MAI THỊ YẾN	NHƯ	01/05/2004	TN17C;					
3	224D4021133	ĐẶNG LINH	NHUNG	11/10/2004	TN17C;					
4	224D4021134	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHUNG	08/10/2004	TN17C;					
5	224D4021138	NGUYỄN THỊ LÂM	OANH	08/03/2004	TN17C;					
6	224D4021139	NGUYỄN VIỆT	OANH	19/11/2004	TN17C;					
7	224D4021141	VƯƠNG THỊ TÚ	OANH	21/11/2004	TN17C;					
8	224D4021150	NGHIÊM NGỌC	QUYỀN	24/10/2004	TN17C;					
9	224D4021152	ĐỖ THỊ XUÂN	QUỲNH	01/06/2004	TN17C;					
10	224D4021169	LÊ MINH	THẮNG	03/01/2004	TN17C;					
11	224D4021158	ĐÀO THỊ	THANH	04/01/2003	TN17C;					
12	224D4021161	BÙI THỊ THU	THẢO	28/06/2004	TN17C;					
13	224D4021162	NGÔ THỊ THANH	THẢO	01/07/2004	TN17C;					
14	224D4021163	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	12/09/2004	TN17C;					
15	224D4021166	NGUYỄN THANH	THẢO	08/09/2004	TN17C;					
16	224D4021165	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	01/10/2004	TN17C;					
17	224D4021167	PHẠM VY	THẢO	20/09/2004	TN17C;					
18	224D4021171	HOÀNG THANH	THIỆN	30/04/2004	TN17C;					
19	224D4021172	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THU	05/09/2004	TN17C;					
20	224D4021174	LƯƠNG TRỌNG	THUẦN	07/04/2004	TN17C;					
21	224D4021186	ĐẶNG KIỀU	TRANG	22/08/2004	TN17C;					
22	224D4021185	ĐỖ KIỀU	TRANG	15/09/2004	TN17C;					
23	224D4021187	KIỀU HÀ	TRANG	05/05/2004	TN17C;					
24	224D4021195	NGUYỄN NHẬT	TRUNG	10/04/2004	TN17C;					
25	224D4021196	NGUYỄN ĐÌNH	TRƯỜNG	16/08/2004	TN17C;					
26	224D4021197	NGUYỄN HƯƠNG	TÚ	30/08/2004	TN17C;					
27	224D4021198	PHẠM ANH	TÚ	08/01/2004	TN17C;					
28	224D4021200	NGUYỄN ĐỨC	TUYÊN	11/04/2004	TN17C;					
29	224D4021202	LƯU PHƯƠNG THẢO	UYÊN	04/09/2004	TN17C;					
30	224D4021203	NGUYỄN LÊ	UYÊN	01/09/2004	TN17C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **Thực hành KT**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4021205	PHẠM THỊ KHÁNH	VÂN	05/02/2004	TN17C;					
32	224D4021206	VŨ THANH	VÂN	12/07/2004	TN17C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-401**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D6012360	ĐẶNG NGỌC BẢO	GIANG	10/07/2004	CT19D;					
2	224D6012362	LÊ HƯƠNG	GIANG	03/03/2004	CT19D;					
3	224D6012367	ĐỖ HỒNG	HÀ	06/06/2004	CT19D;					
4	224D6012370	NGUYỄN PHƯƠNG	HÀ	28/05/2004	CT19D;					
5	224D6012372	PHẠM THỊ NGỌC	HÀ	28/05/2004	CT19D;					
6	224D6012383	ĐỖ THỊ NGUYỆT	HẰNG	20/09/2004	CT19D;					
7	224D6012395	NGUYỄN MINH	HIẾU	04/01/2004	CT19D;					
8	224D6012399	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	HOA	23/09/2004	CT19D;					
9	224D6012412	BÙI XUÂN	HÙNG	11/08/2004	CT19D;					
10	224D6012439	LÊ THỊ THANH	HƯƠNG	07/05/2004	CT19D;					
11	224D6012442	NGUYỄN MAI	HƯƠNG	11/10/2003	CT19D;					
12	224D6012444	PHÙNG DIỄM	HƯƠNG	02/10/2004	CT19D;					
13	224D6012421	VŨ NGỌC	HUY	29/01/2004	CT19D;					
14	224D6012425	ĐÀO KHÁNH	HUYỀN	21/07/2004	CT19D;					
15	224D6012424	DƯƠNG NGỌC KHÁNH	HUYỀN	08/09/2004	CT19D;					
16	224D6012432	NGUYỄN MINH	HUYỀN	01/07/2004	CT19D;					
17	224D6012431	NGUYỄN MỸ	HUYỀN	02/09/2004	CT19D;					
18	224D6012450	LÊ GIA	KHÁNH	16/02/2004	CT19D;					
19	224D6012451	PHẠM THỊ NGỌC	KHÁNH	02/09/2004	CT19D;					
20	224D6012458	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	18/03/2004	CT19D;					
21	224D6012467	NGUYỄN PHƯƠNG	LIÊN	20/09/2004	CT19D;					
22	224D6012473	ĐOÀN PHƯƠNG	LINH	28/01/2004	CT19D;					
23	224D6012476	NGUYỄN HOÀNG	LINH	19/03/2004	CT19D;					
24	224D6012477	NGUYỄN KHÁNH	LINH	13/11/2004	CT19D;					
25	224D6012482	NGUYỄN THÙY	LINH	13/01/2004	CT19D;					
26	224D6012494	VŨ THÙY	LINH	12/09/2004	CT19D;					
27	224D6012497	NGUYỄN BÍCH	LOAN	20/06/2004	CT19D;					
28	224D6012500	TRẦN HẢI	LONG	02/04/2004	CT19D;					
29	224D6012503	ĐẶNG HUYỀN	LY	13/06/2004	CT19D;					
30	224D6012504	ĐOÀN PHƯƠNG	LY	03/01/2004	CT19D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-401**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D6012502	DƯƠNG KHÁNH	LY	19/09/2004	CT19D;					
32	224D6012505	NGUYỄN THẢO	LY	01/10/2004	CT19D;					
33	224D6012508	BÙI THỊ XUÂN	MAI	12/09/2004	CT19D;					
34	224D6012511	THÈN THỊ	MAI	05/10/2004	CT19D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-401**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4031398	LƯƠNG QUỲNH	MAI	11/10/2004	KT17A;					
2	224D4031399	NGUYỄN THẢO	MAI	23/07/2004	KT17A;					
3	224D4031401	BÙI THỊ NGỌC	MINH	29/05/2004	KT17A;					
4	224D4031404	PHÙNG PHƯƠNG	MINH	16/09/2004	KT17A;					
5	224D4031408	LÊ HUYỀN	NGA	03/06/2004	KT17A;					
6	224D4031410	NGUYỄN THÚY	NGA	07/11/2004	KT17A;					
7	224D4031426	BÙI THU	NGUYỆT	29/10/2004	KT17A;					
8	224D4031427	HOÀNG THỊ	NGUYỆT	30/08/2004	KT17A;					
9	224D4031431	NGUYỄN YẾN	NHI	20/03/2004	KT17A;					
10	224D4031434	HỒ THỊ HỒNG	NHUNG	24/10/2004	KT17A;					
11	224D4031435	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	18/10/2004	KT17A;					
12	224D4031442	NGUYỄN THỊ NGỌC	NỮ	11/12/2004	KT17A;					
13	224D4031448	TRẦN THỊ KIM	OANH	10/05/2004	KT17A;					
14	224D4031453	HÀ THỊ MINH	PHƯƠNG	11/01/2004	KT17A;					
15	224D4031455	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	01/09/2004	KT17A;					
16	224D4031458	PHẠM HÀ	PHƯƠNG	26/11/2004	KT17A;					
17	224D4031464	VŨ MAI	PHƯƠNG	04/11/2004	KT17A;					
18	224D4031467	LÊ THỊ BÍCH	PHƯỢNG	28/12/2004	KT17A;					
19	224D4031476	ĐẬU THỊ DIỆU	QUỲNH	05/12/2004	KT17A;					
20	224D4031485	HOÀNG THANH	THẢO	30/06/2004	KT17A;					
21	224D4031486	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	22/12/2004	KT17A;					
22	224D4031487	LÊ VI	THẢO	24/10/2004	KT17A;					
23	224D4031488	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	31/12/2004	KT17A;					
24	224D4031491	NGUYỄN THU	THẢO	28/05/2003	KT17A;					
25	224D4031492	PHẠM THỊ THANH	THẢO	10/07/2004	KT17A;					
26	224D4031501	NGUYỄN MINH	THƯ	30/10/2003	KT17A;					
27	224D4031502	LÊ THỊ	THƯƠNG	08/03/2004	KT17A;					
28	224D4031497	ĐOÀN THANH	THỦY	07/05/2004	KT17A;					
29	224D4031516	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	04/08/2004	KT17A;					
30	224D4031518	NGUYỄN THU	TRANG	07/07/2004	KT17A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-401**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4031519	NGUYỄN THU	TRANG	25/10/2004	KT17A;					
32	224D4031522	TRẦN LINH	TRANG	30/06/2004	KT17A;					
33	224D4031526	TRẦN THỊ VÂN	TRINH	11/01/2004	KT17A;					
34	224D4031527	NGUYỄN VĂN	TRUNG	07/07/2004	KT17A;					
35	224D4031529	NGUYỄN MẠNH	TÙNG	11/06/2004	KT17A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-402**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D1030125	PHẠM NGỌC LAN	ANH	09/08/2004	XH25C;					
2	224D1030121	PHAN DIỆU	ANH	13/04/2004	XH25C;					
3	224D1030128	PHÙNG HUYỀN	ANH	05/09/2004	XH25C;					
4	224D1030132	TRẦN PHƯƠNG	ANH	21/09/2004	XH25C;					
5	224D1030137	TRỊNH THÙY	ANH	07/10/2004	XH25C;					
6	224D1030141	VŨ THỊ NGỌC	ANH	08/04/2004	XH25C;					
7	224D1030146	HOÀNG CHÍ	BÁCH	18/12/2004	XH25C;					
8	224D1030149	PHAN NGỌC	BÍCH	03/10/2004	XH25C;					
9	224D1030152	PHÙNG BẢO	CHÂU	15/12/2004	XH25C;					
10	224D1030160	TRẦN MINH	CHÍNH	10/06/2004	XH25C;					
11	224D1030162	PHÙNG MINH	CƯƠNG	13/12/2004	XH25C;					
12	224D1030179	NGUYỄN ANH	ĐỨC	04/01/2004	XH25C;					
13	224D1030180	NGUYỄN MINH	ĐỨC	17/12/2004	XH25C;					
14	224D1030164	LÊ THỊ	DUNG	20/08/2004	XH25C;					
15	224D1030166	ĐOÀN MẠNH	DŨNG	22/12/2004	XH25C;					
16	224D1030169	ĐỖ KHÁNH	DUY	29/06/2004	XH25C;					
17	224D1030186	ĐÀO HƯƠNG	GIANG	09/07/2004	XH25C;					
18	224D1030189	NGUYỄN TRẦN HƯƠNG	GIANG	27/01/2004	XH25C;					
19	224D1030190	TRẦN HƯƠNG	GIANG	25/10/2004	XH25C;					
20	224D1030192	TRẦN THỊ HƯƠNG	GIANG	24/09/2004	XH25C;					
21	224D1030194	DOÃN PHƯƠNG	HÀ	09/08/2004	XH25C;					
22	224D1030202	NGUYỄN THU	HÀ	10/09/2004	XH25C;					
23	224D1030206	NGUYỄN XUÂN NAM	HẢI	12/11/2004	XH25C;					
24	224D1030209	NGUYỄN THỊ	HẰNG	16/10/2004	XH25C;					
25	224D1030217	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	26/03/2004	XH25C;					
26	224D1030227	NGUYỄN THANH	HIẾU	13/09/2004	XH25C;					
27	224D1030230	PHAN THỊ KHÁNH	HÒA	14/09/2004	XH25C;					
28	224D1030238	NGUYỄN HỮU	HÙNG	14/06/2004	XH25C;					
29	224D1030248	DƯƠNG VĂN	HƯNG	08/12/2004	XH25C;					
30	224D1030243	NGUYỄN VĂN	HUY	25/09/2004	XH25C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-402**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D1030261	TRẦN QUỐC	KHÁNH	03/08/2004	XH25C;					
32	224D1030260	TRIỆU VŨ	KHÁNH	26/08/2004	XH25C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-402**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4021017	ĐẶNG NGÂN	HÀ	17/08/2004	TN17C;					
2	224D4021021	NGUYỄN MẠNH	HẢI	27/04/2004	TN17C;					
3	224D4021025	NGUYỄN MINH	HẰNG	02/01/2004	TN17C;					
4	224D4021026	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	04/03/2004	TN17C;					
5	224D4021027	TRỊNH THỊ THÚY	HẰNG	16/08/2004	TN17C;					
6	224D4021029	ĐOÀN THÚY	HIỀN	12/09/2004	TN17C;					
7	224D4021030	LÊ PHẠM ĐĂNG	HIỀN	02/10/2004	TN17C;					
8	224D4021031	HỒ ĐẮC TRUNG	HIẾU	13/06/2004	TN17C;					
9	224D4021039	NGUYỄN THỊ XUÂN	HUÊ	18/09/2004	TN17C;					
10	224D4021041	ĐỖ THỊ	HUỆ	11/02/2004	TN17C;					
11	224D4021049	BÙI THU	HƯƠNG	08/03/2004	TN17C;					
12	224D4021052	HOÀNG QUỲNH	HƯƠNG	13/11/2004	TN17C;					
13	224D4021056	PHẠM THỊ THU	HƯỜNG	08/11/2004	TN17C;					
14	224D4021042	TRIỆU QUANG	HUY	08/04/2004	TN17C;					
15	224D4021068	CHU THỊ THÙY	LINH	03/05/2004	TN17C;					
16	224D4021070	HOÀNG THỊ THÙY	LINH	04/04/2004	TN17C;					
17	224D4021071	HOÀNG THỊ THÙY	LINH	14/01/2004	TN17C;					
18	224D4021074	NGUYỄN CHU HÀ	LINH	22/11/2004	TN17C;					
19	224D4021078	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	05/07/2004	TN17C;					
20	224D4021082	NGUYỄN THẢO	LINH	04/05/2004	TN17C;					
21	224D4021081	NGUYỄN THỊ THẢO	LINH	14/08/2004	TN17C;					
22	224D4021083	NGUYỄN THÙY	LINH	29/08/2004	TN17C;					
23	224D4021084	NGUYỄN THÙY	LINH	23/04/2004	TN17C;					
24	224D4021087	VŨ THUỲ	LINH	13/07/2004	TN17C;					
25	224D4021088	ĐỖ THỊ	LOAN	23/08/2004	TN17C;					
26	224D4021092	PHẠM HOÀNG	LƯƠNG	19/10/2004	TN17C;					
27	224D4021095	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	02/09/2004	TN17C;					
28	224D4021102	TRẦN PHƯƠNG	MAI	19/06/2004	TN17C;					
29	224D4021110	NGUYỄN THỊ HÀ	MY	12/04/2004	TN17C;					
30	224D4021117	TRẦN THỊ QUỲNH	NGA	23/03/2004	TN17C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-402**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4021121	TRỊNH HỒNG	NGỌC	26/02/2004	TN17C;					
32	224D4021128	ĐOÀN THỊ	NHI	05/01/2004	TN17C;					
33	224D4021129	LÊ YẾN	NHI	28/11/2004	TN17C;					
34	224D4021130	NGUYỄN NGỌC	NHI	15/11/2004	TN17C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-402**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D1030095	DƯƠNG ĐỨC	ANH	18/06/2004	XH25B;					
2	224D1030096	DƯƠNG PHƯƠNG	ANH	24/08/2004	XH25B;					
3	224D1030108	LÊ VIỆT	ANH	26/01/2004	XH25B;					
4	224D1030110	NGÔ THỊ VÂN	ANH	25/08/2004	XH25B;					
5	224D1030123	PHẠM HẢI	ANH	02/01/2004	XH25B;					
6	224D1030131	TRẦN NGUYỄN QUỲNH	ANH	31/07/2004	XH25B;					
7	224D1030133	TRẦN THỊ NGỌC	ANH	07/03/2004	XH25B;					
8	224D1030138	TRƯƠNG PHƯƠNG	ANH	05/10/2004	XH25B;					
9	224D1030142	BÙI NGỌC	ÁNH	08/06/2004	XH25B;					
10	224D1030144	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	09/10/2004	XH25B;					
11	224D1030147	NGUYỄN CÔNG	BÁCH	01/03/2004	XH25B;					
12	224D1030148	TRẦN GIÁP GIA	BẢO	29/08/2004	XH25B;					
13	224D1030151	LÊ CẨM	CHÂU	14/07/2004	XH25B;					
14	224D1030154	ĐOÀN THỊ LIÊN	CHI	14/04/2004	XH25B;					
15	224D1030163	LÊ THỊ	DIỆU	05/09/2004	XH25B;					
16	224D1030181	NGUYỄN MẠNH	ĐỨC	16/08/2004	XH25B;					
17	224D1030182	NGUYỄN MẠNH	ĐỨC	13/02/2004	XH25B;					
18	224D1030185	PHẠM NGỌC ANH	ĐỨC	15/10/2004	XH25B;					
19	224D1030167	LÊ VIẾT	DŨNG	28/07/2004	XH25B;					
20	224D1030171	ĐỖ THẢO THÙY	DƯƠNG	21/07/2004	XH25B;					
21	224D1030172	LÊ THÙY	DƯƠNG	02/10/2004	XH25B;					
22	224D1030174	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	27/10/2004	XH25B;					
23	224D1030175	NGUYỄN VIẾT TÙNG	DƯƠNG	17/01/2004	XH25B;					
24	224D1030191	TRẦN THỊ HƯƠNG	GIANG	24/07/2004	XH25B;					
25	224D1030193	NGUYỄN VĂN	GIÁP	30/04/2004	XH25B;					
26	224D1030196	ĐÀO QUANG	HÀ	28/01/2003	XH25B;					
27	224D1030198	NGUYỄN NGỌC	HÀ	15/09/2004	XH25B;					
28	224D1030199	NGUYỄN NHƯ NGÂN	HÀ	26/12/2004	XH25B;					
29	224D1030203	NGUYỄN TRẦN NGÂN	HÀ	18/12/2004	XH25B;					
30	224D1030208	CAO VIỆT	HẰNG	08/09/2004	XH25B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-402**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D1030211	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	25/04/2004	XH25B;					
32	224D1030215	DƯƠNG THỊ	HẬU	09/01/2004	XH25B;					
33	224D1030226	NGUYỄN MINH	HIẾU	15/12/2004	XH25B;					
34	224D1030228	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	11/10/2004	XH25B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-402**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4081924	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	27/02/2004	QH9B;					
2	224D4081925	VŨ THỊ THÚY	HIỀN	01/03/2004	QH9B;					
3	224D4081927	PHẠM MINH	HIẾU	30/03/2004	QH9B;					
4	224D4081928	PHẠM TRUNG	HIẾU	27/02/2004	QH9B;					
5	224D4081932	ĐỖ HUY	HOÀNG	21/09/2004	QH9B;					
6	224D4081934	NGÔ VIỆT	HOÀNG	09/12/2004	QH9B;					
7	224D4081936	NGUYỄN THỊ	HỒNG	10/10/2004	QH9B;					
8	224D4081946	CAO GIA	HƯNG	13/08/2004	QH9B;					
9	224D4081940	TRẦN TUẤN	HUY	08/09/2004	QH9B;					
10	224D4081947	VĂN HUY	KHANG	06/11/2004	QH9B;					
11	224D4081948	NGUYỄN GIA	KHÁNH	13/05/2004	QH9B;					
12	224D4081952	CAO VÂN	KIỀU	24/05/2004	QH9B;					
13	224D4081954	BÙI TÚ	LINH	11/10/2004	QH9B;					
14	224D4081957	HOÀNG PHƯƠNG	LINH	15/10/2004	QH9B;					
15	224D4081959	NGUYỄN KHÁNH	LINH	31/10/2004	QH9B;					
16	224D4081961	NGUYỄN THỊ BẰNG	LINH	07/04/2004	QH9B;					
17	224D4081962	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	08/10/2004	QH9B;					
18	224D4081964	PHẠM PHƯƠNG	LINH	07/12/2004	QH9B;					
19	224D4081970	PHẠM NHẬT	LONG	24/09/2004	QH9B;					
20	224D4081975	THÂN THỊ HẢI	LÝ	16/08/2004	QH9B;					
21	224D4081977	NGUYỄN TRUNG	MẠNH	13/12/2003	QH9B;					
22	224D4081983	PHẠM THẢO	MY	27/12/2004	QH9B;					
23	224D4081984	NGUYỄN HỮU	NAM	28/03/2004	QH9B;					
24	224D4081987	BÙI HÀ	NGÂN	31/08/2004	QH9B;					
25	224D4081990	CÔNG MINH	NGỌC	24/01/2004	QH9B;					
26	224D4081991	NGUYỄN TRƯƠNG HỒNG	NGỌC	17/05/2004	QH9B;					
27	224D4081996	PHẠM MINH	NGỌC	06/06/2004	QH9B;					
28	224D4081992	PHAN THỊ	NGỌC	30/09/2004	QH9B;					
29	224D4081997	BÙI MINH	NGUYỆT	28/08/2004	QH9B;					
30	224D4081998	ĐÀO THỊ MINH	NGUYỆT	06/04/2004	QH9B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-402**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4081999	NGUYỄN THANH	NHÀN	15/02/2004	QH9B;					
32	224D4082001	ĐỖ YẾN	NHI	11/03/2004	QH9B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-401**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D1030126	PHẠM THỊ QUỲNH	ANH	05/12/2004	XH25A;					
2	224D1030127	PHẠM TRƯỜNG	ANH	21/10/2004	XH25A;					
3	224D1030122	PHAN HẢI	ANH	24/04/2004	XH25A;					
4	224D1030135	TRẦN THẢO	ANH	27/08/2004	XH25A;					
5	224D1030136	TRẦN TRÚC QUỲNH	ANH	21/08/2004	XH25A;					
6	224D1030139	VŨ NGỌC	ANH	18/09/2004	XH25A;					
7	224D1030140	VŨ PHẠM QUỲNH	ANH	23/12/2004	XH25A;					
8	224D1030150	NGUYỄN NGỌC	BIỂN	11/01/2004	XH25A;					
9	224D1030156	NGUYỄN LINH	CHI	29/01/2004	XH25A;					
10	224D1030159	VŨ NGỌC LINH	CHI	02/08/2004	XH25A;					
11	224D1030177	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	09/09/2004	XH25A;					
12	224D1030178	NGUYỄN CÔNG	ĐOÀN	15/07/2004	XH25A;					
13	224D1030165	NGUYỄN THỊ	DUNG	29/11/2004	XH25A;					
14	224D1030168	PHẠM MẠNH	DŨNG	05/03/2003	XH25A;					
15	224D1030195	DƯƠNG XUÂN	HÀ	17/02/2004	XH25A;					
16	224D1030197	NGUYỄN HOÀNG	HÀ	27/10/2004	XH25A;					
17	224D1030200	NGUYỄN THỊ NGÂN	HÀ	28/01/2004	XH25A;					
18	224D1030204	PHẠM NGÂN	HÀ	27/08/2004	XH25A;					
19	224D1030214	NGUYỄN THỊ	HÂN	21/10/2004	XH25A;					
20	224D1030210	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	06/10/2004	XH25A;					
21	224D1030218	NGUYỄN THU	HIỀN	13/02/2004	XH25A;					
22	224D1030216	TRẦN ĐỨC	HIỂN	13/12/2004	XH25A;					
23	224D1030225	NGUYỄN MINH	HIẾU	30/10/2004	XH25A;					
24	224D1030229	ĐỖ NHƯ	HÒA	22/06/2004	XH25A;					
25	224D1030235	PHAN MINH	HOẠT	13/11/2004	XH25A;					
26	224D1030247	CHU VĂN	HƯNG	08/06/2004	XH25A;					
27	224D1030256	NGUYỄN MINH	HƯƠNG	05/11/2004	XH25A;					
28	224D1030241	DƯƠNG ĐỨC	HUY	03/10/2004	XH25A;					
29	224D1030245	LƯU THỊ NGỌC	HUYỀN	02/10/2004	XH25A;					
30	224D1030258	HÀ DUY	KHÁNH	19/12/2004	XH25A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-401**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D1030264	ĐỖ TRUNG	KIÊN	26/03/2004	XH25A;					
32	224D1030266	TRẦN TUẤN	KIỆT	19/12/2004	XH25A;					
33	224D1030277	NGUYỄN HUYỀN	LINH	24/12/2004	XH25A;					
34	224D1030278	NGUYỄN KHÁNH	LINH	26/02/2004	XH25A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-401**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4021181	ĐỖ THANH	THÚY	19/08/2004	TN17B;					
2	224D4021178	ĐẶNG THU	THỦY	20/05/2004	TN17B;					
3	224D4021179	ĐẬU THỊ THU	THỦY	22/01/2004	TN17B;					
4	224D4021177	ĐINH THỊ LỆ	THỦY	17/08/2004	TN17B;					
5	224D4021180	NGUYỄN THANH	THỦY	07/06/2004	TN17B;					
6	224D4021189	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	17/06/2004	TN17B;					
7	224D4021191	DƯƠNG HỒ THANH	TRÚC	30/04/2004	TN17B;					
8	224D4021194	HOÀNG THÀNH	TRUNG	03/08/2004	TN17B;					
9	224D4021207	HÀ YẾN	VI	29/08/2004	TN17B;					
10	224D4021208	LÊ THÀNH	VINH	01/04/2004	TN17B;					
11	224D4021210	NGUYỄN ĐÌNH MINH	VŨ	15/02/2004	TN17B;					
12	224D4021211	HỒ KHÁNH	VY	27/07/2004	TN17B;					
13	224D4021212	NGÔ THỊ	XUÂN	10/03/2004	TN17B;					
14	224D4021213	DƯƠNG HẢI	YẾN	10/12/2004	TN17B;					
15	224D4021215	NGUYỄN HẢI	YẾN	03/09/2004	TN17B;					
16	224D4021216	TRẦN THỊ	YẾN	30/05/2003	TN17B;					
17	224D4020949	BÙI MINH	ANH	23/10/2004	TN17C;					
18	224D4020950	BÙI THỊ MAI	ANH	08/12/2004	TN17C;					
19	224D4020953	ĐỖ MINH	ANH	20/11/2004	TN17C;					
20	224D4020952	DƯƠNG THỊ LAN	ANH	28/10/2004	TN17C;					
21	224D4020958	HOÀNG PHƯƠNG	ANH	24/04/2004	TN17C;					
22	224D4020959	HOÀNG QUỐC	ANH	13/05/2004	TN17C;					
23	224D4020961	LÊ THỊ PHƯƠNG	ANH	24/06/2004	TN17C;					
24	224D4020962	LÊ THỊ VÂN	ANH	24/11/2004	TN17C;					
25	224D4020966	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	02/12/2004	TN17C;					
26	224D4020967	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	12/11/2003	TN17C;					
27	224D4020970	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	15/02/2004	TN17C;					
28	224D4020972	NGUYỄN VÂN	ANH	14/06/2004	TN17C;					
29	224D4020977	TRỊNH PHƯƠNG	ANH	14/08/2004	TN17C;					
30	224D4020999	PHẠM QUỐC	ĐẠI	15/11/2004	TN17C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-401**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4021001	NGUYỄN DUY	ĐẠT	23/11/2004	TN17C;					
32	224D4021002	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	20/12/2004	TN17C;					
33	224D4021006	PHẠM MINH	ĐỨC	23/11/2004	TN17C;					
34	224D4021012	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	23/08/2004	TN17C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-401**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D1030345	LÊ BẢO	NGỌC	02/11/2004	XH25A;					
2	224D1030347	NGUYỄN BẢO	NGỌC	03/12/2004	XH25A;					
3	224D1030348	NGUYỄN HÀ	NGỌC	10/09/2004	XH25A;					
4	224D1030349	LÊ ANH THẢO	NGUYÊN	19/01/2004	XH25A;					
5	224D1030351	NGUYỄN KHẮC	NGUYÊN	13/07/2004	XH25A;					
6	224D1030352	NGUYỄN LÝ HÀ	NGUYÊN	05/03/2004	XH25A;					
7	224D1030353	NGUYỄN PHƯƠNG	NGUYÊN	18/04/2004	XH25A;					
8	224D1030357	HOÀNG YẾN	NHI	26/06/2004	XH25A;					
9	224D1030360	HÀ THỊ CẨM	NHUNG	24/07/2004	XH25A;					
10	224D1030366	NGUYỄN TUYẾT	NHUNG	12/04/2004	XH25A;					
11	224D1030374	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	09/04/2004	XH25A;					
12	224D1030383	NGUYỄN MINH	QUÂN	29/08/2003	XH25A;					
13	224D1030382	NGUYỄN TRẦN DUY	QUANG	28/06/2004	XH25A;					
14	224D1030397	TRẦN MỸ	TÂM	07/08/2004	XH25A;					
15	224D1030402	LƯU THỊ	THANH	21/02/2004	XH25A;					
16	224D1030405	VÀNG TRUNG	THÀNH	06/10/2004	XH25A;					
17	224D1030407	ĐỖ PHƯƠNG	THẢO	08/11/2004	XH25A;					
18	224D1030408	LÊ PHƯƠNG	THẢO	13/03/2004	XH25A;					
19	224D1030410	NGÔ PHƯƠNG	THẢO	20/04/2004	XH25A;					
20	224D1030414	VŨ THANH	THẢO	22/10/2004	XH25A;					
21	224D1030417	VŨ HÙNG	THỊNH	29/11/2004	XH25A;					
22	224D1030422	NGUYỄN ANH	THƯ	14/09/2004	XH25A;					
23	224D1030429	NGUYỄN VĂN	TIẾN	26/08/2004	XH25A;					
24	224D1030434	NGUYỄN PHƯƠNG	TRANG	16/01/2004	XH25A;					
25	224D1030441	VÕ QUỲNH	TRANG	10/08/2004	XH25A;					
26	224D1030457	NGUYỄN QUANG	TÙNG	30/06/2004	XH25A;					
27	224D1030467	PHẠM ANH	VŨ	24/11/2004	XH25A;					
28	224D1030468	CAO THẢO	VY	06/08/2004	XH25A;					
29	224D1030470	VŨ HẢI	YẾN	01/08/2004	XH25A;					
30	224D1030091	NGUYỄN THANH	AN	04/06/2004	XH25B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-401**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D1030093	BÙI TUẤN	ANH	09/05/2004	XH25B;					
32	224D1030099	ĐẶNG ĐỨC	ANH	29/09/2004	XH25B;					
33	224D1030097	ĐỖ MINH	ANH	08/09/2004	XH25B;					
34	224D1030101	ĐOÀN VIỆT	ANH	18/02/2004	XH25B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-401**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4082042	LÊ YẾN	TRANG	21/05/2004	QH9A;					
2	224D4082043	NGUYỄN PHƯƠNG	TRANG	06/08/2004	QH9A;					
3	224D4082050	BÙI MINH	TÚ	06/08/2004	QH9A;					
4	224D4082051	TỐNG MINH	UYÊN	05/03/2004	QH9A;					
5	224D4082056	LÊ THÀNH	VINH	12/07/2004	QH9A;					
6	224D4082057	NGUYỄN LONG	VŨ	30/11/2004	QH9A;					
7	224D4082063	LÊ HOÀNG	YẾN	13/12/2004	QH9A;					
8	224D4081866	TRẦN BÌNH	AN	09/12/2004	QH9B;					
9	224D4081872	LÊ HOÀNG MỸ	ANH	10/02/2004	QH9B;					
10	224D4081874	NGUYỄN HÀ	ANH	25/08/2004	QH9B;					
11	224D4081876	NGUYỄN NGỌC	ANH	13/01/2004	QH9B;					
12	224D4081877	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	03/10/2004	QH9B;					
13	224D4081887	TẠ QUANG	ANH	26/02/2004	QH9B;					
14	224D4081888	TRẦN HOÀNG	ANH	12/06/2004	QH9B;					
15	224D4081890	TRỊNH PHƯƠNG	ANH	25/08/2004	QH9B;					
16	224D4081891	ĐỖ THỊ KIM	ÁNH	16/01/2004	QH9B;					
17	224D4081892	MAI NGỌC	ÁNH	09/10/2004	QH9B;					
18	224D4081894	HÀ TRỌNG	BẰNG	29/09/2004	QH9B;					
19	224D4081899	NGUYỄN HẠNH	CHI	16/07/2004	QH9B;					
20	224D4081900	NGUYỄN LAN	CHI	15/11/2004	QH9B;					
21	224D4081901	PHẠM NGỌC BẢO	CHI	12/01/2004	QH9B;					
22	224D4081908	NGUYỄN TRUNG	ĐỨC	10/10/2004	QH9B;					
23	224D4081909	VƯƠNG MINH	ĐỨC	16/12/2004	QH9B;					
24	224D4081904	NGUYỄN THỊ	DUNG	09/09/2004	QH9B;					
25	224D4081906	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	24/07/2004	QH9B;					
26	224D4081910	TRỊNH HƯƠNG	GIANG	22/11/2004	QH9B;					
27	224D4081912	BÙI THỊ	HÀ	17/02/2004	QH9B;					
28	224D4081913	HỒ NGỌC	HÀ	02/06/2004	QH9B;					
29	224D4081914	VÕ ĐỨC	HÀ	13/12/2004	QH9B;					
30	224D4081921	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	19/03/2004	QH9B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-401**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4081922	ĐÀO THỊ THU	HIỀN	13/02/2003	QH9B;					
32	224D4081923	HOÀNG THU	HIỀN	02/05/2003	QH9B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-401**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4010645	MAI THANH	HUYỀN	04/06/2004	QT30C;					
2	224D4010646	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	15/08/2004	QT30C;					
3	224D4010662	HỒ LONG	KHÁNH	25/12/2004	QT30C;					
4	224D4010665	NGUYỄN THỊ NGỌC	KHÁNH	19/06/2004	QT30C;					
5	224D4010674	BÙI HÀ NHÂN	KIỆT	10/11/2004	QT30C;					
6	224D4010681	BÙI DIỆU	LINH	20/04/2004	QT30C;					
7	224D4010684	ĐÀO NGỌC	LINH	23/02/2004	QT30C;					
8	224D4010688	NGHIÊM DIỆU	LINH	29/05/2004	QT30C;					
9	224D4010692	NGUYỄN HỒNG	LINH	18/01/2004	QT30C;					
10	224D4010700	NGUYỄN THÙY	LINH	20/03/2004	QT30C;					
11	224D4010709	TRẦN KHÁNH	LINH	15/06/2004	QT30C;					
12	224D4010712	VŨ THÙY	LINH	19/06/2004	QT30C;					
13	224D4010718	TRẦN LIU	LY	02/01/2004	QT30C;					
14	224D4010732	ĐINH THANH	MINH	08/10/2004	QT30C;					
15	224D4010737	TRẦN ĐỨC	MINH	10/12/2004	QT30C;					
16	224D4010741	PHẠM THỊ	MƠ	31/05/2004	QT30C;					
17	224D4010748	NGUYỄN HOÀI	NAM	15/02/2004	QT30C;					
18	224D4010758	HOÀNG THU	NGÂN	26/12/2004	QT30C;					
19	224D4010759	MAI THỊ KIM	NGÂN	13/01/2004	QT30C;					
20	224D4010772	PHẠM THỊ ÁNH	NGỌC	28/08/2004	QT30C;					
21	224D4010777	PHẠM KHÔI	NGUYÊN	24/01/2004	QT30C;					
22	224D4010778	TRƯƠNG MINH	NGUYỆT	03/02/2004	QT30C;					
23	224D4010781	ĐÀO THỊ YẾN	NHI	02/12/2004	QT30C;					
24	224D4010803	LÊ HẢI	PHONG	29/12/2004	QT30C;					
25	224D4010807	ĐÀO MAI	PHƯƠNG	19/09/2004	QT30C;					
26	224D4010819	TRẦN HỒNG	PHƯƠNG	25/09/2004	QT30C;					
27	224D4010825	NGUYỄN ĐĂNG MINH	QUÂN	20/11/2004	QT30C;					
28	224D4010827	NGUYỄN QUỐC	QUÂN	19/12/2004	QT30C;					
29	224D4010836	TRẦN NGỌC	QUỲNH	10/06/2004	QT30C;					
30	224D4010865	NGUYỄN HỒNG	THẮM	08/05/2004	QT30C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-401**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4010851	ĐOÀN PHƯƠNG	THẢO	21/09/2004	QT30C;					
32	224D4010854	LƯU THỊ THANH	THẢO	20/07/2004	QT30C;					
33	224D4010877	NGUYỄN THỊ	THỦY	15/09/2004	QT30C;					
34	224D4010889	NGUYỄN VĂN	TIẾN	13/10/2004	QT30C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-401**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D6012311	LÊ THÙY	CHI	09/12/2004	CT19A;					
2	224D6012344	MAI HOÀNG	ĐẠI	14/03/2004	CT19A;					
3	224D6012357	LÊ QUANG	ĐỨC	13/10/2004	CT19A;					
4	224D6012320	NGUYỄN VŨ LINH	DUNG	22/01/2004	CT19A;					
5	224D6012338	NGUYỄN TUẤN	DƯƠNG	18/01/2004	CT19A;					
6	224D6012340	TRẦN CAO	DƯƠNG	09/12/2004	CT19A;					
7	224D6012342	VŨ TÙNG	DƯƠNG	27/09/2004	CT19A;					
8	224D6012359	ĐÀO HÀ PHƯƠNG	GIANG	05/09/2003	CT19A;					
9	224D6012361	HOÀNG THỊ	GIANG	26/04/2004	CT19A;					
10	224D6012364	PHẠM THU	GIANG	12/08/2004	CT19A;					
11	224D6012365	VŨ HƯƠNG	GIANG	02/10/2004	CT19A;					
12	224D6012371	NGUYỄN THU	HÀ	02/09/2003	CT19A;					
13	224D6012373	TRẦN THÁI	HÀ	07/08/2004	CT19A;					
14	224D6012374	TRƯƠNG THÁI	HÀ	09/09/2004	CT19A;					
15	224D6012375	BÙI THỊ THU	HẢI	17/09/2003	CT19A;					
16	224D6012386	NGUYỄN THỊ	HẬU	11/09/2004	CT19A;					
17	224D6012390	LÊ THÚY	HIỀN	01/09/2004	CT19A;					
18	224D6012392	PHẠM THỊ THANH	HIỀN	18/12/2004	CT19A;					
19	224D6012393	TRƯƠNG THỊ	HIỀN	18/02/2004	CT19A;					
20	224D6012407	TRẦN NHƯ	HOÀNG	29/12/2004	CT19A;					
21	224D6012409	ĐÀO THỊ KIM	HỒNG	06/11/2003	CT19A;					
22	224D6012411	TRẦN THU	HỒNG	30/07/2003	CT19A;					
23	224D6012413	TẠ CHÍ	HÙNG	19/03/2004	CT19A;					
24	224D6012441	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	22/03/2004	CT19A;					
25	224D6012443	NGUYỄN THU	HƯƠNG	23/07/2004	CT19A;					
26	224D6012448	HOÀNG NGỌC	KHÁNH	12/11/2003	CT19A;					
27	224D6012452	NGUYỄN NGỌC YẾN	KHÊ	16/10/2004	CT19A;					
28	224D6012468	THÂN KIM	LIÊN	19/09/2004	CT19A;					
29	224D6012478	NGUYỄN KHÁNH	LINH	28/11/2004	CT19A;					
30	224D6012479	NGUYỄN KHÁNH	LINH	17/05/2004	CT19A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **T-401**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D6012480	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	16/10/2004	CT19A;					
32	224D6012481	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	04/04/2004	CT19A;					
33	224D6012484	NGUYỄN TÚ	LINH	12/08/2004	CT19A;					
34	224D6012486	NGUYỄN XUÂN NGUYÊN	LINH	15/02/2004	CT19A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4010872	LÊ MINH	THÙY	14/06/2004	QT30B;					
2	224D4010875	NGUYỄN THỊ BÍCH	THỦY	26/09/2004	QT30B;					
3	224D4010879	NGUYỄN THU	THỦY	15/12/2004	QT30B;					
4	224D4010894	DƯƠNG HÀ	TRANG	19/11/2004	QT30B;					
5	224D4010898	NGÔ HUYỀN	TRANG	18/12/2004	QT30B;					
6	224D4010916	HUỲNH MINH	TUẤN	24/03/2004	QT30B;					
7	224D4010917	NGUYỄN ANH	TUẤN	21/10/2004	QT30B;					
8	224D4010922	TRẦN THANH	TÙNG	03/05/2004	QT30B;					
9	224D4010934	ĐỖ QUANG	VINH	02/05/2004	QT30B;					
10	224D4010935	NGUYỄN QUANG	VINH	03/11/2004	QT30B;					
11	224D4010472	LƯƠNG HOÀNG	AN	04/08/2004	QT30C;					
12	224D4010478	BÙI ĐỨC	ANH	06/02/2004	QT30C;					
13	224D4010480	BÙI NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	14/04/2004	QT30C;					
14	224D4010483	ĐÀM THỊ LAN	ANH	22/08/2004	QT30C;					
15	224D4010487	LÊ PHƯƠNG	ANH	25/09/2004	QT30C;					
16	224D4010492	NGUYỄN HIỀN	ANH	18/08/2004	QT30C;					
17	224D4010494	NGUYỄN NGUYỆT	ANH	11/05/2004	QT30C;					
18	224D4010500	NGUYỄN QUỲNH	ANH	23/05/2004	QT30C;					
19	224D4010510	PHÙNG HẢI	ANH	31/03/2004	QT30C;					
20	224D4010516	VŨ MAI	ANH	25/03/2004	QT30C;					
21	224D4010519	VƯƠNG THỊ QUỲNH	ANH	05/06/2004	QT30C;					
22	224D4010521	DƯƠNG NGUYỆT	ÁNH	15/09/2003	QT30C;					
23	224D4010529	TRẦN LONG	BIÊN	02/12/2004	QT30C;					
24	224D4010536	ĐINH LAM	CHI	09/01/2004	QT30C;					
25	224D4010554	NGUYỄN HÙNG	DŨNG	21/12/2004	QT30C;					
26	224D4010570	PHAN NGUYỄN HẢI	DƯƠNG	13/08/2004	QT30C;					
27	224D4010582	LÊ VŨ HƯƠNG	GIANG	13/07/2004	QT30C;					
28	224D4010589	TRỊNH HƯƠNG	GIANG	10/04/2004	QT30C;					
29	224D4010590	ĐỖ HỮU	GIÁP	22/01/2004	QT30C;					
30	224D4010596	NGUYỄN PHƯƠNG	HẢI	09/01/2004	QT30C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4010600	NGÔ THANH	HẰNG	20/04/2004	QT30C;					
32	224D4010606	MAI THU	HIỀN	03/08/2004	QT30C;					
33	224D4010611	TẠ THU	HIỀN	04/03/2004	QT30C;					
34	224D4010612	LƯƠNG TUẤN	HIỆP	26/11/2004	QT30C;					
35	224D4010632	LÊ VIỆT	HÙNG	11/09/2004	QT30C;					
36	224D4010639	DƯƠNG THỊ	HUYỀN	08/01/2004	QT30C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4010761	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	27/02/2004	QT30G;					
2	224D4010765	BÙI THỊ BÍCH	NGỌC	05/01/2004	QT30G;					
3	224D4010776	NGUYỄN BẢO	NGUYÊN	29/05/2003	QT30G;					
4	224D4010780	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	25/11/2004	QT30G;					
5	224D4010792	TRẦN HỒNG	NHUNG	09/07/2003	QT30G;					
6	224D4010800	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	25/04/2004	QT30G;					
7	224D4010805	BÀN THỊ	PHƯƠNG	27/03/2004	QT30G;					
8	224D4010809	NGÔ THỊ	PHƯƠNG	18/04/2004	QT30G;					
9	224D4010823	NGUYỄN ĐÌNH	QUANG	18/04/2003	QT30G;					
10	224D4010840	MAI NGUYỄN THÁI	SƠN	12/03/2004	QT30G;					
11	224D4010841	NGUYỄN VĂN	SƠN	15/07/2004	QT30G;					
12	224D4010844	BÙI DIỆU	THANH	30/09/2004	QT30G;					
13	224D4010852	HỒ PHƯƠNG	THẢO	01/03/2004	QT30G;					
14	224D4010853	LÊ VI	THẢO	10/08/2004	QT30G;					
15	224D4010866	NGUYỄN DUY	THỊNH	04/08/2004	QT30G;					
16	224D4010868	ĐÀO DUY	THỜI	04/05/2004	QT30G;					
17	224D4010882	TRẦN THỊ HOÀI	THƯ	19/06/2004	QT30G;					
18	224D4010885	VŨ TRIỆU HÀ	THƯƠNG	21/05/2004	QT30G;					
19	224D4010871	HOÀNG THU	THỦY	02/09/2004	QT30G;					
20	224D4010878	NGUYỄN THỊ	THỦY	01/06/2004	QT30G;					
21	224D4010876	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	19/08/2003	QT30G;					
22	224D4010896	KHÚC THU	TRANG	25/12/2004	QT30G;					
23	224D4010897	MAI HUYỀN	TRANG	01/11/2004	QT30G;					
24	224D4010913	NGUYỄN NGỌC	TÚ	20/06/2004	QT30G;					
25	224D4010918	NGUYỄN VĂN	TUẤN	25/03/2004	QT30G;					
26	224D4010919	BÙI NGUYỄN THANH	TÙNG	30/10/2004	QT30G;					
27	224D4010920	LÊ THANH	TÙNG	13/10/2001	QT30G;					
28	224D4010924	NGUYỄN THANH	TUYỀN	01/03/2003	QT30G;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D6012254	HOÀNG NAM	ANH	27/05/2004	CT19A;					
2	224D6012266	NGUYỄN NGỌC	ANH	12/01/2004	CT19A;					
3	224D6012273	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	22/05/2004	CT19A;					
4	224D6012283	TRỊNH DUY	ANH	21/11/2004	CT19A;					
5	224D6012287	VŨ NGỌC	ANH	25/03/2004	CT19A;					
6	224D6012310	LÊ THỊ MAI	CHI	18/10/2003	CT19A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D6012618	PHẠM XUÂN	THÀNH	14/07/2004	CT19C;					
2	224D6012621	HUỲNH PHƯƠNG	THẢO	18/04/2004	CT19C;					
3	224D6012642	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THU	07/02/2004	CT19C;					
4	224D6012647	MÔNG THỊ MINH	THƯ	28/09/2004	CT19C;					
5	224D6012655	HÀ THU	TRANG	22/09/2004	CT19C;					
6	224D6012657	LÊ KIỀU	TRANG	14/10/2004	CT19C;					
7	224D6012660	NGUYỄN HIỀN	TRANG	24/07/2004	CT19C;					
8	224D6012664	PHẠM THU	TRANG	04/09/2004	CT19C;					
9	224D6012672	NGUYỄN HUY	TRỌNG	03/09/2004	CT19C;					
10	224D6012685	PHẠM THANH	TÙNG	19/09/2004	CT19C;					
11	224D6012690	NGUYỄN LÊ TÚ	UYÊN	01/09/2004	CT19C;					
12	224D6012691	TRẦN PHƯƠNG	UYÊN	24/10/2004	CT19C;					
13	224D6012696	NGUYỄN HÀ	VI	10/07/2004	CT19C;					
14	224D6012703	LÊ HÀ	VY	27/10/2004	CT19C;					
15	224D6012707	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	11/02/2004	CT19C;					
16	224D6012708	PHÙNG TRẦN BẢO	YẾN	30/11/2004	CT19C;					
17	224D6012246	ĐÀO THU	AN	15/12/2004	CT19D;					
18	224D6012248	NGUYỄN ĐÀM	AN	12/08/2004	CT19D;					
19	224D6012250	NGUYỄN THÀNH	AN	22/02/2004	CT19D;					
20	224D6012259	NGÔ TUẤN	ANH	22/12/2004	CT19D;					
21	224D6012269	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	17/09/2004	CT19D;					
22	224D6012270	NGUYỄN QUẾ	ANH	03/05/2004	CT19D;					
23	224D6012274	NGUYỄN TIẾN	ANH	27/05/2004	CT19D;					
24	224D6012275	NGUYỄN TÚ	ANH	06/06/2003	CT19D;					
25	224D6012289	VŨ QUỲNH	ANH	12/07/2004	CT19D;					
26	224D6012294	NGUYỄN PHẠM HỒNG	ÁNH	20/12/2004	CT19D;					
27	224D6012297	ĐỖ GIA	BẢO	09/11/2004	CT19D;					
28	224D6012302	PHẠM NGUYÊN	BÌNH	09/11/2004	CT19D;					
29	224D6012305	VŨ MINH	CHÂU	03/11/2004	CT19D;					
30	224D6012315	NGUYỄN ĐỨC	CHÍNH	21/09/2004	CT19D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D6012353	VŨ TIẾN	ĐẠT	05/08/2004	CT19D;					
32	224D6012319	TRƯƠNG HUYỀN	DIỆU	21/02/2004	CT19D;					
33	224D6012325	PHẠM VĂN	DŨNG	13/11/2003	CT19D;					
34	224D6012335	HỒ ĐẮC	DƯƠNG	01/11/2004	CT19D;					
35	224D6012326	BÀNH ĐỨC	DUY	31/03/2004	CT19D;					
36	224D6012332	CAO KỲ	DUYÊN	20/03/2004	CT19D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4031224	HOÀNG MINH	ANH	14/10/2004	KT17A;					
2	224D4031233	NGUYỄN HOÀNG	ANH	23/04/2004	KT17A;					
3	224D4031235	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	02/02/2004	KT17A;					
4	224D4031236	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	31/03/2004	KT17A;					
5	224D4031241	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	25/07/2004	KT17A;					
6	224D4031246	NGUYỄN VIỆT	ANH	09/06/2004	KT17A;					
7	224D4031251	THÁI PHƯƠNG	ANH	05/11/2004	KT17A;					
8	224D4031255	TRẦN THỊ THÙY	ANH	22/11/2004	KT17A;					
9	224D4031257	TRỊNH HUYỀN	ANH	17/03/2004	KT17A;					
10	224D4031258	VŨ DIỆU	ANH	15/10/2004	KT17A;					
11	224D4031261	LÊ THỊ MINH	ÁNH	27/11/2004	KT17A;					
12	224D4031263	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	23/08/2004	KT17A;					
13	224D4031264	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	14/09/2003	KT17A;					
14	224D4031266	VŨ NGỌC	BÍCH	29/10/2004	KT17A;					
15	224D4031273	LÊ MAI	CHI	19/07/2004	KT17A;					
16	224D4031293	VŨ THỊ LINH	ĐAN	16/12/2003	KT17A;					
17	224D4031288	BÙI THÙY	DƯƠNG	28/07/2004	KT17A;					
18	224D4031286	NGUYỄN THỊ KIM	DUYÊN	19/08/2004	KT17A;					
19	224D4031309	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	04/09/2004	KT17A;					
20	224D4031311	TRẦN THẢO	HẰNG	27/09/2004	KT17A;					
21	224D4031314	NGUYỄN THỊ MINH	HẬU	16/10/2004	KT17A;					
22	224D4031317	NGUYỄN THỊ	HIỀN	25/01/2004	KT17A;					
23	224D4031318	NGUYỄN THÚY	HIỀN	04/07/2004	KT17A;					
24	224D4031320	PHẠM THỊ	HIỀN	16/03/2004	KT17A;					
25	224D4031324	HOÀNG THỊ THANH	HOA	07/05/2004	KT17A;					
26	224D4031328	TRẦN QUỲNH	HOA	13/01/2004	KT17A;					
27	224D4031334	NGUYỄN THỊ	HUỆ	02/11/2004	KT17A;					
28	224D4031356	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	07/08/2004	KT17A;					
29	224D4031340	ĐÀO THỊ THU	HUYỀN	16/08/2004	KT17A;					
30	224D4031343	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	05/03/2004	KT17A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4031346	NGUYỄN PHƯƠNG	HUYỀN	06/01/2004	KT17A;					
32	224D4031375	ĐÀO THÙY	LINH	31/08/2004	KT17A;					
33	224D4031372	DƯƠNG THÙY	LINH	24/05/2004	KT17A;					
34	224D4031381	NGUYỄN PHAN BẢO	LINH	15/11/2004	KT17A;					
35	224D4031389	ĐỖ THỊ THU	LOAN	12/11/2004	KT17A;					
36	224D4031394	VŨ TRÀ	LY	04/11/2004	KT17A;					
37	224D4031397	HOÀNG THỊ QUỲNH	MAI	25/04/2004	KT17A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **5 - 5** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4031377	LỤC THÙY	LINH	20/06/2004	KT17D;					
2	224D4031382	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	15/10/2004	KT17D;					
3	224D4031384	PHẠM DIỆU	LINH	22/06/2004	KT17D;					
4	224D4031392	LÊ PHƯƠNG	LY	02/03/2004	KT17D;					
5	224D4031395	DƯƠNG THỊ XUÂN	MAI	24/04/2004	KT17D;					
6	224D4031402	ĐINH NGỌC	MINH	09/07/2004	KT17D;					
7	224D4031406	NGUYỄN TRÀ	MY	31/10/2004	KT17D;					
8	224D4031411	TRẦN THỊ THÚY	NGA	21/02/2004	KT17D;					
9	224D4031413	LÊ TUYẾT	NGÂN	30/01/2004	KT17D;					
10	224D4031416	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	15/09/2004	KT17D;					
11	224D4031418	CHU BẢO	NGỌC	05/07/2004	KT17D;					
12	224D4031422	NGUYỄN THỊ	NGỌC	19/12/2004	KT17D;					
13	224D4031429	ĐÀM THẢO	NHI	04/12/2004	KT17D;					
14	224D4031440	NINH THỊ TUYẾT	NHƯ	17/09/2004	KT17D;					
15	224D4031439	VŨ THỊ	NHUNG	14/08/2003	KT17D;					
16	224D4031444	ĐÀO KIM	OANH	06/08/2003	KT17D;					
17	224D4031445	LƯU HOÀNG	OANH	14/05/2004	KT17D;					
18	224D4031451	ĐINH HIẾU	PHƯƠNG	16/02/2004	KT17D;					
19	224D4031459	PHẠM MAI	PHƯƠNG	21/02/2004	KT17D;					
20	224D4031460	PHẠM MAI	PHƯƠNG	04/01/2004	KT17D;					
21	224D4031461	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	04/07/2004	KT17D;					
22	224D4031465	VŨ NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	18/01/2004	KT17D;					
23	224D4031478	NGUYỄN THẢO	QUỲNH	26/08/2003	KT17D;					
24	224D4031480	BẠCH THẾ	SƠN	18/01/2004	KT17D;					
25	224D4031483	NGUYỄN PHƯƠNG	THANH	23/10/2004	KT17D;					
26	224D4031489	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	29/04/2004	KT17D;					
27	224D4031490	NGUYỄN THỊ	THẢO	15/12/2004	KT17D;					
28	224D4031503	VŨ THỊ	THƯƠNG	23/04/2004	KT17D;					
29	224D4031508	CAO THỊ THU	TRANG	16/02/2004	KT17D;					
30	224D4031513	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	30/04/2004	KT17D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **5 - 5** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4031514	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	08/01/2004	KT17D;					
32	224D4031520	NGUYỄN YẾN	TRANG	19/01/2004	KT17D;					
33	224D4031528	PHAN THỊ CẨM	TÚ	27/11/2004	KT17D;					
34	224D4031530	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	21/02/2004	KT17D;					
35	224D4031533	ĐỖ THỊ THẢO	VÂN	31/08/2004	KT17D;					
36	224D4031542	NGUYỄN THỊ	YẾN	14/07/2004	KT17D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D1030104	LÊ DUY	ANH	09/07/2004	XH25C;					
2	224D1030107	LÊ VÂN	ANH	27/08/2004	XH25C;					
3	224D1030112	NGUYỄN ĐỨC	ANH	27/07/2004	XH25C;					
4	224D1030114	NGUYỄN HOÀNG	ANH	04/02/2004	XH25C;					
5	224D1030117	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG	ANH	26/07/2004	XH25C;					
6	224D1030322	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	06/07/2004	XH25C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4021048	VŨ VIỆT	HƯNG	12/10/2004	TN17B;					
2	224D4021054	TRẦN MAI	HƯƠNG	04/06/2004	TN17B;					
3	224D4021055	TRẦN THU	HƯƠNG	12/01/2004	TN17B;					
4	224D4021043	ĐINH THỊ THU	HUYỀN	17/02/2004	TN17B;					
5	224D4021046	TRẦN THỊ KHÁNH	HUYỀN	09/02/2004	TN17B;					
6	224D4021057	ĐÀM THỊ	KHANH	26/01/2004	TN17B;					
7	224D4021060	TRẦN NGỌC	KIÊN	04/05/2004	TN17B;					
8	224D4021062	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	25/01/2004	TN17B;					
9	224D4021064	NGUYỄN THỊ	LAN	16/02/2004	TN17B;					
10	224D4021076	NGUYỄN HOÀI	LINH	18/02/2004	TN17B;					
11	224D4021077	NGUYỄN KHÁNH	LINH	08/03/2004	TN17B;					
12	224D4021080	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	13/08/2004	TN17B;					
13	224D4021085	NGUYỄN VŨ CÁT	LINH	25/06/2004	TN17B;					
14	224D4021086	PHẠM KHÁNH	LINH	28/10/2004	TN17B;					
15	224D4021091	VŨ THỊ	LỘC	09/11/2004	TN17B;					
16	224D4021094	ĐÀO LÊ TUYẾT	LY	08/11/2004	TN17B;					
17	224D4021097	ĐÀO THỊ	LÝ	20/05/2004	TN17B;					
18	224D4021099	BÙI THỊ NGỌC	MAI	27/01/2004	TN17B;					
19	224D4021104	BÙI THỊ TUYẾT	MINH	21/01/2004	TN17B;					
20	224D4021105	NGUYỄN NGỌC	MINH	23/09/2004	TN17B;					
21	224D4021106	NGUYỄN THỊ THU	MINH	08/06/2004	TN17B;					
22	224D4021109	NGUYỄN THỊ HÀ	MY	05/12/2004	TN17B;					
23	224D4021111	PHẠM HUYỀN	MY	10/09/2004	TN17B;					
24	224D4021112	TRỊNH TRÀ	MY	16/11/2004	TN17B;					
25	224D4021114	NGUYỄN HỮU	NAM	06/07/2004	TN17B;					
26	224D4021118	TRỊNH THỊ THANH	NGA	12/04/2004	TN17B;					
27	224D4021120	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	01/10/2004	TN17B;					
28	224D4021123	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NGUYÊN	12/03/2004	TN17B;					
29	224D4021124	TRƯƠNG THẢO	NGUYÊN	12/01/2004	TN17B;					
30	224D4021126	NGUYỄN TRẦN NAM	NHÂN	22/11/2004	TN17B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4021136	NGUYỄN HẢI	NINH	22/03/2004	TN17B;					
32	224D4021149	PHẠM THỤC	QUYÊN	25/09/2004	TN17B;					
33	224D4021154	TRẦN DIỄM	QUỲNH	29/08/2004	TN17B;					
34	224D4021160	NGUYỄN VĂN	THÀNH	01/09/2001	TN17B;					
35	224D4021170	NGUYỄN TỪ	THIÊN	02/12/2004	TN17B;					
36	224D4021173	TRẦN HƯƠNG	THU	26/11/2004	TN17B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4041784	BÙI THỊ	SƯƠNG	25/04/2004	QN15B;					
2	224D4041785	LẠI THỊ MINH	TÂM	17/01/2004	QN15B;					
3	224D4041796	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	17/05/2004	QN15B;					
4	224D4041798	NGUYỄN THỊ	THẢO	09/08/2004	QN15B;					
5	224D4041804	CHU THỊ	THOA	03/05/2004	QN15B;					
6	224D4041811	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	12/11/2004	QN15B;					
7	224D4041828	NGUYỄN ĐÀO HÀ	TRANG	28/07/2004	QN15B;					
8	224D4041829	NGUYỄN MAI	TRANG	08/10/2004	QN15B;					
9	224D4041832	NGUYỄN THỊ	TRANG	12/07/2004	QN15B;					
10	224D4041830	NGUYỄN THỊ ĐOAN	TRANG	18/06/2004	QN15B;					
11	224D4041843	NGUYỄN CẨM	TÚ	04/01/2004	QN15B;					
12	224D4041844	NGUYỄN THỰC	TUÂN	28/10/2004	QN15B;					
13	224D4041852	ĐÀO NHẬT	UYÊN	04/12/2004	QN15B;					
14	224D4041854	ĐỖ THẢO	VÂN	08/06/2004	QN15B;					
15	224D4041856	NGÔ THANH	VÂN	08/03/2004	QN15B;					
16	224D4041858	VŨ THỊ HẢI	VÂN	21/10/2004	QN15B;					
17	224D4041862	NGUYỄN THỊ KHÁNH	VY	09/04/2004	QN15B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D1030282	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	10/01/2004	XH25A;					
2	224D1030287	TĂNG THỊ NGỌC	LINH	19/06/2004	XH25A;					
3	224D1030290	TRẦN KHÁNH	LINH	28/04/2004	XH25A;					
4	224D1030294	NGUYỄN THỊ THÚY	LOAN	30/12/2004	XH25A;					
5	224D1030295	TRẦN THỊ	LOAN	14/11/2004	XH25A;					
6	224D1030298	NGUYỄN VĂN	LỘC	24/06/2004	XH25A;					
7	224D1030299	NGUYỄN ĐỨC	LỢI	19/05/2004	XH25A;					
8	224D1030300	BÙI THỊ CẨM	LY	25/03/2004	XH25A;					
9	224D1030307	ĐINH THỊ TUYẾT	MAI	24/09/2004	XH25A;					
10	224D1030314	PHẠM NGỌC	MẠNH	15/09/2004	XH25A;					
11	224D1030315	DƯƠNG HÀ	MINH	12/10/2004	XH25A;					
12	224D1030317	HOÀNG TUẤN	MINH	09/09/2003	XH25A;					
13	224D1030319	NGUYỄN VĂN	MINH	17/08/2004	XH25A;					
14	224D1030324	LẠI THẢO	MY	24/06/2004	XH25A;					
15	224D1030326	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	10/11/2004	XH25A;					
16	224D1030332	CHU HẢI	NGÂN	22/09/2004	XH25A;					
17	224D1030336	NGUYỄN THỊ	NGÂN	02/02/2004	XH25A;					
18	224D1030338	TRẦN THỊ THANH	NGÂN	19/01/2004	XH25A;					
19	224D1030341	BÙI HỒNG BẢO	NGỌC	01/01/2004	XH25A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4081949	NGUYỄN GIA	KHÁNH	25/05/2004	QH9A;					
2	224D4081950	NGUYỄN THỊ NGỌC	KHUÊ	10/12/2004	QH9A;					
3	224D4081951	ĐỖ ĐỨC	KIỆT	10/11/2003	QH9A;					
4	224D4081953	NGUYỄN PHÚ	LÂM	22/05/2004	QH9A;					
5	224D4081956	ĐÀO KHÁNH	LINH	19/09/2004	QH9A;					
6	224D4081960	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	17/07/2004	QH9A;					
7	224D4081963	PHAN NGUYỄN DIỆU	LINH	18/01/2004	QH9A;					
8	224D4081967	TRẦN PHƯƠNG	LINH	08/04/2004	QH9A;					
9	224D4081968	TRƯƠNG PHƯƠNG	LINH	06/11/2004	QH9A;					
10	224D4081971	MAI KHÁNH	LY	17/03/2004	QH9A;					
11	224D4081974	TRỊNH NGỌC	LY	31/01/2004	QH9A;					
12	224D4081979	NGUYỄN VŨ QUANG	MINH	10/07/2004	QH9A;					
13	224D4081980	BÙI THỊ TRÀ	MY	14/12/2004	QH9A;					
14	224D4081982	ĐÀO TRÀ	MY	10/01/2004	QH9A;					
15	224D4081981	DƯƠNG TRÀ	MY	15/08/2004	QH9A;					
16	224D4081988	VŨ HƯƠNG	NGÂN	27/11/2004	QH9A;					
17	224D4081986	NGUYỄN THỊ	NGÁT	22/07/2004	QH9A;					
18	224D4081989	BÙI THỊ	NGỌC	03/04/2004	QH9A;					
19	224D4081993	PHẠM BÍCH	NGỌC	17/10/2004	QH9A;					
20	224D4082004	LÊ TRẦN BẢO	NHI	18/10/2004	QH9A;					
21	224D4082005	NGÔ HOÀNG YẾN	NHI	26/07/2003	QH9A;					
22	224D4082007	TẠ THỊ PHƯƠNG	NHI	24/11/2004	QH9A;					
23	224D4082009	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	21/12/2004	QH9A;					
24	224D4082012	BÙI THỊ MINH	PHƯƠNG	01/11/2004	QH9A;					
25	224D4082013	LƯU THỊ YẾN	PHƯƠNG	05/10/2004	QH9A;					
26	224D4082019	NGUYỄN HƯƠNG	QUỲNH	07/01/2004	QH9A;					
27	224D4082020	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	12/01/2004	QH9A;					
28	224D4082024	VŨ THỊ	TÂM	08/12/2004	QH9A;					
29	224D4082029	NGUYỄN TIẾN	THẮNG	18/05/2004	QH9A;					
30	224D4082025	HOÀNG THANH	THẢO	12/03/2004	QH9A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4082027	LẠI MAI PHƯƠNG	THẢO	07/08/2004	QH9A;					
32	224D4082026	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	29/02/2004	QH9A;					
33	224D4082028	TRẦN THANH	THẢO	11/08/2004	QH9A;					
34	224D4082032	PHẠM THỊ	THƠM	24/11/2004	QH9A;					
35	224D4082037	TRẦN THANH	THƯ	18/09/2004	QH9A;					
36	224D4082035	TRẦN THỊ THU	THỦY	14/10/2004	QH9A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **5 - 5** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D1062964	VŨ THẾ	LONG	06/09/2004	VNH1A;					
2	224D1062965	CAO KHÁNH	LY	13/11/2004	VNH1A;					
3	224D1062968	NGUYỄN PHƯƠNG	MAI	01/12/2004	VNH1A;					
4	224D1062967	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	19/01/2003	VNH1A;					
5	22DH1063007	VŨ HẢI	NAM	31/08/2004	VNH1A;					
6	224D1062970	LÊ PHƯƠNG	NHI	28/06/2004	VNH1A;					
7	224D1062971	PHẠM NGỌC BẢO	NHI	21/09/2004	VNH1A;					
8	224D1062973	PHẠM NGUYÊN THẢO	NHI	12/01/2004	VNH1A;					
9	22DH1063005	LÝ THÙY	NHUNG	21/09/2004	VNH1A;					
10	224D1062974	TRẦN THỊ HỒNG	NHUNG	19/03/2004	VNH1A;					
11	224D1062975	VŨ HỒNG	NHUNG	16/08/2004	VNH1A;					
12	224D1062976	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	18/09/2004	VNH1A;					
13	224D1062977	VŨ MAI	PHƯƠNG	09/09/2004	VNH1A;					
14	224D1062978	NGÔ MỸ	TÂM	19/09/2004	VNH1A;					
15	224D1062979	NGUYỄN THỊ MỸ	TÂM	20/09/2004	VNH1A;					
16	224D1062997	TRẦN VĂN	THÀNH	07/09/2004	VNH1A;					
17	224D1062981	LÊ PHƯƠNG	THẢO	06/12/2004	VNH1A;					
18	22DH1063003	NGUYỄN THANH	THẢO	26/08/2004	VNH1A;					
19	224D1062980	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	03/04/2004	VNH1A;					
20	224D1062986	NGUYỄN ÁNH	TRÀ	10/08/2004	VNH1A;					
21	224D1062985	NGUYỄN THANH	TRÀ	19/01/2004	VNH1A;					
22	224D1062987	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	24/01/2004	VNH1A;					
23	224D1062989	TÒNG THỊ LƯƠNG	TRI	04/08/2004	VNH1A;					
24	224D1062990	NGUYỄN CHÍ	TRUNG	28/10/2004	VNH1A;					
25	224D1062991	LƯU ĐỨC	TUYÊN	26/01/2004	VNH1A;					
26	224D1062992	HOÀNG THỊ HẢI	VÂN	02/06/2004	VNH1A;					
27	224D1062993	NGUYỄN THỊ THUỲ	VÂN	13/01/2004	VNH1A;					
28	22DH1063004	NGUYỄN TRẦN QUANG	VINH	19/10/2004	VNH1A;					
29	224D1062994	LÊ HÀ	VY	29/09/2004	VNH1A;					
30	224D1062995	PHẠM HOÀNG	YẾN	01/03/2004	VNH1A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4010927	PHẠM TỐ	UYÊN	10/04/2004	QT30E;					
2	224D4010932	LÊ TRÚC KHÁNH	VI	11/09/2004	QT30E;					
3	224D4010481	BÙI TUẤN	ANH	28/01/2004	QT30G;					
4	224D4010486	ĐINH QUANG	ANH	11/01/2004	QT30G;					
5	224D4010495	NGUYỄN NHẬT	ANH	10/10/2004	QT30G;					
6	224D4010496	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	23/11/2004	QT30G;					
7	224D4010491	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	11/09/2004	QT30G;					
8	224D4010505	PHẠM DIỆU	ANH	25/01/2004	QT30G;					
9	224D4010507	PHẠM THÙY	ANH	16/08/2004	QT30G;					
10	224D4010522	ĐẶNG NGỌC	ÁNH	15/07/2004	QT30G;					
11	224D4010527	TRẦN NGỌC	ÁNH	02/04/2004	QT30G;					
12	224D4010528	ĐINH NGỌC	BẢO	26/09/2004	QT30G;					
13	224D4010530	CÙ HÀ THANH	BÌNH	09/11/2004	QT30G;					
14	224D4010576	ĐÀO TẤT	ĐỨC	21/01/2004	QT30G;					
15	224D4010549	CAO THỊ PHƯƠNG	DUNG	09/01/2004	QT30G;					
16	224D4010553	NGUYỄN THÙY	DUNG	01/09/2004	QT30G;					
17	224D4010557	PHẠM NGUYỄN TẤN	DŨNG	10/08/2004	QT30G;					
18	224D4010571	PHẠM THỊ ÁNH	DƯƠNG	29/02/2004	QT30G;					
19	224D4010565	LÊ THỊ	DUYÊN	12/04/2004	QT30G;					
20	224D4010580	DƯƠNG THỊ QUỲNH	GIANG	19/08/2004	QT30G;					
21	224D4010587	PHẠM THỊ HÀ	GIANG	11/11/2004	QT30G;					
22	224D4010599	ĐINH THU	HẰNG	08/09/2004	QT30G;					
23	224D4010610	PHẠM THỊ THANH	HIỀN	02/12/2003	QT30G;					
24	224D4010653	NGUYỄN THỊ DIỆU	HƯƠNG	07/12/2004	QT30G;					
25	224D4010643	HỒ THỊ KHÁNH	HUYỀN	27/03/2004	QT30G;					
26	224D4010647	NGUYỄN THANH	HUYỀN	12/02/2004	QT30G;					
27	224D4010667	THẠCH PHƯƠNG	KHÁNH	23/12/2004	QT30G;					
28	224D4010668	TRẦN NGỌC	KHÁNH	30/09/2004	QT30G;					
29	224D4010670	MAI TRUNG	KIÊN	08/05/2004	QT30G;					
30	224D4010673	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	18/11/2004	QT30G;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4010687	LÊ NGUYỄN TRANG	LINH	31/12/2004	QT30G;					
32	224D4010689	NGUYỄN AN TRÚC	LINH	17/10/2004	QT30G;					
33	224D4010690	NGUYỄN DIỆU	LINH	03/09/2004	QT30G;					
34	224D4010704	PHAN THỊ DIỆU	LINH	29/09/2004	QT30G;					
35	224D4010711	TRẦN THỊ PHƯƠNG	LINH	09/12/2003	QT30G;					
36	224D4010714	NGUYỄN THỊ	LỘC	15/01/2004	QT30G;					
37	224D4010713	TRẦN LÊ BẢO	LONG	21/12/2004	QT30G;					
38	224D4010717	NGUYỄN PHƯƠNG	LY	01/02/2004	QT30G;					
39	224D4010722	NGUYỄN NGỌC	MAI	19/06/2004	QT30G;					
40	224D4010725	PHẠM XUÂN	MAI	21/10/2004	QT30G;					
41	224D4010726	TRẦN THỊ XUÂN	MAI	10/08/2004	QT30G;					
42	224D4010729	PHAN HỮU	MẠNH	24/09/2004	QT30G;					
43	224D4010730	KIỀU TRÀ	MI	03/01/2004	QT30G;					
44	224D4010739	TRƯƠNG DUY	MINH	07/05/2004	QT30G;					
45	224D4010752	ĐINH PHÙNG QUỲNH	NGA	02/10/2004	QT30G;					
46	224D4010755	NGUYỄN HỒNG	NGA	21/07/2004	QT30G;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D6012341	TRẦN TÙNG	DƯƠNG	05/06/2004	CT19C;					
2	224D6012343	XA THÁI	DƯƠNG	26/04/2004	CT19C;					
3	224D6012328	NGUYỄN ANH	DUY	03/04/2004	CT19C;					
4	224D6012329	PHẠM QUỐC	DUY	29/10/2004	CT19C;					
5	224D6012363	PHẠM HÀ	GIANG	25/08/2003	CT19C;					
6	224D6012376	CAO THỊ MINH	HẢI	12/10/2004	CT19C;					
7	224D6012378	ĐINH MẠNH	HẢI	01/10/2004	CT19C;					
8	224D6012381	NGUYỄN NGỌC GIA	HÀO	21/07/2004	CT19C;					
9	224D6012382	LÊ THỊ HẢO	HẢO	28/12/2004	CT19C;					
10	224D6012388	ĐÀM QUANG	HIỆP	29/05/2004	CT19C;					
11	224D6012394	NGUYỄN CÔNG	HIẾU	13/01/2004	CT19C;					
12	224D6012402	NGUYỄN THÚY	HÒA	11/01/2004	CT19C;					
13	224D6012406	PHẠM MINH	HOÀNG	02/10/2003	CT19C;					
14	224D6012408	ĐÀO THỊ ÁNH	HỒNG	15/12/2004	CT19C;					
15	224D6012438	BÙI LAN	HƯƠNG	24/01/2004	CT19C;					
16	224D6012415	ĐÀO XUÂN	HUY	08/01/2004	CT19C;					
17	224D6012417	NGUYỄN QUANG	HUY	25/10/2004	CT19C;					
18	224D6012426	HOÀNG KHÁNH	HUYỀN	28/10/2004	CT19C;					
19	224D6012427	HOÀNG THỊ	HUYỀN	04/01/2004	CT19C;					
20	224D6012428	LÊ KHÁNH	HUYỀN	12/08/2004	CT19C;					
21	224D6012435	TRẦN THU	HUYỀN	05/11/2004	CT19C;					
22	224D6012447	PHAN DUY	KHẢI	29/09/2004	CT19C;					
23	224D6012457	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	02/09/2004	CT19C;					
24	224D6012463	NGUYỄN MẠNH	LÂM	11/05/2004	CT19C;					
25	224D6012462	PHẠM NGỌC	LAN	04/09/2004	CT19C;					
26	224D6012472	ĐOÀN HUYỀN	LINH	18/07/2003	CT19C;					
27	224D6012474	HÀ KHÁNH	LINH	14/03/2004	CT19C;					
28	224D6012485	NGUYỄN VƯƠNG HÀ	LINH	30/11/2004	CT19C;					
29	224D6012487	PHẠM THỊ THÙY	LINH	26/07/2004	CT19C;					
30	224D6012491	TRỊNH THỊ	LINH	17/12/2004	CT19C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D6012492	VŨ ÁI	LINH	14/11/2004	CT19C;					
32	224D6012496	LÊ THỊ MAI	LOAN	18/11/2004	CT19C;					
33	224D6012498	BẾ KIM	LONG	07/07/2003	CT19C;					
34	224D6012499	ĐẶNG NHẬT	LONG	24/12/2004	CT19C;					
35	224D6012501	VŨ THÀNH	LONG	22/04/2004	CT19C;					
36	224D6012506	PHẠM HƯƠNG	LY	07/07/2004	CT19C;					
37	224D6012514	ĐÀO NHẬT	MINH	18/12/2004	CT19C;					
38	224D6012526	PHẠM TRANG	MY	12/12/2004	CT19C;					
39	224D6012530	PHẠM THÀNH	NAM	31/05/2004	CT19C;					
40	224D6012533	NGUYỄN HOÀNG	NGA	29/10/2004	CT19C;					
41	224D6012552	VŨ THỊ	NGỌC	24/11/2004	CT19C;					
42	224D6012560	CHU HỒNG	NHI	19/05/2004	CT19C;					
43	224D6012577	NGÔ THỊ THU	PHƯƠNG	21/03/2004	CT19C;					
44	224D6012588	LÊ ANH	QUÂN	17/01/2004	CT19C;					
45	224D6012595	KHÚC MINH	QUYỀN	26/10/2004	CT19C;					
46	224D6012598	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	07/11/2004	CT19C;					
47	224D6012617	ĐOÀN TIẾN	THÀNH	11/04/2004	CT19C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D5022888	TRẦN QUỐC	TOẢN	30/12/2004	BH30B;					
2	224D5022894	TRẦN THU	TRANG	16/01/2004	BH30B;					
3	224D5022896	NGUYỄN QUANG	TRỌNG	26/01/2004	BH30B;					
4	224D5022900	VŨ MINH	TÙNG	16/04/2004	BH30B;					
5	224D5022902	LƯƠNG THỊ ÁNH	TUYẾT	27/12/2003	BH30B;					
6	224D5022904	HÀN PHƯƠNG	UYÊN	10/01/2004	BH30B;					
7	224D5022910	NGUYỄN KHÁNH	VŨ	22/12/2004	BH30B;					
8	224D5022914	VŨ NGỌC	XUÂN	24/09/2004	BH30B;					
9	224D5022712	LẠI TUẤN	ANH	01/11/2004	BH30C;					
10	224D5022720	PHẠM MẠNH KIỀU	ANH	30/01/2004	BH30C;					
11	22DH5023010	TRỊNH BẢO	ANH	19/01/2004	BH30C;					
12	224D5022727	ĐOÀN THANH	BÌNH	22/06/2004	BH30C;					
13	224D5022730	LÊ MINH	CHÂU	05/07/2004	BH30C;					
14	224D5022752	NGUYỄN ĐỨC	ĐẠI	22/08/2004	BH30C;					
15	224D5022755	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	15/10/2004	BH30C;					
16	224D5022738	TRẦN HIẾU	DIỆP	11/09/2004	BH30C;					
17	224D5022760	TRẦN ANH	ĐIỆP	22/06/2004	BH30C;					
18	224D5022739	TRẦN THẾ	DU	28/07/2004	BH30C;					
19	224D5022749	NGUYỄN NHẬT	DƯƠNG	20/04/2004	BH30C;					
20	224D5022770	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	24/12/2003	BH30C;					
21	224D5022792	LÊ XUÂN	HUY	24/02/2003	BH30C;					
22	224D5022794	NGUYỄN ĐỨC	HUY	09/09/2004	BH30C;					
23	224D5022797	TÀO THỊ KHÁNH	HUYỀN	19/01/2004	BH30C;					
24	224D5022803	NGUYỄN HỮU	KHÁNH	12/03/2004	BH30C;					
25	224D5022811	NGUYỄN HÀ ANH	KHÔI	11/09/2004	BH30C;					
26	224D5022812	BÙI ANH	KIÊN	03/12/2004	BH30C;					
27	224D5022813	BÙI THẾ	KIÊN	12/07/2004	BH30C;					
28	224D5022819	TRẦN SƠN	LÂM	26/06/2004	BH30C;					
29	224D5022824	LÊ THỊ PHƯƠNG	LINH	13/04/2004	BH30C;					
30	22DH5023009	TRƯƠNG THỊ HUYỀN	LINH	08/06/2004	BH30C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D5022829	NGUYỄN BẢO	LONG	19/03/2004	BH30C;					
32	224D5022850	ĐỖ PHƯƠNG	NHI	18/06/2003	BH30C;					
33	224D5022853	NGUYỄN THỊ	NHUNG	04/07/2004	BH30C;					
34	224D5022862	VŨ LAN	PHƯƠNG	22/07/2004	BH30C;					
35	224D5022865	TRƯƠNG VĂN	QUANG	17/10/2004	BH30C;					
36	224D5022874	NGUYỄN THIỆN	THANH	07/06/2004	BH30C;					
37	224D5022878	NGUYỄN THU	THẢO	28/06/2004	BH30C;					
38	224D5022879	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	21/12/2004	BH30C;					
39	224D5022911	NGUYỄN HỮU ĐẠI	VƯƠNG	01/01/2004	BH30C;					
40	224D5022913	LÊ TƯỜNG	VY	03/09/2004	BH30C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **5 - 5** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4031517	NGUYỄN THU	TRANG	06/08/2004	KT17C;					
2	224D4031521	PHẠM THỊ THÙY	TRANG	09/03/2004	KT17C;					
3	224D4031531	PHẠM THỊ	TUYỀN	27/04/2004	KT17C;					
4	224D4031532	TỐNG THU	UYÊN	21/02/2004	KT17C;					
5	224D4031537	TRẦN THUÝ	VÂN	08/11/2004	KT17C;					
6	224D4031218	HOÀNG THU	AN	09/01/2004	KT17D;					
7	224D4031220	PHƯƠNG MINH	AN	03/12/2004	KT17D;					
8	224D4031223	HÀ QUỲNH	ANH	29/03/2004	KT17D;					
9	224D4031227	NGÔ THỊ KIM	ANH	28/01/2003	KT17D;					
10	224D4031230	NGUYỄN ĐĂNG	ANH	09/09/2004	KT17D;					
11	224D4031232	NGUYỄN HÀ	ANH	04/10/2004	KT17D;					
12	224D4031240	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	02/07/2004	KT17D;					
13	224D4031247	PHẠM MAI	ANH	19/09/2004	KT17D;					
14	224D4031248	PHẠM MINH	ANH	20/03/2004	KT17D;					
15	224D4031252	TRẦN NGỌC	ANH	22/05/2004	KT17D;					
16	224D4031253	TRẦN PHƯƠNG	ANH	03/12/2004	KT17D;					
17	224D4031254	TRẦN THỊ MINH	ANH	31/07/2004	KT17D;					
18	224D4031260	VŨ THỊ LAN	ANH	03/03/2004	KT17D;					
19	224D4031267	LÊ THỊ	BÌNH	03/07/2004	KT17D;					
20	224D4031269	PHÙNG THỊ HÀ	CHANH	05/01/2004	KT17D;					
21	224D4031270	TẠ MINH	CHÂU	18/01/2004	KT17D;					
22	224D4031271	ĐẶNG HÀ	CHI	19/01/2004	KT17D;					
23	224D4031275	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	15/04/2004	KT17D;					
24	224D4031278	PHẠM NHƯ	CHÚC	17/06/2004	KT17D;					
25	224D4031296	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	11/08/2004	KT17D;					
26	224D4031298	LÊ TẤT	ĐƯỢC	23/01/2004	KT17D;					
27	224D4031290	HOÀNG THÙY	DƯƠNG	20/08/2003	KT17D;					
28	224D4031292	TRẦN THÙY	DƯƠNG	12/02/2004	KT17D;					
29	224D4031285	LÊ THỊ	DUYÊN	02/01/2004	KT17D;					
30	224D4031287	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	13/02/2004	KT17D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **5 - 5** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4031300	ĐỖ THỊ HOÀNG	HÀ	22/08/2004	KT17D;					
32	224D4031308	NGUYỄN THỊ	HẰNG	18/06/2004	KT17D;					
33	224D4031319	NGUYỄN THÚY	HIỀN	10/12/2004	KT17D;					
34	224D4031321	TRẦN ĐỨC KHÁNH	HIỀN	21/11/2004	KT17D;					
35	224D4031326	NGUYỄN THỊ	HOA	06/04/2004	KT17D;					
36	224D4031329	NGUYỄN MINH	HOÀNG	31/08/2004	KT17D;					
37	224D4031332	TĂNG THÚY	HỒNG	02/10/2004	KT17D;					
38	224D4031335	NGUYỄN THỊ THU	HUỆ	02/04/2004	KT17D;					
39	224D4031353	CAO NGUYÊN	HƯƠNG	23/12/2004	KT17D;					
40	224D4031357	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	04/12/2004	KT17D;					
41	224D4031358	TRẦN THU	HƯƠNG	09/12/2004	KT17D;					
42	224D4031341	ĐỒNG THU	HUYỀN	29/12/2004	KT17D;					
43	224D4031351	PHẠM NGỌC	HUYỀN	19/08/2004	KT17D;					
44	224D4031352	PHẠM THỊ KHÁNH	HUYỀN	09/04/2004	KT17D;					
45	224D4031368	VŨ NHẬT	LỆ	06/12/2004	KT17D;					
46	224D4031370	BÙI THỊ KHÁNH	LINH	26/06/2004	KT17D;					
47	224D4031374	ĐỖ THÙY	LINH	22/06/2004	KT17D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4041801	VŨ THANH	THẢO	03/08/2004	QN15D;					
2	224D4041806	NGUYỄN THỊ	THU	01/08/2004	QN15D;					
3	224D4041816	ĐỖ MINH	THƯ	08/07/2004	QN15D;					
4	224D4041820	TRƯƠNG ANH	THƯ	20/02/2004	QN15D;					
5	224D4041809	LÊ PHƯƠNG	THÙY	23/07/2004	QN15D;					
6	224D4041810	ĐÀM THỊ THU	THỦY	12/07/2004	QN15D;					
7	224D4041821	NGUYỄN HUY	TIN	16/01/2002	QN15D;					
8	224D4041827	NGÔ THỊ MINH	TRANG	15/11/2004	QN15D;					
9	224D4041833	NGUYỄN THỊ	TRANG	03/04/2003	QN15D;					
10	224D4041834	NGUYỄN THÙY	TRANG	16/01/2004	QN15D;					
11	224D4041836	TRẦN THỊ	TRANG	30/01/2004	QN15D;					
12	224D4041838	VŨ HIỀN	TRANG	17/08/2004	QN15D;					
13	224D4041840	LÊ NGUYỄN TUYẾT	TRINH	08/11/2004	QN15D;					
14	224D4041842	ĐỖ ANH	TÚ	30/05/2004	QN15D;					
15	224D4041855	ĐẶNG KHÁNH	VÂN	09/02/2004	QN15D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy4**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D1030090	NGUYỄN ĐỨC	AN	06/09/2004	XH25A;					
2	224D1030092	BÙI PHƯƠNG	ANH	16/12/2004	XH25A;					
3	224D1030094	CAO HÀ TRÂM	ANH	09/11/2004	XH25A;					
4	224D1030098	ĐỖ VIẾT ĐỨC	ANH	09/09/2004	XH25A;					
5	224D1030102	HÀ THỊ LAN	ANH	25/10/2004	XH25A;					
6	224D1030103	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	ANH	06/07/2004	XH25A;					
7	224D1030106	LÊ NGỌC	ANH	31/07/2004	XH25A;					
8	224D1030111	NGUYỄN DANH VIỆT	ANH	04/12/2004	XH25A;					
9	224D1030115	NGUYỄN NGỌC	ANH	01/12/2004	XH25A;					
10	224D1030124	PHẠM HỒNG	ANH	11/12/2001	XH25A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	22DH4023001	NGUYỄN THU	HƯƠNG	24/07/2004	TN17A;					
2	224D4021159	LÊ VĂN	THÀNH	15/09/2004	TN17A;					
3	224D4021164	NGUYỄN THỊ DIỆU	THẢO	25/09/2004	TN17A;					
4	224D4021168	TRỊNH PHƯƠNG	THẢO	25/12/2004	TN17A;					
5	224D4021182	LÊ THỊ HUYỀN	THƯƠNG	30/01/2004	TN17A;					
6	224D4021175	NGUYỄN PHƯƠNG	THÙY	27/03/2004	TN17A;					
7	224D4021176	PHẠM PHƯƠNG	THÙY	12/06/2004	TN17A;					
8	224D4021183	CHỬ VĂN	TOÀN	24/03/2004	TN17A;					
9	224D4021188	LÊ THU	TRANG	11/11/2004	TN17A;					
10	224D4021190	TRẦN THỊ THU	TRANG	03/01/2004	TN17A;					
11	224D4021192	DƯƠNG THANH	TRÚC	09/06/2004	TN17A;					
12	224D4021199	CÙ ĐỨC	TUẤN	15/12/2004	TN17A;					
13	224D4021201	BÙI THỊ PHƯƠNG	UYÊN	27/10/2004	TN17A;					
14	224D4021204	PHÍ THỊ HỒNG	VÂN	02/03/2004	TN17A;					
15	224D4021209	LÊ HUY	VŨ	08/10/2004	TN17A;					
16	224D4021214	ĐOÀN THỊ HẢI	YẾN	07/07/2004	TN17A;					
17	224D4020947	TRẦN HÀ THANH	AN	14/08/2004	TN17B;					
18	224D4020948	VŨ THỊ THÚY	AN	02/03/2004	TN17B;					
19	224D4020956	ĐẶNG HẢI	ANH	17/12/2004	TN17B;					
20	224D4020957	HÀ NHẬT	ANH	07/05/2004	TN17B;					
21	224D4020960	LÊ HẢI	ANH	03/05/2003	TN17B;					
22	224D4020963	LÊ THÁI	ANH	25/12/2004	TN17B;					
23	224D4020964	NGUYỄN CHÂU	ANH	01/09/2004	TN17B;					
24	224D4020965	NGUYỄN LÊ ĐẠT	ANH	21/11/2004	TN17B;					
25	224D4020973	TRẦN LÊ TUẤN	ANH	16/10/2004	TN17B;					
26	224D4020974	TRẦN NGUYỄN LAN	ANH	17/11/2004	TN17B;					
27	224D4020976	TRỊNH NGUYỄN HẢI	ANH	23/09/2004	TN17B;					
28	224D4020979	VŨ PHƯƠNG	ANH	14/10/2004	TN17B;					
29	224D4020982	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	12/09/2004	TN17B;					
30	224D4020989	NGUYỄN THỊ LINH	CHI	22/09/2004	TN17B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4020990	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	13/12/2004	TN17B;					
32	224D4021004	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	21/01/2004	TN17B;					
33	224D4021000	BÙI TUẤN	ĐẠT	02/09/2004	TN17B;					
34	224D4021007	TRẦN MINH	ĐỨC	12/01/2004	TN17B;					
35	224D4020992	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	19/08/2004	TN17B;					
36	224D4020996	LÊ THỊ THÙY	DƯƠNG	19/01/2004	TN17B;					
37	224D4020997	NGUYỄN KHÁNH	DƯƠNG	03/12/2004	TN17B;					
38	224D4020998	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	03/04/2004	TN17B;					
39	224D4020994	HOÀNG NHẬT	DUY	05/10/2004	TN17B;					
40	224D4021016	TRẦN THỊ HƯƠNG	GIANG	18/09/2004	TN17B;					
41	224D4021020	PHẠM THỊ THU	HÀ	26/06/2004	TN17B;					
42	224D4021023	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	16/03/2004	TN17B;					
43	224D4021024	PHẠM MỸ	HẠNH	22/10/2004	TN17B;					
44	224D4021033	MẪN THỊ	HOA	16/10/2003	TN17B;					
45	224D4021036	LÊ	HOÀNG	07/08/2004	TN17B;					
46	224D4021040	NGUYỄN THỊ	HUẾ	06/02/2004	TN17B;					
47	224D4021047	LÊ QUỐC	HƯNG	27/07/2004	TN17B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4041587	PHẠM THỊ THÙY	DUYÊN	19/11/2004	QN15B;					
2	224D4041603	HOÀNG HƯƠNG	GIANG	29/02/2004	QN15B;					
3	224D4041607	TRẦN THỊ HƯƠNG	GIANG	06/08/2004	QN15B;					
4	224D4041615	PHẠM THỊ	HẠ	27/04/2004	QN15B;					
5	224D4041623	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	23/06/2004	QN15B;					
6	224D4041619	TRẦN BÙI UYÊN	HẠNH	12/12/2004	QN15B;					
7	224D4041625	DƯƠNG THỊ THU	HIỀN	04/12/2004	QN15B;					
8	224D4041627	NGUYỄN THỊ	HIỀN	01/08/2004	QN15B;					
9	224D4041633	TRẦN THỊ THANH	HOA	14/10/2004	QN15B;					
10	224D4041638	VŨ THANH	HOÀI	04/03/2004	QN15B;					
11	224D4041640	NGUYỄN THỊ	HỒNG	07/06/2004	QN15B;					
12	224D4041642	LÊ THỊ	HUẾ	24/04/2004	QN15B;					
13	224D4041644	PHẠM HOÀNG	HÙNG	15/01/2004	QN15B;					
14	224D4041658	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	03/03/2004	QN15B;					
15	224D4041659	NGUYỄN THỊ THU	HƯỜNG	04/07/2004	QN15B;					
16	224D4041661	THANG THỊ THÚY	HƯỜNG	20/09/2004	QN15B;					
17	224D4041645	BÙI GIÁP	HUY	15/03/2004	QN15B;					
18	224D4041647	NGUYỄN TIẾN	HUY	25/02/2004	QN15B;					
19	224D4041653	PHẠM THỊ NGỌC	HUYỀN	22/01/2004	QN15B;					
20	224D4041673	ĐINH THỊ THÙY	LINH	31/08/2004	QN15B;					
21	224D4041674	LÊ KHÁNH	LINH	16/07/2004	QN15B;					
22	224D4041676	LÝ KHÁNH	LINH	19/05/2004	QN15B;					
23	224D4041678	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	01/08/2004	QN15B;					
24	224D4041687	TRẦN THÙY	LINH	21/06/2004	QN15B;					
25	224D4041699	LƯƠNG THỊ	MAI	26/05/2004	QN15B;					
26	224D4041703	BÙI HOÀNG	MINH	29/04/2004	QN15B;					
27	224D4041707	HOÀNG NGỌC	MY	28/02/2004	QN15B;					
28	224D4041711	TRẦN THẢO	MY	25/10/2004	QN15B;					
29	224D4041710	TRẦN THỊ ÁNH	MY	07/07/2004	QN15B;					
30	224D4041721	NGUYỄN MINH	NGỌC	10/08/2004	QN15B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4041730	DƯƠNG ÁNH	NGUYỆT	12/03/2004	QN15B;					
32	224D4041732	NGUYỄN NHƯ	NGUYỆT	16/07/2004	QN15B;					
33	224D4041735	LƯU YẾN	NHI	13/10/2004	QN15B;					
34	224D4041736	NGÔ THỊ YẾN	NHI	07/10/2004	QN15B;					
35	224D4041745	VŨ THỊ THU	NHUNG	15/10/2004	QN15B;					
36	224D4041746	BÙI KIM	OANH	22/02/2004	QN15B;					
37	224D4041748	NGÔ THỊ KIỀU	OANH	15/08/2004	QN15B;					
38	224D4041749	HOÀNG TIẾN	PHÒNG	16/11/2004	QN15B;					
39	224D4041752	PHẠM ĐỨC	PHÚC	19/06/2004	QN15B;					
40	224D4041754	CÙ THỊ MINH	PHƯƠNG	05/08/2004	QN15B;					
41	224D4041757	NGUYỄN THỊ HÀ	PHƯƠNG	07/11/2004	QN15B;					
42	224D4041759	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	09/02/2004	QN15B;					
43	224D4041770	NGUYỄN LỆ	QUYÊN	14/02/2004	QN15B;					
44	224D4041776	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	28/03/2004	QN15B;					
45	224D4041779	TRẦN THỊ THÚY	QUỲNH	18/01/2004	QN15B;					
46	224D4041781	TRẦN THỊ	SINH	22/12/2004	QN15B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D8012212	HOÀNG XUÂN	THÀNH	03/12/2004	LW14A;					
2	224D8012215	ĐINH THỊ	THẢO	15/01/2004	LW14A;					
3	224D8012218	NGUYỄN THANH	THẢO	13/01/2004	LW14A;					
4	224D8012220	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	21/03/2004	LW14A;					
5	224D8012224	BÙI ĐỨC	THUẬN	10/09/2002	LW14A;					
6	224D8012229	TRẦN ĐÌNH	TIẾN	02/06/2003	LW14A;					
7	224D8012230	TRƯƠNG SỸ	TIẾN	01/10/2004	LW14A;					
8	224D8012231	BẾ THU	TRANG	12/09/2004	LW14A;					
9	224D8012238	TRIỆU ĐÌNH	TÚ	27/12/2004	LW14A;					
10	224D8012241	TRẦN THỊ HẢI	VÂN	06/01/2004	LW14A;					
11	224D8012242	NGUYỄN ĐỨC	VIỆT	30/01/2004	LW14A;					
12	224D8012244	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	29/04/2004	LW14A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4081867	CHU NGỌC	ANH	10/08/2004	QH9A;					
2	224D4081870	ĐINH THỊ HẢI	ANH	27/02/2004	QH9A;					
3	224D4081868	ĐỖ THỊ DIỆP	ANH	24/08/2004	QH9A;					
4	224D4081871	LÊ DUY	ANH	27/09/2004	QH9A;					
5	224D4081873	NGUYỄN CÔNG NAM	ANH	06/11/2004	QH9A;					
6	224D4081875	NGUYỄN HOÀNG	ANH	28/06/2004	QH9A;					
7	224D4081878	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	07/06/2004	QH9A;					
8	224D4081880	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	14/10/2004	QH9A;					
9	224D4081884	PHẠM BÙI TUẤN	ANH	21/01/2004	QH9A;					
10	224D4081885	PHẠM DUY	ANH	13/06/2004	QH9A;					
11	224D4081886	PHẠM MỸ	ANH	22/10/2004	QH9A;					
12	224D4081883	PHAN TRANG	ANH	28/11/2004	QH9A;					
13	224D4081889	TRẦN MINH	ANH	16/12/2004	QH9A;					
14	224D4081893	NGÔ THỊ	ÁNH	07/03/2004	QH9A;					
15	224D4081895	LÊ VĂN	BÌNH	19/07/2004	QH9A;					
16	224D4081896	ĐỖ THỊ THẢO	CHANH	28/09/2004	QH9A;					
17	224D4081897	LÊ BẢO	CHÂU	16/05/2004	QH9A;					
18	224D4081898	ĐẶNG TIẾN	CHI	31/03/2004	QH9A;					
19	224D4081902	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	09/05/2004	QH9A;					
20	224D4081907	LẠI MINH	ĐỨC	04/09/2004	QH9A;					
21	224D4081915	PHẠM HOÀNG	HẢI	06/08/2004	QH9A;					
22	224D4081916	LÝ THỊ	HẠNH	09/10/2004	QH9A;					
23	224D4081917	NGUYỄN HỒNG	HẠNH	20/08/2004	QH9A;					
24	224D4081919	PHẠM THỊ HỒNG	HẠNH	29/12/2004	QH9A;					
25	224D4081926	ĐẶNG NGỌC	HIẾU	03/09/2004	QH9A;					
26	224D4081929	TRỊNH PHƯƠNG	HOA	20/08/2004	QH9A;					
27	224D4081933	LÊ SỸ VIỆT	HOÀNG	09/08/2004	QH9A;					
28	224D4081935	TRƯƠNG ĐỨC	HOÀNG	02/11/2004	QH9A;					
29	224D4081938	NGUYỄN QUANG	HUY	21/11/2004	QH9A;					
30	224D4081941	CHỬ THANH	HUYỀN	01/11/2004	QH9A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4081942	HOÀNG MINH	HUYỀN	28/09/2004	QH9A;					
32	224D4081943	KIỀU THỊ	HUYỀN	03/11/2004	QH9A;					
33	224D4081944	LÊ NGỌC	HUYỀN	11/06/2004	QH9A;					
34	224D4081945	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	16/05/2004	QH9A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **5 - 5** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D1062926	ĐÀM THỊ VÂN	ANH	29/12/2004	VNH1A;					
2	224D1062921	ĐỖ PHƯƠNG	ANH	14/09/2004	VNH1A;					
3	22DH1063002	HÀ QUỲNH	ANH	31/10/2004	VNH1A;					
4	224D1062923	LÊ PHƯƠNG	ANH	07/07/2004	VNH1A;					
5	224D1062924	NGUYỄN CHÂU	ANH	03/05/2004	VNH1A;					
6	224D1062919	NGUYỄN LINH	ANH	15/12/2004	VNH1A;					
7	224D1062920	NGUYỄN MINH	ANH	27/02/2003	VNH1A;					
8	224D1062927	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	07/09/2004	VNH1A;					
9	224D1062922	NGUYỄN THỊ HÀ	ANH	19/12/2004	VNH1A;					
10	224D1062917	NGUYỄN THỊ HOÀNG	ANH	30/07/2004	VNH1A;					
11	224D1062918	PHẠM DIỆP	ANH	05/09/2004	VNH1A;					
12	224D1062928	PHẠM NGỌC	ÁNH	24/10/2004	VNH1A;					
13	224D1062929	LÊ THỊ PHƯƠNG	BĂNG	26/06/2004	VNH1A;					
14	224D1062996	DƯƠNG GIA	BẢO	12/03/2004	VNH1A;					
15	224D1062930	ĐINH THỊ THANH	BÌNH	15/07/2004	VNH1A;					
16	224D1062931	LÊ THỊ LINH	CHI	04/10/2004	VNH1A;					
17	224D1062932	NGUYỄN TÚ	CHINH	30/09/2004	VNH1A;					
18	224D1062933	NGUYỄN DUY	CƯỜNG	13/11/2003	VNH1A;					
19	224D1062934	NGUYỄN THẾ	ĐẢNG	07/06/2004	VNH1A;					
20	224D1062935	ĐINH CÔNG	ĐOÀN	30/07/2003	VNH1A;					
21	224D1062936	NGUYỄN QUANG	ĐÔNG	02/08/2004	VNH1A;					
22	224D1062937	ĐỖ VIỆT	ĐỨC	13/02/2004	VNH1A;					
23	224D1062939	TẠ QUANG	DŨNG	19/06/2004	VNH1A;					
24	224D1062941	NGUYỄN VĂN	DƯƠNG	22/09/2004	VNH1A;					
25	224D1062942	TRẦN THỊ XUÂN	DUYÊN	26/02/2004	VNH1A;					
26	224D1062943	NGUYỄN THỊ NINH	GIANG	24/02/2004	VNH1A;					
27	224D1062944	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	16/06/2004	VNH1A;					
28	224D1062945	VÌ NGÂN	HẰNG	05/06/2004	VNH1A;					
29	22DH1063008	PHẠM THỊ HỒNG	HẠNH	16/10/2004	VNH1A;					
30	224D1062947	HOÀNG ANH	HIẾU	01/03/2004	VNH1A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **5 - 5** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D1062948	MAI PHƯƠNG	HOA	08/08/2004	VNH1A;					
32	22DH1063006	NGUYỄN THANH	HOA	25/01/2004	VNH1A;					
33	224D1062949	VÕ HUY	HOÀNG	01/07/2004	VNH1A;					
34	224D1062950	LÊ THỊ	HỒNG	19/05/2004	VNH1A;					
35	224D1062952	LÊ THỊ	HƯỜNG	03/04/2004	VNH1A;					
36	224D1062953	PHẠM TRƯỜNG	HUY	20/06/2004	VNH1A;					
37	224D1062954	PHẠM THU	HUYỀN	08/11/2004	VNH1A;					
38	224D1062955	ĐẶNG THỊ HẢI	LÂM	30/08/2004	VNH1A;					
39	224D1062956	CHU MAI	LAN	06/02/2003	VNH1A;					
40	224D1062957	NGUYỄN BẢO YẾN	LINH	18/06/2004	VNH1A;					
41	224D1062959	NGUYỄN HÀ	LINH	13/03/2004	VNH1A;					
42	224D1062958	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	21/05/2004	VNH1A;					
43	224D1062960	PHẠM GIA	LINH	22/08/2004	VNH1A;					
44	224D1062961	NGÔ THỊ	LOAN	18/10/2004	VNH1A;					
45	224D1062962	ĐẶNG HẢI	LONG	08/12/2004	VNH1A;					
46	224D1062963	TRẦN HẢI	LONG	22/03/2004	VNH1A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4010592	NGUYỄN PHƯƠNG	HÀ	16/08/2004	QT30B;					
2	224D4010603	HOÀNG NGỌC	HÂN	08/12/2004	QT30B;					
3	224D4010614	TRẦN MINH	HIẾU	08/03/2004	QT30B;					
4	224D4010615	TRẦN NGUYỄN NAM	HIẾU	28/02/2004	QT30B;					
5	224D4010618	PHẠM QUỲNH	HOA	22/10/2004	QT30B;					
6	224D4010619	VI THỊ XUÂN	HÒA	14/07/2004	QT30B;					
7	224D4010624	LÊ MINH	HOÀNG	26/02/2004	QT30B;					
8	224D4010631	ĐỒNG THẾ	HÙNG	05/10/2004	QT30B;					
9	224D4010630	DƯƠNG MẠNH	HÙNG	21/08/2003	QT30B;					
10	224D4010657	PHÙNG NGUYỄN MAI	HƯƠNG	14/10/2004	QT30B;					
11	224D4010660	VŨ THỊ THU	HƯƠNG	10/01/2004	QT30B;					
12	224D4010638	TRẦN ĐỨC	HUY	09/02/2004	QT30B;					
13	224D4010642	ĐỖ THỊ THU	HUYỀN	12/06/2003	QT30B;					
14	224D4010640	DƯƠNG THU	HUYỀN	04/02/2004	QT30B;					
15	224D4010663	HOÀNG GIA	KHÁNH	04/02/2004	QT30B;					
16	224D4010664	NGUYỄN NAM	KHÁNH	21/11/2004	QT30B;					
17	224D4010671	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	06/10/2004	QT30B;					
18	224D4010675	NGUYỄN NGỌC	LAN	06/08/2004	QT30B;					
19	224D4010686	HOÀNG THỊ THẢO	LINH	08/06/2004	QT30B;					
20	224D4010693	NGUYỄN KHÁNH	LINH	12/01/2004	QT30B;					
21	224D4010694	NGUYỄN THỊ HỒNG	LINH	04/06/2004	QT30B;					
22	224D4010698	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	13/09/2004	QT30B;					
23	224D4010710	TRẦN NGỌC	LINH	22/10/2004	QT30B;					
24	224D4010706	TRIỆU KHÁNH	LINH	20/11/2004	QT30B;					
25	224D4010724	NGUYỄN TÙNG	MAI	08/10/2004	QT30B;					
26	224D4010733	HOÀNG NHẬT	MINH	28/11/2004	QT30B;					
27	224D4010734	LÊ HOÀNG	MINH	06/05/2004	QT30B;					
28	224D4010745	NGUYỄN THỊ HỌA	MY	27/09/2004	QT30B;					
29	224D4010746	NGUYỄN TRÀ	MY	07/08/2004	QT30B;					
30	224D4010753	HÀ VŨ THÚY	NGA	09/11/2004	QT30B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4010768	LÊ THANH	NGỌC	02/12/2004	QT30B;					
32	224D4010779	VŨ THỊ MINH	NGUYỆT	15/05/2004	QT30B;					
33	224D4010783	NGUYỄN THỊ LINH	NHI	16/12/2004	QT30B;					
34	224D4010812	NGUYỄN THỊ HÀ	PHƯƠNG	10/01/2004	QT30B;					
35	224D4010822	NGUYỄN ĐỨC	QUANG	05/12/2004	QT30B;					
36	224D4010835	HỒ THỊ NHƯ	QUỲNH	31/07/2004	QT30B;					
37	224D4010850	ĐINH THỊ THU	THẢO	04/03/2004	QT30B;					
38	224D4010849	ĐỖ THANH	THẢO	06/10/2004	QT30B;					
39	224D4010848	ĐỖ THỊ HƯƠNG	THẢO	25/11/2004	QT30B;					
40	224D4010855	NGÔ THU	THẢO	28/05/2004	QT30B;					
41	224D4010860	NGUYỄN THANH	THẢO	21/09/2004	QT30B;					
42	224D4010862	TRẦN THỊ MINH	THẢO	02/03/2004	QT30B;					
43	224D4010867	NGUYỄN TRỌNG	THÔNG	12/05/2004	QT30B;					
44	224D4010869	DOÃN THỊ	THU	24/07/2004	QT30B;					
45	224D4010870	NGUYỄN TIẾN	THUẬN	04/09/2004	QT30B;					
46	224D4010880	NGUYỄN DIỆU	THÚY	07/08/2004	QT30B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4010756	NGUYỄN TRIỆU	NGA	10/09/2003	QT30A;					
2	224D4010757	PHAN THU	NGA	20/07/2003	QT30A;					
3	224D4010763	VŨ THU	NGÂN	25/09/2004	QT30A;					
4	224D4010770	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGỌC	01/12/2004	QT30A;					
5	224D4010782	NGUYỄN NGỌC	NHI	11/10/2004	QT30A;					
6	224D4010789	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	13/12/2004	QT30A;					
7	224D4010791	PHẠM THỊ THÚY	NHUNG	20/11/2004	QT30A;					
8	224D4010802	NGÔ VĂN	PHI	22/03/2004	QT30A;					
9	224D4010813	NGUYỄN THỊ HÀ	PHƯƠNG	12/02/2004	QT30A;					
10	224D4010816	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	28/02/2004	QT30A;					
11	224D4010817	NGUYỄN TRẦN HÀ	PHƯƠNG	13/10/2004	QT30A;					
12	224D4010818	PHẠM THU	PHƯƠNG	03/03/2004	QT30A;					
13	224D4010833	PHAN VĂN	QUYẾT	21/11/2003	QT30A;					
14	224D4010837	TRẦN THỊ THUÝ	QUỲNH	25/07/2004	QT30A;					
15	224D4010843	NGUYỄN THANH	TÂM	30/04/2004	QT30A;					
16	224D4010856	NGUYỄN HƯƠNG	THẢO	02/04/2004	QT30A;					
17	224D4010863	TRẦN THỊ	THẢO	04/04/2004	QT30A;					
18	224D4010884	NGÔ THỊ DIỆU	THƯƠNG	22/02/2004	QT30A;					
19	224D4010890	TẨN MẨY	TÌNH	27/07/2004	QT30A;					
20	224D4010895	ĐẶNG THÙY	TRANG	07/07/2004	QT30A;					
21	224D4010899	NGUYỄN LÊ THÙY	TRANG	05/01/2004	QT30A;					
22	224D4010901	NGUYỄN THỊ HÀ	TRANG	05/12/2004	QT30A;					
23	224D4010915	BÙI QUANG	TUẤN	21/12/2004	QT30A;					
24	224D4010933	NGUYỄN MẠNH	VIỆT	01/12/2004	QT30A;					
25	224D4010941	DƯƠNG HẢI	YẾN	05/07/2004	QT30A;					
26	224D4010945	MAI THU	YẾN	20/12/2004	QT30A;					
27	224D4010474	NGUYỄN TRƯỜNG	AN	24/08/2004	QT30B;					
28	224D4010485	ĐÀO THỊ VÂN	ANH	19/02/2004	QT30B;					
29	224D4010498	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	02/11/2004	QT30B;					
30	224D4010511	TRẦN THỊ HỒNG	ANH	05/08/2004	QT30B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4010512	TRẦN VIỆT	ANH	28/01/2004	QT30B;					
32	224D4010513	TRỊNH HẢI	ANH	15/12/2004	QT30B;					
33	224D4010533	NGUYỄN Y	BÌNH	16/01/2004	QT30B;					
34	224D4010539	PHAN THỊ LINH	CHI	06/03/2004	QT30B;					
35	224D4010543	TỐNG THỊ	CÚC	14/06/2004	QT30B;					
36	224D4010573	NGUYỄN HOÀNG THẢO	ĐAN	20/03/2004	QT30B;					
37	224D4010575	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	19/11/2003	QT30B;					
38	224D4010574	NGUYỄN BÁ	ĐẠT	06/05/2004	QT30B;					
39	224D4010548	DƯƠNG NGÔ	DOANH	21/10/2004	QT30B;					
40	224D4010564	ĐINH THỊ PHƯƠNG	DUYÊN	30/04/2004	QT30B;					
41	224D4010584	NGUYỄN THỊ	GIANG	26/05/2004	QT30B;					
42	224D4010588	TRẦN HƯƠNG	GIANG	24/08/2004	QT30B;					
43	224D4010591	NGÔ THỊ NGỌC	HÀ	16/07/2004	QT30B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4010635	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	22/11/2004	QT30E;					
2	224D4010644	LÊ KHÁNH	HUYỀN	04/05/2004	QT30E;					
3	224D4010648	TRẦN THỊ NGỌC	HUYỀN	20/01/2004	QT30E;					
4	224D4010661	NGUYỄN THẾ	KHẢI	28/01/2004	QT30E;					
5	224D4010685	HOÀNG KHÁNH	LINH	11/05/2004	QT30E;					
6	224D4010699	NGUYỄN THẢO	LINH	17/06/2004	QT30E;					
7	224D4010697	NGUYỄN THỊ THẢO	LINH	06/06/2004	QT30E;					
8	224D4010702	ONG THỊ	LINH	05/03/2004	QT30E;					
9	224D4010703	PHAN HÀ	LINH	22/11/2004	QT30E;					
10	224D4010721	ĐẶNG PHƯƠNG	MAI	25/04/2004	QT30E;					
11	224D4010736	TẠ QUANG	MINH	14/07/2004	QT30E;					
12	224D4010750	TRẦN THIỆN	NAM	26/09/2004	QT30E;					
13	224D4010760	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	04/11/2004	QT30E;					
14	224D4010767	LÊ THỊ MINH	NGỌC	19/09/2004	QT30E;					
15	224D4010773	TRỊNH MINH	NGỌC	06/10/2004	QT30E;					
16	224D4010774	PHẠM THỊ	NGỌT	14/08/2004	QT30E;					
17	224D4010785	NGUYỄN THẠC UYÊN	NHI	17/08/2004	QT30E;					
18	224D4010787	VŨ YẾN	NHI	08/04/2004	QT30E;					
19	224D4010788	BÙI THỊ	NHUNG	09/08/2004	QT30E;					
20	224D4010795	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NINH	20/06/2004	QT30E;					
21	224D4010796	ĐẶNG THỊ	NỤ	22/04/2004	QT30E;					
22	224D4010798	HÀ PHƯƠNG	OANH	05/01/2004	QT30E;					
23	224D4010799	NGÔ THỊ HOÀNG	OANH	06/08/2004	QT30E;					
24	224D4010808	ĐINH HẢI	PHƯƠNG	22/02/2004	QT30E;					
25	224D4010810	NGÔ THỊ	PHƯƠNG	02/10/2004	QT30E;					
26	224D4010824	ĐINH ANH	QUÂN	07/12/2004	QT30E;					
27	224D4010826	NGUYỄN MINH	QUÂN	11/10/2004	QT30E;					
28	224D4010821	ĐẬU TRƯỜNG	QUANG	13/01/2004	QT30E;					
29	224D4010829	ĐỖ THỊ HÀ	QUYÊN	28/06/2004	QT30E;					
30	224D4010834	ĐỖ THỊ	QUỲNH	15/07/2004	QT30E;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4010838	VIÊM THỊ	QUỲNH	02/05/2004	QT30E;					
32	224D4010845	BÙI XUÂN	THANH	04/08/2003	QT30E;					
33	224D4010857	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	02/12/2004	QT30E;					
34	224D4010881	TRẦN ANH	THƯ	20/09/2004	QT30E;					
35	224D4010883	TRỊNH THỊ HIỀN	THƯ	10/10/2004	QT30E;					
36	224D4010874	HOÀNG THANH	THÙY	26/08/2004	QT30E;					
37	224D4010887	HOÀNG CAO	TIẾN	15/11/2003	QT30E;					
38	224D4010888	NGUYỄN HOÀNG	TIẾN	10/11/2004	QT30E;					
39	224D4010902	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	20/05/2004	QT30E;					
40	224D4010910	NGUYỄN MINH	TRÍ	26/10/2003	QT30E;					
41	224D4010912	LÊ VĂN	TÚ	13/06/2004	QT30E;					
42	224D4010921	NGUYỄN VĂN	TÙNG	18/05/2001	QT30E;					
43	224D4010923	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	30/06/2004	QT30E;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D6012593	BÙI THỊ	QUYÊN	29/01/2004	CT19B;					
2	224D6012597	CHU THỊ	QUỲNH	29/05/2004	CT19B;					
3	224D6012606	ĐOÀN NGÔ HIỀN	TÂM	15/07/2004	CT19B;					
4	224D6012620	HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	25/01/2004	CT19B;					
5	224D6012629	NGUYỄN THỊ	THẢO	07/01/2004	CT19B;					
6	224D6012632	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	21/09/2004	CT19B;					
7	224D6012649	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	08/02/2004	CT19B;					
8	224D6012652	TRIỆU VY	TRÀ	11/05/2004	CT19B;					
9	224D6012662	NGUYỄN THU	TRANG	15/11/2004	CT19B;					
10	224D6012665	QUẾ THỊ HUYỀN	TRANG	09/11/2004	CT19B;					
11	224D6012666	TRIỆU THU	TRANG	12/01/2004	CT19B;					
12	224D6012670	ĐỖ PHÚ	TRỌNG	02/10/2004	CT19B;					
13	224D6012671	NGHIÊM VĂN	TRỌNG	19/12/2003	CT19B;					
14	224D6012674	PHẠM THÀNH	TRUNG	11/07/2004	CT19B;					
15	224D6012682	BÙI THANH	TÙNG	16/10/2004	CT19B;					
16	224D6012683	HOÀNG KIM	TÙNG	22/04/2004	CT19B;					
17	224D6012684	NGUYỄN NGỌC	TÙNG	15/08/2004	CT19B;					
18	224D6012705	PHÙNG NGỌC YẾN	VY	07/11/2004	CT19B;					
19	224D6012706	ĐỖ MAI	YÊN	01/10/2004	CT19B;					
20	224D6012709	TRẦN HẢI	YẾN	04/08/2004	CT19B;					
21	224D6012251	BÙI KIỀU	ANH	03/07/2004	CT19C;					
22	224D6012257	LÊ NGUYỄN QUỲNH	ANH	01/02/2004	CT19C;					
23	224D6012265	NGUYỄN MINH	ANH	09/02/2004	CT19C;					
24	224D6012268	NGUYỄN NHƯ HÀ	ANH	23/05/2004	CT19C;					
25	224D6012271	NGUYỄN QUANG	ANH	15/12/2004	CT19C;					
26	224D6012272	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	30/04/2004	CT19C;					
27	224D6012277	PHẠM DIỆP	ANH	17/02/2004	CT19C;					
28	224D6012279	PHẠM KIM	ANH	29/10/2004	CT19C;					
29	224D6012280	TÔ PHƯƠNG	ANH	09/06/2004	CT19C;					
30	224D6012286	VŨ HOÀNG	ANH	28/07/2004	CT19C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D6012288	VŨ QUỲNH	ANH	30/07/2004	CT19C;					
32	224D6012292	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	27/09/2004	CT19C;					
33	224D6012299	NGUYỄN HOÀNG CHI	BẢO	26/10/2004	CT19C;					
34	224D6012304	TRẦN HOÀNG BẢO	CHÂU	03/02/2004	CT19C;					
35	224D6012308	LÂM KHÁNH	CHI	10/10/2004	CT19C;					
36	224D6012312	LƯU HÀ	CHI	22/12/2004	CT19C;					
37	224D6012317	ĐỖ MẠNH	CƯỜNG	02/03/2001	CT19C;					
38	224D6012347	PHẠM TÂM	ĐAN	02/02/2004	CT19C;					
39	224D6012348	TRƯƠNG HOÀNG LINH	ĐAN	23/11/2004	CT19C;					
40	224D6012351	LỤC HOÀNG	ĐẠT	20/08/2004	CT19C;					
41	224D6012356	ĐÀO MINH	ĐỨC	15/08/2004	CT19C;					
42	224D6012358	TÔ NHẬT	ĐỨC	24/10/2004	CT19C;					
43	224D6012336	LÊ ĐỖ HẢI	DƯƠNG	10/12/2004	CT19C;					
44	224D6012339	PHẠM XUÂN	DƯƠNG	28/07/2003	CT19C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D5022763	NGUYỄN ANH	ĐỨC	29/10/2004	BH30B;					
2	224D5022764	TRẦN ANH	ĐỨC	20/09/2004	BH30B;					
3	224D5022740	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	14/01/2004	BH30B;					
4	224D5022743	NGUYỄN ANH	DUY	26/10/2004	BH30B;					
5	224D5022744	NGUYỄN VIẾT	DUY	13/04/2003	BH30B;					
6	224D5022745	TRẦN VĂN	DUY	16/01/2004	BH30B;					
7	224D5022746	LÊ THU	DUYÊN	22/12/2004	BH30B;					
8	224D5022766	NGUYỄN THỊ	GIANG	03/07/2004	BH30B;					
9	224D5022771	VŨ THỊ THU	HÀ	23/07/2004	BH30B;					
10	224D5022776	CAO VIỆT	HẰNG	07/02/2004	BH30B;					
11	224D5022777	PHẠM MINH	HẰNG	14/08/2004	BH30B;					
12	224D5022775	TRẦN MINH	HẢO	13/01/2004	BH30B;					
13	224D5022778	LÊ VĂN	HẬU	05/05/2004	BH30B;					
14	224D5022780	LÊ DUY	HIỂN	14/12/2004	BH30B;					
15	224D5022781	NGUYỄN QUANG	HIẾU	31/07/2004	BH30B;					
16	224D5022782	PHẠM NGUYỄN	HIẾU	29/10/2004	BH30B;					
17	224D5022783	THÂN MẠNH	HIẾU	13/08/2004	BH30B;					
18	224D5022786	NGUYỄN QUỐC	HOÀNG	27/12/2004	BH30B;					
19	224D5022798	NGUYỄN NGỌC	HƯNG	11/04/2004	BH30B;					
20	224D5022791	HOÀNG ĐĂNG	HUY	02/10/2004	BH30B;					
21	224D5022793	NGUYỄN PHƯƠNG	HUY	14/05/2004	BH30B;					
22	224D5022795	ĐÀO HẢI	HUYỀN	19/11/2004	BH30B;					
23	224D5022796	NGUYỄN LÊ NGỌC	HUYỀN	18/01/2004	BH30B;					
24	224D5022801	NGUYỄN DUY	KHẢI	17/01/2004	BH30B;					
25	224D5022802	MAI VĂN NAM	KHÁNH	22/11/2004	BH30B;					
26	224D5022818	LUYỆN THỊ	LÀN	05/06/2004	BH30B;					
27	224D5022823	HOÀNG TUẤN	LINH	01/12/2003	BH30B;					
28	224D5022828	TRẦN KHÁNH	LINH	26/04/2004	BH30B;					
29	224D5022830	NGUYỄN THÀNH	LONG	20/11/2004	BH30B;					
30	224D5022831	TÂN HOÀNG	LONG	04/01/2004	BH30B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D5022834	VŨ BÁ	LONG	15/11/2004	BH30B;					
32	224D5022841	PHẠM QUANG	MINH	31/03/2004	BH30B;					
33	224D5022842	TRẦN BÌNH	MINH	26/07/2004	BH30B;					
34	224D5022844	HOÀNG NHẬT	NAM	02/06/2004	BH30B;					
35	224D5022855	LÊ THANH	PHONG	15/04/2004	BH30B;					
36	224D5022856	DOÃN HOÀNG	PHÚC	20/11/2004	BH30B;					
37	224D5022857	DƯƠNG QUANG	PHÚC	22/07/2004	BH30B;					
38	224D5022860	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	28/02/2004	BH30B;					
39	224D5022861	PHẠM THANH	PHƯƠNG	09/05/2004	BH30B;					
40	224D5022863	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	28/04/2004	BH30B;					
41	224D5022864	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	07/12/2004	BH30B;					
42	224D5022872	NGUYỄN BÁ	SƠN	12/06/2004	BH30B;					
43	224D5022881	NGUYỄN VIẾT	THỊNH	06/09/2004	BH30B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **5 - 5** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4031364	NGUYỄN HƯƠNG	LAN	13/02/2004	KT17C;					
2	224D4031365	NGUYỄN THỊ MAI	LAN	05/05/2004	KT17C;					
3	224D4031366	NGUYỄN THỊ THANH	LAN	31/08/2004	KT17C;					
4	224D4031376	ĐINH MỸ	LINH	02/11/2004	KT17C;					
5	224D4031373	ĐỖ HÀ	LINH	05/12/2004	KT17C;					
6	224D4031371	DƯƠNG KHÁNH	LINH	13/06/2004	KT17C;					
7	224D4031380	NGUYỄN KHÁNH	LINH	16/11/2004	KT17C;					
8	224D4031383	NGUYỄN THÙY	LINH	21/02/2004	KT17C;					
9	224D4031386	TRẦN THỊ NGỌC	LINH	21/12/2004	KT17C;					
10	224D4031387	VŨ THỊ KHÁNH	LINH	07/02/2004	KT17C;					
11	224D4031388	VŨ THỊ MỸ	LINH	20/07/2004	KT17C;					
12	224D4031390	NGUYỄN THỊ HIỀN	LƯƠNG	06/10/2004	KT17C;					
13	224D4031403	LÊ NHẬT	MINH	19/09/2004	KT17C;					
14	224D4031407	NGUYỄN TRÀ	MY	06/02/2004	KT17C;					
15	224D4031409	NGÔ THỊ NGỌC	NGA	12/05/2004	KT17C;					
16	224D4031412	ĐINH KHÁNH	NGÂN	22/08/2004	KT17C;					
17	224D4031414	NGUYỄN THANH	NGÂN	17/01/2004	KT17C;					
18	224D4031417	CAO THỊ	NGỌC	03/11/2004	KT17C;					
19	224D4031428	TRẦN THỊ THANH	NHÀN	10/10/2004	KT17C;					
20	224D4031430	NGUYỄN THỊ	NHI	07/12/2004	KT17C;					
21	224D4031438	NGUYỄN THỊ	NHUNG	04/02/2003	KT17C;					
22	224D4031437	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	04/10/2004	KT17C;					
23	224D4031443	CAO THỊ KIỀU	OANH	09/02/2004	KT17C;					
24	224D4031447	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	01/06/2004	KT17C;					
25	224D4031449	BÙI ANH	PHƯƠNG	05/02/2003	KT17C;					
26	224D4031450	BÙI NGỌC	PHƯƠNG	24/01/2004	KT17C;					
27	224D4031454	NGÔ LAN	PHƯƠNG	29/07/2004	KT17C;					
28	224D4031463	VŨ HÀ	PHƯƠNG	07/04/2004	KT17C;					
29	224D4031466	VŨ VĂN	PHƯƠNG	21/06/2004	KT17C;					
30	224D4031472	DƯ HOÀNG	QUÂN	17/08/2004	KT17C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **5 - 5** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4031475	NGUYỄN ĐỨC	QUYỀN	07/12/2004	KT17C;					
32	224D4031477	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	16/03/2004	KT17C;					
33	224D4031481	LÃ THỊ MỸ	TÂM	08/11/2004	KT17C;					
34	224D4031482	CHÚC BÁ	THANH	06/11/2004	KT17C;					
35	224D4031484	HOÀNG THỊ THANH	THẢO	05/05/2004	KT17C;					
36	224D4031494	VŨ THỊ THU	THẢO	17/07/2004	KT17C;					
37	224D4031496	ĐỖ THỊ NGỌC	THOAN	18/06/2004	KT17C;					
38	224D4031499	ĐẶNG DIỆU	THÚY	25/12/2004	KT17C;					
39	224D4031500	NGUYỄN THỊ MINH	THÚY	08/09/2004	KT17C;					
40	224D4031498	PHẠM THỊ	THỦY	13/06/2004	KT17C;					
41	224D4031504	NGUYỄN LÊ THỦY	TIÊN	27/04/2004	KT17C;					
42	224D4031506	TRẦN THỊ	TRÀ	24/12/2004	KT17C;					
43	224D4031507	BÙI KIỀU	TRANG	03/01/2004	KT17C;					
44	224D4031512	HOÀNG THỊ THUỲ	TRANG	08/03/2004	KT17C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4041605	NGUYỄN THANH	GIANG	12/07/2004	QN15D;					
2	224D4041609	BÙI THU	HÀ	15/08/2004	QN15D;					
3	224D4041620	ĐINH THỊ THU	HẰNG	08/11/2004	QN15D;					
4	224D4041621	HUỲNH THU	HẰNG	25/12/2004	QN15D;					
5	224D4041631	NGUYỄN THỊ HỒNG	HOA	06/04/2003	QN15D;					
6	224D4041632	THIỀU THỊ	HOA	17/07/2004	QN15D;					
7	224D4041634	NGUYỄN THU	HÒA	18/01/2004	QN15D;					
8	224D4041655	TÔ PHÚC	HƯNG	10/06/2004	QN15D;					
9	224D4041656	HOÀNG THỊ	HƯƠNG	03/06/2004	QN15D;					
10	224D4041650	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	21/08/2004	QN15D;					
11	224D4041651	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	02/10/2004	QN15D;					
12	224D4041666	LÊ NGỌC	LAN	18/01/2004	QN15D;					
13	224D4041675	LỢI ANH	LINH	17/05/2004	QN15D;					
14	224D4041686	TRẦN PHƯƠNG	LINH	30/05/2004	QN15D;					
15	224D4041689	VŨ THÙY	LINH	20/12/2004	QN15D;					
16	224D4041694	NGUYỄN KHÁNH	LY	30/11/2004	QN15D;					
17	224D4041700	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	24/02/2004	QN15D;					
18	224D4041702	PHẠM SAO	MAI	06/10/2004	QN15D;					
19	224D4041704	NGUYỄN HUY	MINH	30/08/2004	QN15D;					
20	224D4041705	PHẠM THỊ XUÂN	MINH	07/06/2003	QN15D;					
21	224D4041708	NGUYỄN HÀ	MY	05/04/2004	QN15D;					
22	224D4041712	PHAN HẢI	NAM	23/06/2004	QN15D;					
23	224D4041715	LẠI THỊ KIM	NGÂN	18/08/2004	QN15D;					
24	224D4041717	TRẦN VŨ THU	NGÂN	17/10/2004	QN15D;					
25	224D4041718	TRẦN THÚY	NGẦN	05/01/2004	QN15D;					
26	224D4041720	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	07/09/2004	QN15D;					
27	224D4041723	NGUYỄN THỊ	NGỌC	17/12/2004	QN15D;					
28	224D4041722	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	20/03/2004	QN15D;					
29	224D4041725	PHẠM MINH	NGỌC	16/07/2004	QN15D;					
30	224D4041729	TRẦN ĐỨC	NGUYÊN	09/09/2004	QN15D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy3**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4041734	CHU NGỌC	NHI	27/09/2004	QN15D;					
32	224D4041738	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	10/08/2004	QN15D;					
33	224D4041740	PHẠM DƯƠNG YẾN	NHI	04/12/2004	QN15D;					
34	224D4041741	BÙI THỊ HỒNG	NHUNG	09/03/2003	QN15D;					
35	224D4041742	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	08/11/2004	QN15D;					
36	224D4041750	HOÀNG PHAN	PHÚC	07/07/2004	QN15D;					
37	224D4041751	NGUYỄN HOÀNG HỒNG	PHÚC	17/11/2004	QN15D;					
38	224D4041756	NGÔ THANH	PHƯƠNG	14/10/2004	QN15D;					
39	224D4041765	ĐẶNG MINH	QUANG	24/08/2004	QN15D;					
40	224D4041772	ĐẶNG XUÂN	QUỲNH	30/05/2004	QN15D;					
41	224D4041786	NGÔ THỊ THANH	TÂM	10/12/2004	QN15D;					
42	224D4041787	NGUYỄN KHÁNH	TÂM	12/11/2004	QN15D;					
43	224D4041790	NGUYỄN THANH	TÂM	16/02/2004	QN15D;					
44	224D4041789	NGUYỄN THỊ TUỆ	TÂM	16/01/2004	QN15D;					
45	224D4041791	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	THANH	25/11/2004	QN15D;					
46	224D4041794	VŨ CÔNG	THÀNH	02/08/2004	QN15D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4041762	LÊ THỊ	PHƯỢNG	10/10/2004	QN15C;					
2	224D4041764	ĐỖ VIỆT	QUANG	07/07/2004	QN15C;					
3	224D4041771	ĐỖ THỊ HƯƠNG	QUỲNH	13/10/2004	QN15C;					
4	224D4041777	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	08/04/2004	QN15C;					
5	224D4041775	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	27/11/2004	QN15C;					
6	224D4041778	PHẠM NHƯ	QUỲNH	11/04/2003	QN15C;					
7	224D4041782	NGUYỄN XUÂN	SƠN	24/10/2004	QN15C;					
8	224D4041788	NGUYỄN THỊ	TÂM	23/06/2004	QN15C;					
9	224D4041792	MÃ THỊ	THANH	12/04/2004	QN15C;					
10	224D4041793	NGUYỄN PHƯƠNG	THANH	16/12/2004	QN15C;					
11	224D4041797	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	12/12/2004	QN15C;					
12	224D4041807	TRẦN THỊ NGỌC	THU	15/01/2004	QN15C;					
13	224D4041819	TRẦN THỊ ANH	THƯ	02/08/2004	QN15C;					
14	224D4041812	NGUYỄN THỊ	THỦY	06/07/2004	QN15C;					
15	224D4041813	NGUYỄN THU	THỦY	27/03/2004	QN15C;					
16	224D4041814	PHẠM THỊ	THỦY	29/01/2003	QN15C;					
17	224D4041826	LÊ THỊ MAI	TRANG	28/08/2004	QN15C;					
18	224D4041835	PHẠM THỊ QUỲNH	TRANG	03/01/2004	QN15C;					
19	224D4041837	TRƯƠNG THỊ HUYỀN	TRANG	09/07/2003	QN15C;					
20	224D4041841	LƯU QUỐC	TRUNG	04/03/2004	QN15C;					
21	224D4041846	NGUYỄN ANH	TUẤN	12/07/2004	QN15C;					
22	224D4041850	TRẦN THỊ	TƯƠI	13/05/2003	QN15C;					
23	224D4041848	ĐẶNG THỊ	TUYẾT	08/03/2004	QN15C;					
24	224D4041849	VƯƠNG NGỌC ÁNH	TUYẾT	13/09/2004	QN15C;					
25	224D4041853	ĐẶNG THỊ	UYÊN	20/11/2004	QN15C;					
26	224D4041857	NGUYỄN THỊ	VÂN	16/01/2004	QN15C;					
27	224D4041859	VŨ TRẦN KHÁNH	VÂN	20/01/2004	QN15C;					
28	224D4041863	TRẦN NGỌC HUYỀN	VY	25/08/2004	QN15C;					
29	224D4041865	BÙI HẢI	YẾN	02/09/2004	QN15C;					
30	224D4041548	ĐẶNG CHÂU	ANH	04/03/2004	QN15D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4041545	DƯ PHƯƠNG	ANH	05/12/2004	QN15D;					
32	224D4041551	LÊ NGỌC	ANH	15/12/2004	QN15D;					
33	224D4041560	NGUYỄN THỊ QUẾ	ANH	10/03/2004	QN15D;					
34	224D4041561	NGUYỄN THÙY	ANH	09/04/2004	QN15D;					
35	224D4041567	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	29/08/2004	QN15D;					
36	224D4041568	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	18/08/2004	QN15D;					
37	224D4041573	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	18/10/2004	QN15D;					
38	224D4041575	NGUYỄN ĐỨC TRẦN	CẢNH	04/09/2004	QN15D;					
39	224D4041576	NGUYỄN THỊ THÙY	CHANG	18/01/2004	QN15D;					
40	224D4041581	ĐÀO PHƯƠNG	CHINH	28/11/2004	QN15D;					
41	224D4041593	VŨ ÁNH	DƯƠNG	01/04/2004	QN15D;					
42	224D4041601	ĐÀO THỊ	GIANG	22/05/2004	QN15D;					
43	224D4041602	ĐỒNG THỊ HƯƠNG	GIANG	11/01/2004	QN15D;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4021022	NGUYỄN HỒNG	HẠNH	28/12/2004	TN17A;					
2	224D4021028	NGUYỄN THỊ	HẬU	26/11/2004	TN17A;					
3	224D4021032	LÀNH TRUNG	HIẾU	01/10/2004	TN17A;					
4	224D4021034	TRƯƠNG NGỌC	HOA	18/10/2004	TN17A;					
5	224D4021035	CHU THỊ	HOÀN	29/05/2004	TN17A;					
6	224D4021037	LƯƠNG ĐÌNH KHÁNH	HOÀNG	29/11/2004	TN17A;					
7	224D4021038	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	31/08/2004	TN17A;					
8	224D4021050	CHU THỊ THU	HƯƠNG	22/01/2003	TN17A;					
9	224D4021051	ĐẶNG NINH	HƯƠNG	05/09/2004	TN17A;					
10	224D4021045	PHẠM THỊ	HUYỀN	30/04/2004	TN17A;					
11	224D4021058	ĐIÊU VIỆT	KHOA	12/07/2004	TN17A;					
12	224D4021061	TRẦN TRUNG	KIÊN	18/02/2004	TN17A;					
13	224D4021063	ĐỖ THỊ	LAN	14/11/2004	TN17A;					
14	224D4021065	PHẠM THỊ	LAN	12/08/2004	TN17A;					
15	224D4021066	NGUYỄN HỒNG	LỆ	26/12/2004	TN17A;					
16	224D4021067	BÙI KIM	LIÊN	14/02/2004	TN17A;					
17	224D4021069	ĐÀM QUANG	LINH	22/02/2004	TN17A;					
18	224D4021075	NGUYỄN DIỆU	LINH	07/09/2004	TN17A;					
19	224D4021079	NGUYỄN THỊ GIA	LINH	24/01/2004	TN17A;					
20	224D4021089	TẠ PHƯƠNG	LOAN	16/12/2004	TN17A;					
21	224D4021093	BÙI CẨM	LY	09/02/2004	TN17A;					
22	224D4021096	TRẦN THỊ KHÁNH	LY	23/09/2004	TN17A;					
23	224D4021098	BÙI NGỌC	MAI	11/05/2004	TN17A;					
24	224D4021100	ĐẶNG NHẬT	MAI	02/11/2004	TN17A;					
25	224D4021101	NGUYỄN NGỌC	MAI	30/10/2004	TN17A;					
26	224D4021103	PHAN DUY	MẠNH	26/07/2004	TN17A;					
27	224D4021107	TRẦN THỊ	MINH	21/05/2004	TN17A;					
28	224D4021108	DƯƠNG HIỀN	MY	21/07/2004	TN17A;					
29	224D4021115	DƯƠNG THỊ	NGA	27/06/2004	TN17A;					
30	224D4021116	NGUYỄN PHƯƠNG	NGA	11/09/2004	TN17A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4021122	NGUYỄN ĐĂNG	NGUYÊN	21/12/2004	TN17A;					
32	224D4021125	HOÀNG THỊ THU	NGUYỆT	24/09/2003	TN17A;					
33	224D4021127	ĐÀO TRẦN Ý	NHI	24/05/2004	TN17A;					
34	224D4021131	NGUYỄN YẾN	NHI	24/07/2003	TN17A;					
35	224D4021137	CAO THỊ KIM	OANH	31/03/2004	TN17A;					
36	224D4021140	TRỊNH THỊ	OANH	25/05/2004	TN17A;					
37	224D4021142	MAI CHÍ	PHONG	03/09/2004	TN17A;					
38	224D4021144	TRẦN NHẬT	PHÚC	04/12/2004	TN17A;					
39	224D4021146	LÊ MAI	PHƯƠNG	29/12/2003	TN17A;					
40	224D4021147	ĐỖ ANH	QUÂN	05/08/2004	TN17A;					
41	224D4021151	ĐỖ HƯƠNG	QUỲNH	01/05/2004	TN17A;					
42	224D4021153	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	14/06/2004	TN17A;					
43	224D4021156	LÊ THỊ MINH	TÂM	26/10/2004	TN17A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4041713	LÊ LINH	NGA	25/09/2004	QN15A;					
2	224D4041724	PHAN NGUYỄN BẢO	NGỌC	04/03/2004	QN15A;					
3	224D4041728	PHẠM THỦY	NGUYÊN	27/10/2004	QN15A;					
4	224D4041733	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	10/10/2004	QN15A;					
5	224D4041739	PHAN THẢO	NHI	28/09/2004	QN15A;					
6	224D4041743	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHUNG	28/11/2004	QN15A;					
7	224D4041744	PHẠM THỊ	NHUNG	27/08/2004	QN15A;					
8	224D4041747	HỒ THỊ	OANH	02/09/2004	QN15A;					
9	224D4041753	BÙI MAI	PHƯƠNG	19/09/2004	QN15A;					
10	224D4041755	LÊ LINH	PHƯƠNG	12/11/2004	QN15A;					
11	224D4041766	NGUYỄN ANH	QUÂN	05/02/2004	QN15A;					
12	224D4041769	LÊ THỊ THU	QUYÊN	12/03/2004	QN15A;					
13	224D4041773	LÊ THỊ XUÂN	QUỲNH	27/11/2004	QN15A;					
14	224D4041774	NGUYỄN LÂM	QUỲNH	10/08/2004	QN15A;					
15	224D4041783	PHẠM TIẾN	SƠN	30/12/2004	QN15A;					
16	224D4041802	PHẠM THỊ MINH	THẮM	20/08/2004	QN15A;					
17	224D4041795	HOÀNG THỊ	THẢO	26/08/2004	QN15A;					
18	224D4041799	NGUYỄN THANH	THẢO	21/07/2004	QN15A;					
19	224D4041800	TRẦN LÊ PHƯƠNG	THẢO	10/08/2004	QN15A;					
20	224D4041803	PHẠM QUANG	THIỆN	19/10/2004	QN15A;					
21	224D4041805	NGUYỄN THỊ	THƠM	12/06/2004	QN15A;					
22	224D4041818	TRẦN BẢO	THƯ	25/04/2004	QN15A;					
23	224D4041808	NỊNH THỊ THU	THUỶ	06/09/2003	QN15A;					
24	224D4041815	LÊ MINH	THÚY	10/09/2004	QN15A;					
25	224D4041822	DƯƠNG THÙY	TRANG	04/06/2004	QN15A;					
26	224D4041824	HÀ THÙY	TRANG	11/09/2004	QN15A;					
27	224D4041831	NGUYỄN THỊ	TRANG	15/08/2004	QN15A;					
28	224D4041847	NGUYỄN TÀI	TUỆ	21/09/2004	QN15A;					
29	224D4041860	NGUYỄN THỊ KHÁNH	VI	26/07/2004	QN15A;					
30	224D4041861	NGUYỄN THỊ KIM	VINH	06/12/2004	QN15A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4041864	LƯU THỊ DỊU	XUÂN	24/03/2004	QN15A;					
32	224D4041544	NGUYỄN CHÚC	AN	17/05/2004	QN15B;					
33	224D4041768	LÃ THỊ QUẾ	ANH	30/06/2004	QN15B;					
34	224D4041554	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	ANH	03/08/2004	QN15B;					
35	224D4041556	NGUYỄN MINH	ANH	18/06/2004	QN15B;					
36	224D4041562	PHAN NỮ MINH	ANH	09/07/2004	QN15B;					
37	224D4041564	TRẦN THỊ VÂN	ANH	11/07/2004	QN15B;					
38	224D4041570	VŨ THỊ	ÁNH	02/12/2004	QN15B;					
39	224D4041579	NGUYỄN THỊ LỆ	CHI	20/02/2004	QN15B;					
40	224D4041580	PHẠM THỊ MAI	CHI	14/08/2004	QN15B;					
41	224D4041583	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	27/03/2004	QN15B;					
42	224D4041598	NGUYỄN HỒNG	ĐỨC	27/04/2004	QN15B;					
43	224D4041588	ĐÀO THÙY	DƯƠNG	21/12/2004	QN15B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D8012131	NGUYỄN THU	HOÀI	09/11/2004	LW14A;					
2	224D8012132	LÊ HẢI	HOÀN	07/12/2004	LW14A;					
3	224D8012137	TẠ ÁNH	HỒNG	14/10/2004	LW14A;					
4	224D8012138	NGUYỄN THỊ	HUÊ	29/09/2004	LW14A;					
5	224D8012148	NGUYỄN THÀNH	HƯNG	19/03/2004	LW14A;					
6	224D8012149	CHU LAN	HƯƠNG	12/11/2004	LW14A;					
7	224D8012150	DƯƠNG THỊ	HƯỜNG	29/06/2004	LW14A;					
8	224D8012141	ĐẶNG QUỐC	HUY	18/07/2003	LW14A;					
9	224D8012143	PHÙNG THỊ THU	HUYỀN	29/10/2004	LW14A;					
10	224D8012153	LÊ TRUNG	KIÊN	15/06/2004	LW14A;					
11	224D8012155	LÊ PHƯƠNG	LINH	09/11/2004	LW14A;					
12	224D8012157	LÊ YẾN	LINH	14/09/2004	LW14A;					
13	224D8012158	NGUYỄN THÙY	LINH	01/06/2004	LW14A;					
14	224D8012160	TRẦN THỊ	LINH	13/06/2004	LW14A;					
15	224D8012161	NÔNG THỊ KIM	LOAN	12/05/2004	LW14A;					
16	224D8012163	PHÚN ĐẶNG CHÂU	LƯƠNG	19/10/2004	LW14A;					
17	224D8012164	BÙI THỊ THẢO	LY	19/09/2004	LW14A;					
18	224D8012166	NGUYỄN THỊ NGỌC	LÝ	27/09/2004	LW14A;					
19	224D8012169	PHẠM QUỲNH	MAI	16/08/2004	LW14A;					
20	224D8012170	VŨ QUỲNH	MAI	08/08/2004	LW14A;					
21	224D8012171	HOÀNG CÔNG	MẠNH	10/02/2003	LW14A;					
22	224D8012173	ĐOÀN TUỆ	MINH	23/10/2004	LW14A;					
23	224D8012176	TRẦN ĐÌNH	MINH	19/12/2004	LW14A;					
24	224D8012177	PHẠM HÀ	MY	05/05/2004	LW14A;					
25	224D8012178	BÙI VĂN	NAM	26/04/2004	LW14A;					
26	224D8012179	NGUYỄN NGỌC	NGÀ	02/06/2004	LW14A;					
27	224D8012180	VŨ THỊ NGỌC	NGÀ	29/12/2004	LW14A;					
28	224D8012181	HÀ THỊ	NGÂN	26/07/2004	LW14A;					
29	224D8012184	TRẦN THỊ	NGÂN	12/02/2004	LW14A;					
30	224D8012185	BÙI ĐỨC	NGHĨA	25/01/2004	LW14A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D8012186	BÙI VĂN	NGHĨA	19/07/2004	LW14A;					
32	224D8012187	NGÔ THỊ HỒNG	NGỌC	17/10/2004	LW14A;					
33	224D8012188	NGUYỄN THỊ	NGỌC	11/02/2004	LW14A;					
34	224D8012197	HOÀNG DƯƠNG MAI	PHƯƠNG	14/07/2004	LW14A;					
35	224D8012200	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	10/09/2004	LW14A;					
36	224D8012201	NGUYỄN PHÚC	QUẢNG	08/05/2004	LW14A;					
37	224D8012204	ĐỖ KHẮC	QUÝ	10/11/2003	LW14A;					
38	224D8012205	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	27/04/2004	LW14A;					
39	224D8012206	TEO THỊ	QUỲNH	27/06/2003	LW14A;					
40	224D8012207	TRẦN HƯƠNG	QUỲNH	10/10/2004	LW14A;					
41	224D8012208	HOÀNG MINH	TÂM	11/08/2004	LW14A;					
42	224D8012209	PHẠM ĐẶNG MINH	TÂM	31/10/2004	LW14A;					
43	224D8012210	TRẦN HOÀNG MỸ	TÂM	29/11/2003	LW14A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **5 - 5** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D8012162	NÔNG MỘNG	LUÂN	23/07/2004	LW14B;					
2	224D8012167	LÊ THY	MAI	22/08/2004	LW14B;					
3	224D8012168	NGUYỄN NGỌC	MAI	02/10/2004	LW14B;					
4	224D8012172	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	06/08/2004	LW14B;					
5	224D8012175	NGUYỄN ĐỨC	MINH	24/11/2004	LW14B;					
6	224D8012182	LƯƠNG TRẦN MINH	NGÂN	21/05/2004	LW14B;					
7	224D8012183	NGHIÊM THU	NGÂN	15/10/2004	LW14B;					
8	224D8012190	PHẠM YẾN	NHI	25/08/2004	LW14B;					
9	224D8012191	GIÀNG THỊ	NINH	26/12/2003	LW14B;					
10	224D8012193	BÙI THỊ KIM	OANH	05/10/2004	LW14B;					
11	224D8012194	HOÀNG MỸ	OANH	19/09/2004	LW14B;					
12	224D8012196	VŨ HOÀNG	PHI	24/11/2004	LW14B;					
13	224D8012198	HOÀNG THU	PHƯƠNG	04/10/2004	LW14B;					
14	224D8012199	LÊ QUỲNH	PHƯƠNG	29/06/2004	LW14B;					
15	224D8012203	TRƯƠNG VĂN	QUÂN	08/03/2004	LW14B;					
16	224D8012222	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	17/08/2004	LW14B;					
17	224D8012213	NGUYỄN NHƯ	THÀNH	31/08/2004	LW14B;					
18	224D8012214	NGUYỄN VŨ	THÀNH	15/11/2004	LW14B;					
19	224D8012216	HOÀNG MINH	THẢO	05/02/2004	LW14B;					
20	224D8012219	NGUYỄN THU	THẢO	06/06/2004	LW14B;					
21	224D8012223	NGUYỄN THỊ	THỊNH	03/12/2004	LW14B;					
22	224D8012225	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	10/11/2004	LW14B;					
23	224D8012226	TRẦN HỮU	THƯ	16/03/2002	LW14B;					
24	224D8012227	PHẠM THỊ NGUYỆT	THƯƠNG	19/01/2004	LW14B;					
25	224D8012228	ĐÀM THỊ THỦY	TIÊN	25/03/2004	LW14B;					
26	224D8012232	LÊ MINH	TRANG	25/04/2004	LW14B;					
27	224D8012233	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	18/05/2004	LW14B;					
28	224D8012234	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	26/07/2004	LW14B;					
29	224D8012235	NGUYỄN HẢI	TRIỀU	29/11/2004	LW14B;					
30	224D8012237	PHAN XUÂN	TRƯỜNG	09/10/2004	LW14B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **5 - 5** Ngày thi: **12/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy2**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D8012239	LÊ TRỌNG	TUẤN	27/09/2004	LW14B;					
32	224D8012240	NGUYỄN ĐÌNH	TUYÊN	30/06/2004	LW14B;					
33	224D8012243	ĐỖ THÀNH	VINH	28/08/2004	LW14B;					
34	224D8012245	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	26/10/2004	LW14B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **5 - 5** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D8012066	HÀ THỤC	ANH	18/04/2004	LW14B;					
2	224D8012067	HOÀNG ĐỨC	ANH	08/07/2004	LW14B;					
3	224D8012069	LIỄU HOÀNG	ANH	22/09/2004	LW14B;					
4	224D8012071	PHẠM QUỲNH	ANH	03/10/2004	LW14B;					
5	224D8012072	THÂN THỊ HẢI	ANH	29/10/2004	LW14B;					
6	224D8012073	TRẦN QUỲNH	ANH	05/07/2004	LW14B;					
7	224D8012077	VŨ TUẤN	ANH	04/03/2003	LW14B;					
8	224D8012078	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	20/12/2004	LW14B;					
9	224D8012079	NGUYỄN THỊ	ÁNH	29/09/2004	LW14B;					
10	224D8012080	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	02/02/2004	LW14B;					
11	224D8012082	HOÀNG GIA	BÌNH	21/06/2004	LW14B;					
12	224D8012083	PHAN THANH	BÌNH	12/09/2004	LW14B;					
13	224D8012084	ĐỖ NGỌC	CHÂU	13/08/2004	LW14B;					
14	224D8012086	ĐỒNG THÙY	CHI	01/10/2004	LW14B;					
15	224D8012088	VŨ THÀNH	CÔNG	29/07/2004	LW14B;					
16	224D8012090	PHẠM THỊ HỒNG	DIỆP	15/05/2004	LW14B;					
17	224D8012106	LÊ THỊ	ĐIỆP	05/04/2004	LW14B;					
18	224D8012109	BÙI MINH	ĐỨC	14/06/2004	LW14B;					
19	224D8012093	VŨ THỊ	DUNG	26/11/2004	LW14B;					
20	224D8012096	BÙI THỊ	DƯƠNG	10/11/2003	LW14B;					
21	224D8012098	NGUYỄN THỊ BẠCH	DƯƠNG	21/03/2004	LW14B;					
22	224D8012099	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	28/09/2004	LW14B;					
23	224D8012102	PHÙNG THỊ THÙY	DƯƠNG	05/08/2004	LW14B;					
24	224D8012915	MA VŨ	DUY	05/10/2004	LW14B;					
25	224D8012115	NGUYỄN THU	HÀ	09/07/2004	LW14B;					
26	224D8012117	TRẦN THỊ THU	HÀ	07/05/2004	LW14B;					
27	224D8012118	NGUYỄN NHẬT	HẠ	28/12/2004	LW14B;					
28	224D8012119	TRẦN TUẤN	HẢI	17/07/2004	LW14B;					
29	224D8012124	NÔNG HÙNG	HIỂN	30/07/2004	LW14B;					
30	224D8012125	TRẦN TRUNG	HIẾU	14/05/2004	LW14B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **5 - 5** Ngày thi: **12/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D8012126	PHẠM CÔNG	HIỆU	13/04/2004	LW14B;					
32	224D8012127	HỒ THỊ MỸ	HOA	02/01/2004	LW14B;					
33	224D8012128	TÔ THỊ	HOA	08/02/2004	LW14B;					
34	224D8012130	NGUYỄN XUÂN	HÒA	01/01/2004	LW14B;					
35	224D8012133	NGUYỄN PHÚ VIỆT	HOÀNG	17/02/2004	LW14B;					
36	224D8012134	TRẦN HUY	HOÀNG	30/01/2004	LW14B;					
37	224D8012135	VŨ VIỆT	HOÀNG	20/02/2004	LW14B;					
38	224D8012140	TRƯƠNG ĐỨC	HÙNG	24/12/2004	LW14B;					
39	224D8012144	TÔ THU	HUYỀN	06/04/2004	LW14B;					
40	224D8012145	TRẦN MỸ	HUYỀN	21/05/2004	LW14B;					
41	224D8012147	VŨ THỊ	HUYỀN	30/12/2003	LW14B;					
42	224D8012151	NGUYỄN DUY	KHANG	22/08/2004	LW14B;					
43	224D8012152	TRẦN XUÂN	KHÁNH	09/02/2004	LW14B;					
44	224D8012154	ĐỖ THÙY	LINH	30/07/2003	LW14B;					
45	224D8012156	LÊ THÙY	LINH	17/09/2004	LW14B;					
46	224D8012159	NGUYỄN VŨ NGỌC	LINH	12/01/2004	LW14B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4010475	NGUYỄN XUÂN	AN	11/01/2004	QT30A;					
2	224D4010479	BÙI HẢI	ANH	21/10/2004	QT30A;					
3	224D4010488	LÊ THỊ LAN	ANH	20/10/2004	QT30A;					
4	224D4010490	LƯƠNG THỊ VÂN	ANH	08/01/2004	QT30A;					
5	224D4010493	NGUYỄN KHẮC VIỆT	ANH	16/02/2004	QT30A;					
6	224D4010504	NGUYỄN VÂN	ANH	07/02/2004	QT30A;					
7	224D4010508	PHẠM TUẤN	ANH	11/01/2004	QT30A;					
8	224D4010514	VI THỊ VÂN	ANH	20/06/2004	QT30A;					
9	224D4010517	VŨ NGỌC	ANH	22/01/2004	QT30A;					
10	224D4010523	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	17/10/2004	QT30A;					
11	224D4010535	TRẦN MINH	CHÂU	23/05/2004	QT30A;					
12	224D4010540	TRẦN THỊ KIM	CHI	27/06/2004	QT30A;					
13	224D4010572	NGUYỄN NGỌC TUẤN	ĐẠI	15/09/2004	QT30A;					
14	224D4010546	BÙI THỊ	DIỆP	03/04/2004	QT30A;					
15	224D4010552	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	27/01/2004	QT30A;					
16	224D4010558	PHẠM TIẾN	DŨNG	01/06/2004	QT30A;					
17	224D4010568	NGUYỄN ĐĂNG	DƯƠNG	31/03/2004	QT30A;					
18	224D4010583	NGUYỄN HÀ	GIANG	29/07/2004	QT30A;					
19	224D4010586	PHAN THỊ HÀ	GIANG	27/08/2004	QT30A;					
20	224D4010594	VŨ NGÂN	HÀ	04/10/2004	QT30A;					
21	224D4010597	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	01/01/2004	QT30A;					
22	224D4010598	ĐINH LÝ	HẢO	24/09/2004	QT30A;					
23	224D4010604	TRẦN ĐÌNH	HẬU	14/03/2004	QT30A;					
24	224D4010605	DƯƠNG THU	HIỀN	29/04/2004	QT30A;					
25	224D4010607	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	11/01/2004	QT30A;					
26	224D4010608	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	23/05/2004	QT30A;					
27	224D4010609	PHẠM THỊ THANH	HIỀN	27/10/2004	QT30A;					
28	224D4010616	NGUYỄN HUY	HIỆU	30/09/2004	QT30A;					
29	224D4010625	NGUYỄN BÁ	HOÀNG	18/05/2004	QT30A;					
30	224D4010641	ĐỖ PHƯƠNG	HUYỀN	26/11/2004	QT30A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **1 - 1** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4010649	TRẦN THỊ THU	HUYỀN	05/08/2004	QT30A;					
32	224D4010650	VŨ MINH	HUYỀN	02/12/2004	QT30A;					
33	224D4010679	KIM NHẬT	LÂM	04/08/2004	QT30A;					
34	224D4010677	CHỬ THỊ DIỆU	LÀNH	13/06/2004	QT30A;					
35	224D4010682	BÙI KHÁNH	LINH	31/12/2004	QT30A;					
36	224D4010683	ĐỖ KHÁNH	LINH	02/09/2004	QT30A;					
37	224D4010696	NGUYỄN THỊ	LINH	19/03/2004	QT30A;					
38	224D4010695	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	21/08/2004	QT30A;					
39	224D4010707	TRẦN DIỆU	LINH	04/07/2004	QT30A;					
40	224D4010715	NGUYỄN XUÂN	LỘC	19/12/2004	QT30A;					
41	224D4010727	VŨ THỊ HOÀNG	MAI	23/06/2004	QT30A;					
42	224D4010731	DƯƠNG TRỌNG	MINH	07/01/2003	QT30A;					
43	224D4010735	PHẠM HUY	MINH	21/06/2004	QT30A;					
44	224D4010743	ĐOÀN THỊ HOA	MY	10/06/2004	QT30A;					
45	224D4010749	PHẠM HOÀNG	NAM	16/06/2004	QT30A;					
46	224D4010754	NGÔ THỊ THANH	NGA	07/09/2004	QT30A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4010830	ĐỖ THỊ THẢO	QUYÊN	28/02/2004	QT30D;					
2	224D4010832	VŨ THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	21/07/2004	QT30D;					
3	224D4010839	HOÀNG THÁI	SƠN	12/04/2004	QT30D;					
4	224D4010846	HOÀNG HÀ MAI	THANH	01/07/2004	QT30D;					
5	224D4010847	ĐỖ NGỌC	THẢO	24/02/2004	QT30D;					
6	224D4010861	NGỤY PHƯƠNG	THẢO	07/12/2004	QT30D;					
7	224D4010858	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	30/03/2004	QT30D;					
8	224D4010859	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	09/03/2004	QT30D;					
9	224D4010864	TRẦN THANH	THẢO	01/11/2004	QT30D;					
10	224D4010873	ĐÀO PHƯƠNG	THÙY	14/12/2004	QT30D;					
11	224D4010886	DƯƠNG ĐÀO THỦY	TIÊN	29/10/2004	QT30D;					
12	224D4010909	NGUYỄN QUỲNH	TRÂM	26/04/2004	QT30D;					
13	224D4010893	BÙI THỊ	TRANG	18/03/2004	QT30D;					
14	224D4010904	NGUYỄN THU	TRANG	27/01/2004	QT30D;					
15	224D4010907	VŨ CUNG HƯƠNG	TRANG	03/07/2004	QT30D;					
16	224D4010931	VŨ THANH	VÂN	24/09/2004	QT30D;					
17	224D4010939	TRẦN THẢO	VY	21/11/2004	QT30D;					
18	224D4010940	CHÚC HẢI	YẾN	18/12/2004	QT30D;					
19	224D4010942	DƯƠNG THỊ HẢI	YẾN	22/10/2004	QT30D;					
20	224D4010471	ĐOÀN ĐỨC	AN	20/08/2004	QT30E;					
21	224D4010476	TRẦN THANH	AN	01/08/2004	QT30E;					
22	224D4010506	PHẠM THỊ LAN	ANH	08/01/2004	QT30E;					
23	224D4010509	PHẠM XUÂN	ANH	14/08/2004	QT30E;					
24	224D4010518	VŨ PHƯƠNG	ANH	13/02/2004	QT30E;					
25	224D4010524	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	09/12/2004	QT30E;					
26	224D4010525	PHẠM THỊ NGỌC	ÁNH	08/07/2004	QT30E;					
27	224D4010534	TRẦN DƯƠNG	CẦM	12/08/2004	QT30E;					
28	224D4010541	NGUYỄN THỊ THU	CHINH	02/09/2004	QT30E;					
29	224D4010545	VŨ MẠNH	CƯỜNG	05/01/2004	QT30E;					
30	224D4010577	LÊ HOÀNG	ĐỨC	06/02/2004	QT30E;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **2 - 2** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4010551	NGUYỄN THỊ	DUNG	25/08/2004	QT30E;					
32	224D4010559	LÊ QUỲNH	DƯƠNG	30/07/2004	QT30E;					
33	224D4010563	CAO KIM	DUYÊN	29/09/2004	QT30E;					
34	224D4010566	NGUYỄN KIỀU	DUYÊN	16/05/2004	QT30E;					
35	224D4010585	NGUYỄN THỊ TRÀ	GIANG	03/02/2004	QT30E;					
36	224D4010593	NGUYỄN THỊ HẢI	HÀ	24/08/2003	QT30E;					
37	224D4010595	ĐÀM VÂN	HẠ	20/01/2004	QT30E;					
38	224D4010613	TRẦN DƯƠNG TRUNG	HIẾU	22/12/2004	QT30E;					
39	224D4010617	NGUYỄN THỊ MỸ	HOA	06/11/2003	QT30E;					
40	224D4010622	NGUYỄN THỊ	HOÀI	04/10/2003	QT30E;					
41	224D4010623	NGUYỄN THU	HOÀN	06/02/2004	QT30E;					
42	224D4010627	NGUYỄN THỊ	HUỆ	08/11/2004	QT30E;					
43	224D4010633	NGUYỄN THẾ	HÙNG	10/09/2004	QT30E;					
44	224D4010651	LÊ THU	HƯƠNG	07/12/2004	QT30E;					
45	224D4010655	NGUYỄN THU	HƯƠNG	24/12/2004	QT30E;					
46	224D4010656	PHAN THỊ MAI	HƯƠNG	10/02/2004	QT30E;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D6012355	ĐÀO ANH	ĐỨC	30/04/2004	CT19B;					
2	224D6012334	ĐẶNG THÙY	DƯƠNG	22/08/2004	CT19B;					
3	224D6012337	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	10/02/2004	CT19B;					
4	224D6012330	TÒNG ĐẠT	DUY	11/07/2004	CT19B;					
5	224D6012368	ĐẶNG TRẦN NGỌC	HÀ	15/10/2004	CT19B;					
6	224D6012369	NGÔ XUÂN	HÀ	24/06/2004	CT19B;					
7	224D6012377	ĐỖ ĐỨC	HẢI	09/09/2003	CT19B;					
8	224D6012384	ĐỖ BẢO	HÂN	04/11/2004	CT19B;					
9	224D6012385	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	13/07/2003	CT19B;					
10	224D6012380	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	21/07/2004	CT19B;					
11	224D6012387	NGUYỄN THỊ MINH	HẬU	16/01/2004	CT19B;					
12	224D6012389	ĐINH THỊ THU	HIỀN	06/01/2004	CT19B;					
13	224D6012391	NÔNG TRẦN THÚY	HIỀN	29/11/2003	CT19B;					
14	224D6012396	NGUYỄN VĂN	HIẾU	05/09/2004	CT19B;					
15	224D6012398	VŨ TRUNG	HIẾU	19/07/2004	CT19B;					
16	224D6012414	NGÔ THIÊN	HƯƠNG	15/09/2004	CT19B;					
17	224D6012440	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	12/06/2004	CT19B;					
18	224D6012416	NGUYỄN QUANG	HUY	19/10/2004	CT19B;					
19	224D6012430	MẠC THU	HUYỀN	23/10/2004	CT19B;					
20	224D6012429	MỴ KHÁNH	HUYỀN	28/04/2004	CT19B;					
21	224D6012434	TRẦN NGỌC	HUYỀN	03/02/2004	CT19B;					
22	224D6012437	VŨ THU	HUYỀN	03/11/2004	CT19B;					
23	224D6012453	NGUYỄN HÀ	KHOA	15/09/2003	CT19B;					
24	224D6012459	TRẦN TRUNG	KIÊN	22/09/2004	CT19B;					
25	224D6012461	NGUYỄN THỊ THANH	LAM	07/06/2004	CT19B;					
26	224D6012466	NGUYỄN NHẬT	LỆ	29/11/2004	CT19B;					
27	224D6012470	ĐỖ MAI	LINH	25/07/2004	CT19B;					
28	224D6012471	ĐỖ THỊ KHÁNH	LINH	19/06/2004	CT19B;					
29	224D6012488	SÒI MAI	LINH	11/08/2004	CT19B;					
30	224D6012489	TRẦN DIỆP	LINH	30/04/2004	CT19B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **3 - 3** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D6012507	BÙI THỊ	MAI	10/10/2004	CT19B;					
32	224D6012520	NGÔ HOÀNG	MY	06/09/2004	CT19B;					
33	224D6012541	PHẠM HOÀNG MAI	NGÂN	04/10/2004	CT19B;					
34	224D6012542	TĂNG THỊ THU	NGÂN	10/05/2004	CT19B;					
35	224D6012544	HOÀNG TRỌNG	NGHĨA	23/08/2004	CT19B;					
36	224D6012554	PHẠM KHÔI	NGUYÊN	04/01/2004	CT19B;					
37	224D6012558	LÊ THỊ	NHẠN	20/04/2004	CT19B;					
38	224D6012561	LƯU YẾN	NHI	11/08/2004	CT19B;					
39	224D6012565	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	02/12/2004	CT19B;					
40	224D6012571	PHẠM HỒNG	NHUNG	14/01/2003	CT19B;					
41	224D6012573	VÀ THỊ	PHI	18/10/2004	CT19B;					
42	224D6012575	ĐỖ THẢO	PHƯƠNG	20/09/2004	CT19B;					
43	224D6012576	HỒ MINH	PHƯƠNG	22/09/2004	CT19B;					
44	224D6012589	NGUYỄN MINH	QUÂN	03/09/2004	CT19B;					
45	224D6012592	TRẦN MINH	QUÂN	02/10/2004	CT19B;					
46	224D6012584	NGUYỄN ĐỨC	QUANG	25/10/2004	CT19B;					
47	224D6012586	PHAN THANH	QUANG	03/04/2003	CT19B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D5022836	HOÀNG NGỌC	MAI	16/08/2004	BH30A;					
2	224D5022838	BÙI ĐỨC	MẠNH	06/12/2004	BH30A;					
3	224D5022839	NGUYỄN NHẬT	MINH	22/09/2004	BH30A;					
4	224D5022840	PHẠM ĐỨC	MINH	24/12/2004	BH30A;					
5	224D5022843	GIANG HOÀI	NAM	10/05/2004	BH30A;					
6	224D5022845	ĐỖ THỊ VÂN	NGA	06/05/2003	BH30A;					
7	224D5022846	NGUYỄN KIM	NGÂN	06/09/2004	BH30A;					
8	224D5022848	BÙI THỊ	NGỌC	03/11/2004	BH30A;					
9	224D5022849	NGUYỄN THỊ	NHÀN	24/01/2004	BH30A;					
10	224D5022851	NGUYỄN LAN	NHI	18/10/2004	BH30A;					
11	224D5022852	ĐÀO THỊ	NHUNG	03/11/2004	BH30A;					
12	224D5022854	NGUYỄN THỊ	OANH	10/04/2004	BH30A;					
13	224D5022858	ĐẶNG THỊ HÀ	PHƯƠNG	11/08/2004	BH30A;					
14	224D5022867	NGUYỄN XUÂN	QUÂN	27/09/2004	BH30A;					
15	224D5022869	NGUYỄN THU	QUYÊN	13/07/2004	BH30A;					
16	224D5022870	ĐÀM NHƯ	QUỲNH	20/01/2004	BH30A;					
17	224D5022873	NGUYỄN KHẮC	TÀI	25/09/2004	BH30A;					
18	224D5022877	NGUYỄN THANH	THẢO	25/12/2004	BH30A;					
19	224D5022880	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ	THỊNH	22/09/2004	BH30A;					
20	224D5022884	MAI ANH	THƯ	23/04/2004	BH30A;					
21	224D5022883	NGUYỄN ĐỨC	THUẬT	12/08/2004	BH30A;					
22	224D5022886	NGÔ TIẾN	THỨC	08/01/2004	BH30A;					
23	224D5022889	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	TRÀ	29/07/2004	BH30A;					
24	224D5022892	NGUYỄN THU	TRANG	22/05/2004	BH30A;					
25	224D5022895	TRỊNH HUYỀN	TRANG	21/04/2004	BH30A;					
26	224D5022897	CAO VĂN	TRƯỜNG	05/04/2004	BH30A;					
27	224D5022898	PHẠM VIỆT ANH	TUẤN	12/02/2004	BH30A;					
28	224D5022901	BÙI HUY	TUYỂN	24/01/2004	BH30A;					
29	224D5022905	NGUYỄN ĐỨC	VĂN	19/01/2004	BH30A;					
30	224D5022906	ĐẶNG THÀNH	VINH	25/10/2004	BH30A;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **4 - 4** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D5022907	NGUYỄN HỮU	VINH	28/06/2004	BH30A;					
32	224D5022909	NGUYỄN ANH	VŨ	03/08/2004	BH30A;					
33	224D5022912	AN THẢO	VY	24/10/2004	BH30A;					
34	224D5022711	LÊ ĐỨC	ANH	21/12/2004	BH30B;					
35	224D5022714	NGUYỄN HOÀI NAM	ANH	22/12/2004	BH30B;					
36	224D5022715	NGUYỄN KHẮC NAM	ANH	26/04/2004	BH30B;					
37	224D5022717	NGUYỄN MINH HOÀNG	ANH	02/05/2004	BH30B;					
38	224D5022719	PHAN TUẤN	ANH	20/07/2004	BH30B;					
39	224D5022722	TRẦN THỊ MAI	ANH	16/05/2004	BH30B;					
40	224D5022724	NGUYỄN XUÂN	BÁCH	20/03/2004	BH30B;					
41	224D5022725	NGUYỄN TRIỆU GIA	BẢO	13/11/2004	BH30B;					
42	224D5022728	PHẠM NHƯ	BÌNH	29/11/2004	BH30B;					
43	224D5022731	NGUYỄN MINH	CHÂU	28/12/2004	BH30B;					
44	224D5022736	VŨ MẠNH	CƯƠNG	22/12/2004	BH30B;					
45	224D5022737	ĐÀO QUỐC	CƯỜNG	12/01/2004	BH30B;					
46	224D5022754	NGUYỄN CÔNG	ĐẠT	30/08/2004	BH30B;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **5 - 5** Ngày thi: **13/11/2022**
Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	224D4031471	NGUYỄN NGỌC	QUANG	26/12/2004	KT17B;					
2	224D4031473	ĐOÀN THỊ THU	QUYÊN	27/02/2004	KT17B;					
3	224D4031474	NGÔ THỊ	QUYÊN	11/10/2004	KT17B;					
4	224D4031479	VŨ TRẦN NHƯ	QUỲNH	28/09/2004	KT17B;					
5	224D4031495	TRẦN THỊ	THẮM	08/03/2004	KT17B;					
6	224D4031505	TRỊNH THỊ	TÌNH	29/02/2004	KT17B;					
7	224D4031524	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	21/09/2004	KT17B;					
8	224D4031525	TRẦN NGỌC	TRÂM	15/05/2004	KT17B;					
9	224D4031509	DƯ THỊ THÙY	TRANG	20/04/2004	KT17B;					
10	224D4031510	HOÀNG MAI	TRANG	17/11/2003	KT17B;					
11	224D4031511	HOÀNG THỊ QUỲNH	TRANG	11/01/2004	KT17B;					
12	224D4031515	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	17/04/2004	KT17B;					
13	224D4031523	VŨ HÀ	TRANG	08/01/2004	KT17B;					
14	224D4031535	NGUYỄN THẢO	VÂN	28/11/2004	KT17B;					
15	224D4031534	NGUYỄN THỊ	VÂN	27/05/2004	KT17B;					
16	224D4031222	ĐÀO QUỲNH	ANH	20/09/2004	KT17C;					
17	224D4031226	LẠI VÂN	ANH	29/07/2004	KT17C;					
18	224D4031225	LÊ THỊ CHÂM	ANH	02/05/2004	KT17C;					
19	224D4031228	NGÔ THỊ MAI	ANH	03/09/2004	KT17C;					
20	224D4031231	NGUYỄN HÀ	ANH	17/01/2004	KT17C;					
21	224D4031234	NGUYỄN MAI	ANH	15/01/2004	KT17C;					
22	224D4031239	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	26/08/2004	KT17C;					
23	224D4031242	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	09/11/2003	KT17C;					
24	224D4031244	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	23/01/2004	KT17C;					
25	224D4031249	PHẠM THÙY	ANH	27/06/2004	KT17C;					
26	224D4031259	VŨ NGUYỄN NHẬT	ANH	03/01/2004	KT17C;					
27	224D4031262	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	27/04/2004	KT17C;					
28	224D4031268	TRƯƠNG THỊ THANH	BÌNH	28/08/2004	KT17C;					
29	224D4031280	HOÀNG THỊ	CÚC	12/02/2004	KT17C;					
30	224D4031295	MAI THÀNH	ĐẠT	23/11/2004	KT17C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI PHÂN LOẠI NGOẠI NGỮ

NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã học phần: **2323** Ca thi: **5 - 5** Ngày thi: **13/11/2022**

Tên học phần: **Tiếng Anh 1** Phòng: **P/Máy1**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số phách	Điểm thi	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
31	224D4031282	NGUYỄN THỊ	DỊU	07/09/2004	KT17C;					
32	224D4031284	KIM NGỌC	DUNG	18/07/2004	KT17C;					
33	224D4031291	TRẦN BẠCH	DƯƠNG	30/04/2004	KT17C;					
34	224D4031304	HOÀNG TRỌNG	HẢI	26/07/2004	KT17C;					
35	224D4031307	DƯƠNG THỊ MINH	HẰNG	23/05/2004	KT17C;					
36	224D4031306	VŨ HỒNG	HẠNH	06/01/2004	KT17C;					
37	224D4031305	ĐINH THỊ MAI	HẠNH	04/06/2004	KT17C;					
38	224D4031315	ĐINH THỊ THU	HIỀN	20/09/2004	KT17C;					
39	224D4031316	KIỀU THU	HIỀN	10/03/2004	KT17C;					
40	224D4031322	NGUYỄN XUÂN	HIỆP	15/02/2004	KT17C;					
41	224D4031325	NGUYỄN LINH	HOA	21/04/2003	KT17C;					
42	224D4031327	NGUYỄN THỊ MAI	HOA	28/11/2004	KT17C;					
43	224D4031355	MAI THỊ	HƯƠNG	16/07/2004	KT17C;					
44	224D4031338	BÙI KHÁNH	HUYỀN	24/11/2004	KT17C;					
45	224D4031342	LÊ PHƯƠNG	HUYỀN	18/10/2004	KT17C;					
46	224D4031345	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	22/07/2004	KT17C;					
47	224D4031363	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	LAN	30/09/2004	KT17C;					

- Tổng số SV dự thi: ... - Tổng số bài thi: ... - Tổng số tờ giấy thi: ... - Số SV vi phạm QC thi: ...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Cán bộ ghép phách** **P. QL Chất lượng** **P. Đào tạo**